



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **389**/DVKT-BTK

TP. Hồ Chí Minh, ngày **17** tháng 4 năm 2020

Về việc Công bố Báo cáo thường
niên 2019 của Tổng công ty.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 028.3910 2828 Fax: 028.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam công bố thông tin Báo cáo thường niên 2019 được lập theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên 2019: www.ptsc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD;
- Website: www.ptsc.com.vn;
- Lưu: VT, BTK (NĐT,04).

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Đức Thủy



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

(Theo quy định tại Phụ lục số 4, Thông tư số 155/2015/TT-BTC
ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính)



- Báo cáo thường niên được cập nhật, đăng tải tại địa chỉ website Tổng công ty: <http://www.ptsc.com.vn>

MỤC LỤC

01. THÔNG TIN CHUNG

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chiến lược phát triển

Quá trình hình thành và phát triển

Tổng quan về PTSC

- *Lĩnh vực hoạt động*
- *Cơ cấu quản trị*
- *Mạng lưới hoạt động kinh doanh*
- *Nguồn lực*
- *Sự kiện và giải thưởng tiêu biểu trong năm 2019*

02. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

Thông điệp của Tổng Giám đốc

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo của Ban Kiểm soát

03. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tổng quan về hệ thống quản trị của PTSC

Cơ cấu Hội đồng Quản trị

Thù lao và các lợi ích khác

Quản trị rủi ro

04. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp phát triển bền vững

Các bên liên quan

Mô hình phát triển bền vững

05. CHỨNG KHÓA PVS

Thông tin cơ bản

Cổ đông

Quan hệ Cổ đông

Đánh giá cổ phiếu PVS

Lịch sử chi trả cổ tức

06. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

IGT
AN
THI
HI
AM
, C'

01. THÔNG TIN CHUNG

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chiến lược phát triển

Quá trình hình thành và phát triển

Tổng quan về PTSC

- *Lĩnh vực hoạt động*
- *Cơ cấu quản trị*
- *Mạng lưới hoạt động kinh doanh*
- *Nguồn lực*
- *Sự kiện và giải thưởng tiêu biểu trong năm 2019*

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý vị Cổ đông,

Kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu năm 2019 đang lâm vào khủng hoảng nặng nề với các rủi ro, thách thức, khó khăn ngày càng khốc liệt; mối quan hệ căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn leo thang; ngành dầu khí thế giới lâm vào cuộc chiến giữa các nước xuất khẩu dầu lớn của thế giới và tăng sản lượng sản xuất phi mã trong thời kỳ nhu cầu xăng dầu giảm thấp cùng các ảnh hưởng, hậu quả ghê gớm do tác động của Dịch Covid-19 làm cho giá dầu thô lao dốc và đạt mức thấp kỷ lục, mức 20 USD/thùng, cùng với các biến động mạnh, cô lập, cách ly, "ngủ đông", sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt xã hội ngưng trệ, "đóng băng" trên phạm vi toàn cầu; tình hình khu vực, biển Đông diễn biến rất phức tạp, khó lường, ngày càng khó khăn hơn cho Việt Nam triển khai các dự án dầu khí biển, đặc biệt là các dự án khảo sát, ở các vùng nước sâu, xa bờ; những khó khăn do xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị, cùng các hạn chế nội tại của ngành dầu khí nói chung đã tác động và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp dầu khí. Tại thị trường trong nước, mức độ cạnh tranh ngày càng trở nên khốc liệt và gay gắt, ảnh hưởng kéo dài từ giá dầu thấp trong 6 năm qua và hiện tại đã tiếp tục tạo ra nhiều khó khăn, thách thức cho hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu, khí phải điều chỉnh theo hướng giảm hoặc dừng hoạt động, kết quả là các nhà cung cấp dịch vụ dầu khí trong đó có Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Tổng Công ty PTSC) tiếp tục chịu những ảnh hưởng to lớn và tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Các lĩnh vực dịch vụ chính của Tổng Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt là các dịch vụ khảo sát, tàu dịch vụ, cảng dịch vụ, khách sạn, cơ khí dầu khí, công nghiệp-bờ, FSO/FPSO, đặt ra yêu cầu mang tính sống còn là phải đổi mới, cải tiến, nâng cấp, tái cấu trúc mạnh mẽ.

Với nhận thức, đánh giá rõ ràng, sâu sắc và toàn diện về những diễn biến bất lợi của thị trường, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành, Tổng Công ty, các Đơn vị, toàn thể NLĐ tiếp tục đoàn kết đồng lòng, quyết liệt, nỗ lực cao nhất, chủ động và sáng tạo trong việc triển khai các biện pháp quản trị - điều hành, trong sản xuất kinh doanh, các hoạt động, đẩy mạnh tái cơ cấu các bộ phận nhằm ứng phó với những khó khăn, bất ổn; kết quả Tổng Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2019 được phê duyệt, tiếp tục triển khai mạnh mẽ các giải pháp, nhiệm vụ, khẳng định thương hiệu PTSC là một trong những doanh nghiệp dịch vụ kỹ thuật hàng đầu tại Việt Nam và khu vực, cụ thể như nêu dưới đây.

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt được là **17.714 tỷ VNĐ**, lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt được là **1.103 tỷ VNĐ**, tương ứng 136% và 158% so với Kế hoạch năm.
- Triển khai an toàn, chất lượng, đúng tiến độ, hiệu quả tại các Dự án FSO/FPSO, Dự án Thiết kế chi tiết, Mua sắm, Chế tạo, Vận chuyển, Lắp đặt và Chạy thử Giàn Sao Vàng CPP và Đại Nguyệt WHP, Dự án Gallaf – Al Shaheen; ký kết, thực hiện các Hợp đồng EPC Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt, Dự án Khu liên hợp Lọc hóa dầu Long Sơn, Dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải, Dự án Kho cảng

Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ, v.v..., tiếp tục khẳng định uy tín, thương hiệu của Tổng Công ty-PTSC trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao, EPCI công trình trong nước và quốc tế.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cấu trúc mạnh mẽ các bộ phận, công việc khó khăn, thua lỗ, củng cố hiệu quả quản trị theo các mô hình quản trị hiện đại, đảm bảo bộ máy tinh gọn, chuyên nghiệp, kiểm soát tốt các rủi ro, tiết giảm chi phí, phát huy sử dụng hiệu quả các nguồn lực, liên tục cải tiến, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh, áp dụng tối đa công nghệ, khoa học kỹ thuật tiên tiến, cập nhật trong điều hành, SXKD, các hoạt động để đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường, tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, dịch vụ, liên tục nâng cao giá trị gia tăng cho khách hàng.

- Đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, thị trường, hợp tác liên danh, liên doanh, liên kết, phát triển ra nước ngoài, phát triển các loại hình dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, khai thác (O&M), công trình công nghiệp, bờ, tận dụng mọi cơ hội cung cấp hàng hóa, dịch vụ, dự án, công việc SXKD.

Những kết quả đạt được nêu trên đã cho thấy nỗ lực, cố gắng liên tục không mệt mỏi trong lao động, các hoạt động của tập thể lãnh đạo, CBCNV, cùng với đó là sự hợp tác, hỗ trợ hiệu quả của đối tác, khách hàng của Tổng Công ty-PTSC và các giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của PTSC đã luôn được tích lũy, phát triển trong suốt thời gian qua, thúc đẩy sự kiên trì, khát khao, đổi mới, thay đổi tích cực, lao động, hoạt động hiệu quả trong toàn thể Lãnh đạo, NLĐ Tổng Công ty, đáp ứng kỳ vọng của Quý vị Cổ đông, khách hàng.

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2020 dự kiến sẽ khó khăn hơn và tác động kép, cộng hưởng từ diễn biến, mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và nguy cơ khủng hoảng giá dầu nghiêm trọng, phức tạp, khó lường, ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các Đơn vị; HĐQT vững tin rằng, với kinh nghiệm 27 năm hình thành, phát triển, gắn liền với văn hóa truyền thống PTSC, HĐQT cùng Ban điều hành, tập thể NLĐ Tổng Công ty tiếp tục trụ vững, đoàn kết, nỗ lực và quyết tâm cao độ, thực hiện phương châm “không thay đổi định hướng, mục tiêu, bình tĩnh, không chủ quan, chủ động sớm các giải pháp, biện pháp”, thực hiện thành công, hoàn thành tốt ở mức cao nhất nhiệm vụ SXKD năm 2020 mà ĐHĐCĐ, cấp trên giao phó, quan tâm chăm sóc các quyền, lợi ích chính đáng của Quý cổ đông, NLĐ tốt hơn.

Thay mặt HĐQT, Tập thể Lãnh đạo Tổng Công ty, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc tới các Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Quý khách hàng, Đối tác, các Cơ quan quản lý Nhà nước, Cấp trên cùng toàn thể CBCNV Tổng Công ty-PTSC đã luôn đồng hành, tin tưởng, tín nhiệm, hợp tác, ủng hộ Tổng Công ty và kính chúc Quý vị năm 2020, các năm tiếp theo luôn luôn được mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Phan Thanh Tùng

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Quan điểm:

- Phát triển ổn định, bền vững, khẳng định vị thế nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao hàng đầu Việt Nam.
- Từng bước gia tăng thị phần dịch vụ ngoài ngành, ngoài nước dựa trên lợi thế cạnh tranh riêng của PTSC và phát huy vai trò thành viên Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.
- Tăng cường hợp tác với các đối tác có năng lực trong và ngoài nước để nâng cao sức cạnh tranh, phát triển các loại hình dịch vụ mới, chủ động tiếp thu công nghệ mới nhằm chiếm lĩnh thị trường trong nước, mở rộng ra khu vực Đông Nam Á và Trung Đông.

Mục tiêu:

- Về dài hạn: Xây dựng PTSC trở thành thương hiệu quốc tế uy tín với lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao là cốt lõi, đồng thời phát triển các dịch vụ ra ngoài ngành, ngoài nước phù hợp với năng lực và thế mạnh riêng của Tổng Công ty.
- Về trung và ngắn hạn: Giữ vững và ổn định các hoạt động SXKD, xúc tiến các giải pháp dịch vụ trọn gói/chuỗi dịch vụ. Tận dụng bối cảnh thị trường dịch vụ dầu khí đang còn khó khăn và phát huy năng lực tài chính lành mạnh của PTSC để tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực, sẵn sàng đón nhận xu hướng tăng trưởng trong tương lai gần.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1993

Thành lập Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) trên cơ sở sáp nhập Công ty Dịch vụ Dầu khí (PSC) và Công ty Địa vật lý và Dịch vụ Dầu khí (GPTS), là doanh nghiệp Nhà nước duy nhất cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí với lĩnh vực hoạt động chính ban đầu là cung cấp tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí, căn cứ cảng dịch vụ dầu khí và cung cấp lao động kỹ thuật cho các nhà thầu dầu khí.

1994 - 2005

- Tách một số bộ phận của PTSC để làm nòng cốt thành lập các đơn vị dịch vụ chuyên ngành mới của ngành dầu khí.
- Đầu tư phát triển đội tàu dịch vụ chuyên dụng hiện đại và mở rộng xây dựng căn cứ cảng dịch vụ dầu khí PTSC Vũng Tàu trở thành căn cứ dịch vụ đa năng, hiện đại.
- Thực hiện thành công khối nhà ở LQ-CPC 99 cho Khách hàng Vietsovpetro, đặt nền móng cho sự phát triển mạnh mẽ của dịch vụ cơ khí dầu khí.
- Triển khai hợp đồng O&M Nhà máy Xử lý khí Dinh Cố, đường ống dẫn khí 2 phase dài 370 km và Giàn công nghệ Lan Tây, đặt nền móng cho sự ra đời và làm chủ loại hình dịch vụ O&M.

- Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh FPSO Ruby Princess với PVI và PVFC, đánh dấu sự ra đời một lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật cao đầy tiềm năng, dịch vụ FSO/FPSO.

2006 - 2010

- Năm 2006: Thực hiện quá trình cổ phần hóa, chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO).
- 01/01/2007: Chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, tạo ra bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của PTSC với sức mạnh mới.
- 09/2/2007: Chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
- 20/9/2007: Cổ phiếu của PTSC chính thức niêm yết trên sàn HNX với mã cổ phiếu PVS.
- Thành lập mới PTSC G&S; hoàn thành đầu tư tàu khảo sát địa chấn 2D, ROV, tàu khảo sát địa vật lý, nâng cao năng lực lĩnh vực khảo sát địa chấn, địa chất và khảo sát công trình ngầm lên một tầm cao mới.
- Tham gia đầu tư kho nổi FSO Orkid và FPSO Ruby II, nâng cao năng lực trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ FSO/FPSO.
- Năm 2010: Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 2.978 tỷ VNĐ.
- Thực hiện thành công tổng thầu EPC Dự án Biển Đông với tổng khối lượng thi công chế tạo trên 30.000 tấn và giá trị trên 1 tỷ USD, là dự án thi công chế tạo các cấu kiện dầu khí lớn nhất Việt Nam từ trước đến nay.

2011 - 2015

- Thực hiện đầu tư sở hữu 51% 2 kho nổi FSO PTSC Bien Dong 01 và FPSO Lam Son, làm chủ hoàn toàn công nghệ đóng và vận hành FSO/FPSO, đưa PTSC trở thành đơn vị hàng đầu trong nước và khẳng định vị thế trong khu vực đối với lĩnh vực cung cấp, vận hành và khai thác FSO/FPSO.
- Thực hiện thành công tăng vốn điều lệ lên 4.467 tỷ VNĐ.
- Năng lực triển khai các dự án EPCI và khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế trong lĩnh vực cơ khí dầu khí được khẳng định và nâng cao bằng việc thắng thầu quốc tế và thực hiện thành công các dự án: Khối thượng tầng giàn công nghệ HRD cho Khách hàng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Ấn Độ - ONGC, Dự án EPCC Maharaja Lela South tại Brunei cho Khách hàng Total E&P.
- Các Liên doanh ở nước ngoài thực hiện chuyển lợi nhuận về nước.

2016 – 2018

- Tăng vốn điều lệ lên 4.780 tỷ VNĐ.
- Tính đến 31/12/2018, tổng giá trị PTSC đã thu về từ các Liên Doanh ở nước ngoài là 105 triệu USD.
- Thắng thầu EPC và thực hiện thành công các dự án công trình công nghiệp dầu khí trên bờ: Nhà máy Phân bón NPK; Nhà máy sản xuất Amoniac NH₃ của Khách hàng Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo); Nhà máy Xử lý khí Cà Mau của Khách hàng Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS).

- Thắng thầu và triển khai thực hiện các dự án cho các Khách hàng ngoài ngành: Nhà máy kho cảng Hải Phòng, Mở rộng nhà máy Gò Dầu cho Khách hàng Top Solvent (Thái Lan) và Mở rộng kho cảng Vopak (Hà Lan) giai đoạn III.
- Thắng thầu và triển khai Dự án Gallaf - Al Shaheen cho Khách hàng North Oil Company (NOC) tại Qatar với tổng giá trị hợp đồng hơn 300 triệu USD.

2019

- Hoàn thành đóng mới, hạ thủy, bàn giao và đưa vào vận hành, khai thác thành công và an toàn đội tàu 8 tàu đầu tư đóng mới cho khách hàng Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP).
- Thắng thầu và triển khai Dự án kho chứa LNG Thị Vải và Dự án EPC đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt của khách hàng Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS); Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam – Gói A1 (LSP – A1) của khách hàng Liên danh tổng thầu TPSK (Ý – Hàn Quốc).
- Thắng thầu và triển khai thực hiện dự án cho các Khách hàng ngoài ngành: Dự án “Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ của khách hàng Công ty CP Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ (NDV Seaport); Dự án gia công chế tạo, lắp đặt hệ đường ống công nghệ ISBL và lắp đặt thiết bị - Nhà máy sản xuất polypropylene của khách hàng Hyosung Vietnam.
- Ngày 4/10/2019, Chân đế giàn khoan khai thác Sao Vàng 12.500 tấn thuộc dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, đã được lắp đặt và bàn giao thành công cho Chủ đầu tư IGP tại mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt thuộc lô 05-1b và 05-1c ở bồn trũng Nam Côn Sơn, khẳng định năng lực tổng thầu EPCIC của PTSC.
- PTSC về đích trước kế hoạch, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch tài chính và bước qua thời kỳ khó khăn nhất.

TỔNG QUAN VỀ PTSC

Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Tổng Công ty PTSC được thành lập từ tháng 2/1993 trên cơ sở sáp nhập 2 đơn vị là Công ty Dịch vụ Dầu khí (PSC) và Công ty Địa vật lý và Dịch vụ Dầu khí (GPTS). Sau hơn 26 năm phát triển, cho đến nay, PTSC đã có những bước phát triển vượt bậc và được đánh giá là Tổng Công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp tại Việt Nam và là một thương hiệu lớn trong thị trường dầu khí, công nghiệp.

Tên giao dịch: Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Tên giao dịch nước ngoài: Petrovietnam Technical Services Corporation

Tên giao dịch viết tắt: PTSC

Mã chứng khoán: PVS

Số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100150577

Vốn điều lệ: 4.780 tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu hợp nhất: 12.784 tỷ VNĐ (theo số liệu của Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán)

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Petrovietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (+84) 028.39102828

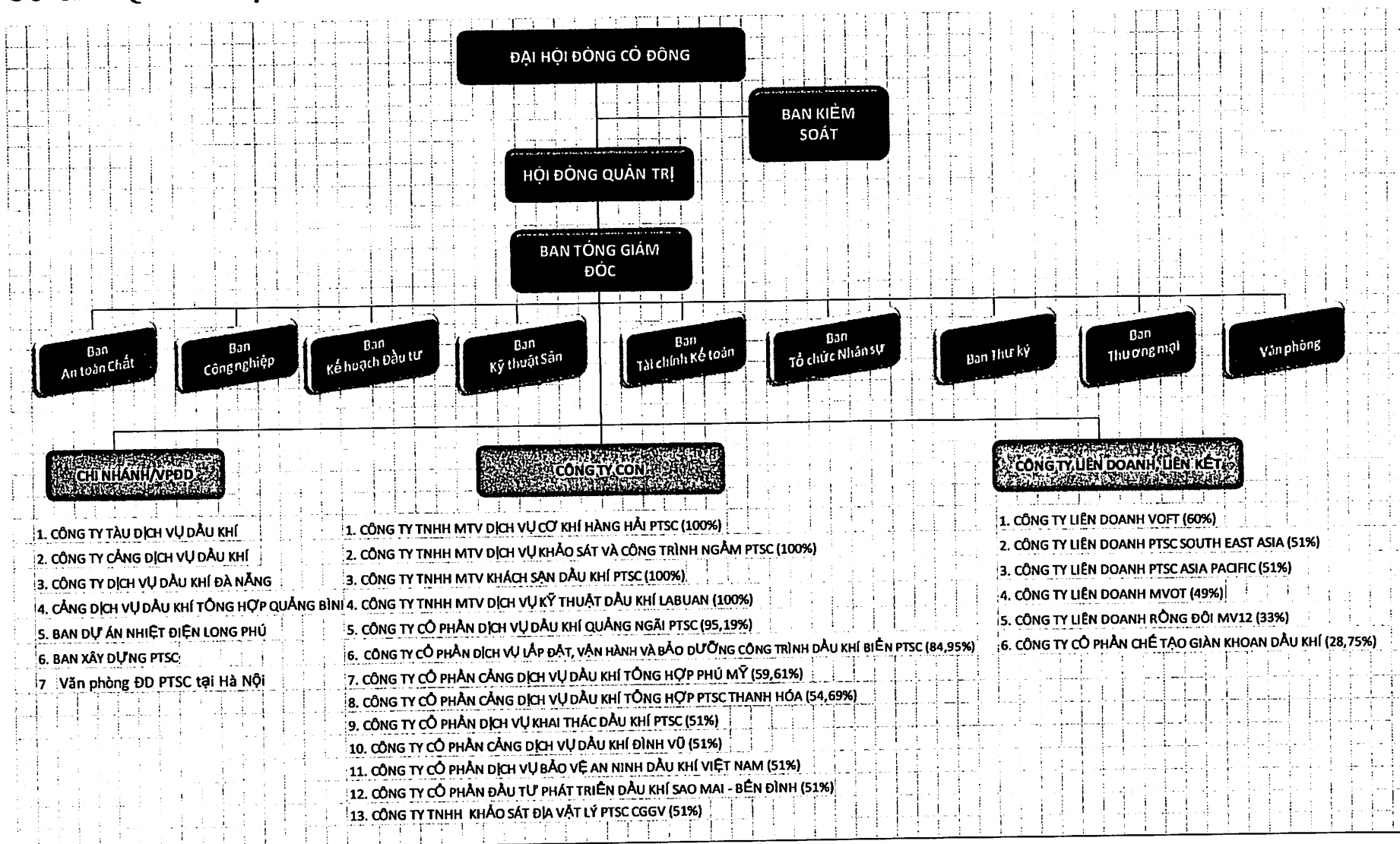
Fax: (+84) 028.39102929

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Lĩnh vực hoạt động của PTSC là cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp bao gồm các dịch vụ cốt lõi sau:

- Tàu dịch vụ dầu khí
- Căn cứ cảng dịch vụ
- Cơ khí dầu khí
- Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng công trình biển
- Kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FSO/FPSO)
- Khảo sát địa chấn, địa chất và công trình ngầm
- Công trình công nghiệp
- Dịch vụ khác

CƠ CẤU QUẢN TRỊ



GIỚI THIỆU NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông PHAN THANH TÙNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý Kỹ thuật,

Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Cử nhân Quản trị Kinh doanh,

Cử nhân Anh Văn

Ông LÊ MẠNH CƯỜNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển

Ông ĐỖ QUỐC HOAN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1969 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển,

Kỹ sư Điều khiển tàu biển

Ông NGUYỄN XUÂN NGỌC

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1976 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Ông LƯU ĐỨC HOÀNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1979 tại Quảng Bình

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị tài chính doanh nghiệp,

GIỚI THIỆU NHÂN SỰ BAN ĐIỀU HÀNH

Ông **LÊ MẠNH CƯỜNG**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển

Ông **NGUYỄN HỮU HẢI**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1962 tại Bắc Ninh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Vô tuyến điện,

Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Ông **NGUYỄN TRẦN TOÀN**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1964 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,

Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Ông **TẠ ĐỨC TIẾN**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1968 tại Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,

Kỹ sư Quản trị kinh doanh

Ông **NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1977 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp

Ông **TRẦN HÒ BẮC**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1978 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,

Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Kỹ sư Cơ khí

Ông **TRẦN VIỆT DŨNG** (*Miễn nhiệm ngày 15/6/2019*)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1974 tại Phú Thọ

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,

Cử nhân Kinh tế

Ông **NGUYỄN VĂN BẢO**

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Sinh năm: 1977 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Tín dụng

GIỚI THIỆU NHÂN SỰ BAN KIỂM SOÁT

Bà **HỒ THỊ OANH**

Sinh năm: 1972 tại Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Bà **BÙI THU HÀ**

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1980 tại Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán,

Cử nhân Quản trị kinh doanh

Ông **BÙI HỮU VIỆT CƯỜNG**

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1981 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Điều hành Quản trị Kinh doanh quốc tế,

Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Cử nhân Kế toán

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

1. Thành phố Hồ Chí Minh
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)
2. Bà Rịa – Vũng Tàu
PTSC Marine
PTSC Supply Base
PTSC E&C
PTSC M&C
PTSC G&S
Petro Hotel
PTSC Phu Mỹ
PPS
PVSB
POS
PTSC CGGV
PV Shipyard
3. Sóc Trăng
PTSC Long Phu
4. Đà Nẵng
PTSC Da Nang
5. Quảng Ngãi
PTSC Quang Ngai
6. Quảng Bình
PTSC Quang Binh
7. Thanh Hóa
PTSC Thanh Hoa
8. Hải Phòng
PTSC Dinh Vu
9. Hà Nội
PTSC Ha Noi
10. Malaysia
PTSC Labuan
VOFT
MVOT
11. Singapore
SEA
AP
MV12

TỔ CHỨC CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

STT	ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ	TỶ LỆ NĂM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
I	CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN				
1	Chi nhánh Tổng Công ty - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	Số 73, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty Mẹ		Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ
2	Chi nhánh Tổng Công ty - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty Mẹ		Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp
3	Chi nhánh Tổng Công ty - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	Số 11, đường 3/2, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	Trực thuộc Công ty Mẹ		Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp
4	Chi nhánh Tổng Công ty - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Cảng Hòn La, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Trực thuộc Công ty Mẹ		Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp
5	Chi nhánh Tổng Công ty - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	Áp Thanh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Trực thuộc Công ty Mẹ		Quản lý, tổ chức các hoạt động thiết kế, mua sắm, xây lắp, chạy thử, hoàn thiện các dự án nhà máy điện và công trình công nghiệp
6	Chi nhánh Tổng Công ty - Ban Xây dựng PTSC	Số 46B, đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty Mẹ		Quản lý, tổ chức dự án xây dựng cơ bản, thực hiện các công trình công nghiệp

STT	ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ	TỶ LỆ NĂM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
7	VPĐD PTSC tại Hà Nội	Số 142 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	Trực thuộc Công ty Mẹ		Thực hiện công tác phát triển kinh doanh, các dự án sản xuất và các nhiệm vụ khác do Tổng Công ty giao
II	CÔNG TY CON				
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Số 31, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	628 tỷ VNĐ	100%	Chế tạo và xây lắp công trình dầu khí, công nghiệp
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và công trình ngầm PTSC	Số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	300 tỷ VNĐ	100%	Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV
3	Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	20 tỷ VNĐ	100%	Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước
4	Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan	Unit 3A-25, UO350, 3rd Floor, Lubuan Times Square, 87007 Lubuan F.T Malaysia	572.565 USD	100%	Cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí
5	Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Lô 4H, Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi	300 tỷ VNĐ	95,19%	Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp

STT	ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ	TỶ LỆ NĂM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
6	Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	Cảng hạ lưu PTSC, số 65A đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	400 tỷ VNĐ	84,95%	Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp
7	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Khu CN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	350 tỷ VNĐ	59,61%	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp
8	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	400 tỷ VNĐ	54,69%	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp
9	Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Tầng 6, tòa nhà PetroVietnam, số 8 Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	200 tỷ VNĐ	51%	Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa dầu thô (FSO), kho nổi chứa và xử lý dầu thô (FPSO), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí
10	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Khu CN Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	400 tỷ VNĐ	51%	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp và cảng container
11	Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tầng G3, tòa nhà B4 Kim Biên, đường Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	30 tỷ VNĐ	51%	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ

STT	ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ	TỶ LỆ NĂM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
12	Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	500 tỷ VNĐ	51%	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp
13.	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV	Phòng 460, tòa nhà PetroVietnam, số 8 Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	1.171 tỷ VNĐ	51%	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn 2D, 3D.
III	CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT				
1	Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT)	Suite 8.05 Level 8, The Garden North Tower, Mid Valley City, Ling Karan Syed Putra 59200 Kuala Lumpur, Malaysia	14.640.000 USD	60%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO)
2	Công ty Liên doanh PTSC South East Asia (SEA)	No.18, Sungel Kadutl Way, Singapore	32.000.000 USD	51%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)
3	Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific (AP)	No.18, Sungel Kadutl Way, Singapore	60.000.000 USD	51%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FPSO)
4	Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam (MVOT)	Suite 8.05 Level 8, The Garden North Tower, Mid Valley City, Ling Karan Syed Putra 59200 Kuala Lumpur, Malaysia	35.222.268 USD	49%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)
5	Công ty Liên doanh Ròng Đôi MV12 (MV12)	No.12, International Business Park, Unit 2-06/7 The Strategy Tower, Singapore	20.000 USD	33%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

STT	ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ	TỶ LỆ NĂM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
6	Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	Số 65A2, đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu	595 tỷ VNĐ	28,75%	Đóng mới, sửa chữa, hoán cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thuyền, các phương tiện nổi

NGUỒN LỰC

Nguồn nhân lực

Năm 2019 nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành Dầu khí nói riêng tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh giá dầu thô phục hồi chậm và vẫn ở mức thấp, nguy cơ rủi ro, cạnh tranh trong thị trường dầu khí gia tăng đã ảnh hưởng trực tiếp đến SXKD của các doanh nghiệp dầu khí trong và ngoài nước. Đứng trước bối cảnh đó, PTSC đã đề ra các giải pháp linh hoạt gắn với nhiệm vụ SXKD, tính chất, loại hình dịch vụ, lấy năng suất lao động, hiệu quả SXKD, kết quả quản lý làm cơ sở trả lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ khác, minh bạch theo hướng chấp nhận sự khác biệt so với mặt bằng tiền lương trên thị trường lao động. Chính vì vậy trong năm 2019, PTSC vẫn đảm bảo nguồn nhân lực chuyên nghiệp, sáng tạo và giàu kinh nghiệm quốc tế. Tính đến thời điểm 31/12/2019, tổng số lao động của PTSC là **7.549 người** (năm 2018 là 7.538 người).

Sơ đồ thống kê nguồn nhân lực

1.	Phân loại theo trình độ học vấn:	Số người	Tỷ lệ (%)
	Trên đại học	281	3,72%
	Đại học	3.246	43%
	Cao đẳng	349	4,62%
	Công nhân kỹ thuật và tương đương	2.658	35,21%
	Lao động phổ thông qua đào tạo	1.015	13,45%
2.	Phân loại lao động theo nhóm độ tuổi		
	Dưới 25 tuổi	329	4,36%
	Từ 25 tuổi đến 35 tuổi	2.957	39,17%
	Từ 35 tuổi đến 45 tuổi	2.821	37,37%
	Từ 45 tuổi đến 55 tuổi	1.160	15,37%
	Trên 55 tuổi	282	3,74%
3.	Theo giới tính		
	Nam	6.614	88%
	Nữ	935	12%

Cơ sở vật chất

Đội tàu dịch vụ của PTSC

PTSC hiện đang sở hữu, quản lý đội tàu dịch vụ dầu khí với tổng số 21 tàu đa dạng về công suất và chủng loại như tàu kéo, thả neo và vận chuyển, tàu định vị động học (DP), tàu hỗ trợ lặn khảo sát, tàu chống cháy, tàu trục mỏ, tàu bảo vệ... được vận hành hoàn toàn bởi đội ngũ thuyền viên Việt Nam có năng lực, giàu kinh nghiệm. Chi tiết đội tàu dịch vụ của PTSC như sau:

STT	TÊN TÀU	CÔNG SUẤT
1	Tàu An Bang (AHTS)	7.040 BHP
2	Tàu Phong Lan (AHTS)	5.300 BHP
3	Tàu Phong Nha (AHTS DP1)	5.300 BHP
4	Tàu Bình Minh (AHTS DP2)	5.506 BHP
5	Tàu Bình An (AHTS)	8.900 BHP
6	Tàu PTSC Vũng Tàu (AHTS DP1)	7.080 BHP
7	Tàu PTSC Hải Phòng (AHTS DP1)	5.220 BHP
8	Tàu PTSC Thái Bình (AHTS DP2)	8.080 BHP
9	Tàu PTSC Thăng Long (AHTS DP2)	7.200 BHP
10	Tàu PTSC Tiên Phong (AHTS)	7.080 BHP
11	Tàu PTSC Ngân năm TLHN – 02 (Utility towing)	3.500 BHP
12	Tàu PTSC Ngân năm TLHN – 03 (Utility towing)	4.750 BHP
13	Tàu PTSC 04 (Utility towing)	2.140 BHP
14	Tàu PTSC 05 (Tug)	3.200 BHP
15	Tàu PTSC 06 (Tug)	3.200 BHP
16	Tàu PTSC 07 (Tug)	1.600 BHP
17	Tàu PTSC 08 (Tug)	800 BHP
18	Tàu PTSC 09 (Tug)	5.000 BHP
19	Tàu PTSC 10 (Tug)	2.700 BHP
20	Tàu PTSC 11 (Tug)	1.600 BHP
21	Tàu PTSC 12 (Service boat)	1.430 BHP

- *AHTS: Tàu dịch vụ đa năng*
- *Utility towing, Tug: Tàu lai kéo, tàu kéo*
- *DP1: có hệ thống định vị động học DP 1*
- *DP2: có hệ thống định vị động học DP 2*

Kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO) và kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FPSO)

Dịch vụ cung cấp kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FSO/FPSO) là một trong những dịch vụ chiến lược mang tính ổn định, lâu dài do gắn liền với hoạt động khai thác các mỏ dầu. Hiện tại, PTSC đang sở hữu/đồng sở hữu 06 FSO/FPSO phục vụ các hoạt động khai thác của khách hàng tại các mỏ trong và ngoài nước, cụ thể như sau:

STT	TÊN TÀU	SỨC CHỨA	KHU VỰC HOẠT ĐỘNG
1	Tàu FSO Orkid	745.000 thùng	Mỏ PM3 CAA
2	Tàu FPSO Ruby II	645.000 thùng	Mỏ Hồng Ngọc
3	Tàu FSO Bien Dong 01	350.000 thùng	Mỏ Hải Thạch và Mộc Tinh
4	Tàu FPSO Lam Son	350.000 thùng	Mỏ Thăng Long - Đông Đô
5	FSO Golden Star	777.695 thùng (đang đầu tư)	Cụm Mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt
6	Tàu FSO MV12	300.000 thùng	Mỏ Rồng Đôi

Căn cứ cảng PTSC

Hiện nay, PTSC đang quản lý, vận hành và tiếp tục triển khai đầu tư mở rộng hệ thống 08 căn cứ cảng dịch vụ dầu khí trên cả ba miền Bắc – Trung – Nam Việt Nam với tổng diện tích trên 360ha và trên 2.700m cầu cảng, phục vụ các khách hàng đang hoạt động thăm dò khai thác dầu khí Việt Nam cũng như các thành phần kinh tế khác tại địa phương. Cụ thể các căn cứ cảng trong hệ thống của PTSC như sau:

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
1	Cảng Hạ lưu Vũng Tàu	Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 82,2 ha Số cầu bến: 09 Tổng chiều dài cầu bến: 750m Khả năng tiếp nhận: + Tàu 10.000 DWT + Sà lan 10.000 DWT Độ sâu thủy diện: -6,5m đến -9m
2	Cảng Hòn La	Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Diện tích: 11,02 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 215m Khả năng tiếp nhận tàu: 10.000 DWT Độ sâu thủy diện: -7,8m
3	Cảng Sơn Trà	Đường Yết Kiêu, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng	Diện tích: 10 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 200m Khả năng tiếp nhận tàu: 10.000 DWT Độ sâu thủy diện: -7,5m
4	Cảng Dung Quất	Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Diện tích: 13,7 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 210m, khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT, độ sâu thủy diện -11m. + Bến số 2: chiều dài 90m, khả

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
			năng tiếp nhận tàu 2.000 DWT, độ sâu thủy điện -4,2m. + Bến lai dắt tàu chuyên ngành dầu khí: chiều dài 70m.
5	Cảng PTSC Phú Mỹ	Đường số 3, Khu công nghiệp Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 26,5 ha Số cầu bến: 03 + Bến số 1: chiều dài 385m, khả năng tiếp nhận tàu 80.000 DWT, độ sâu thủy điện -10,5m. + Bến số 2: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 1.500 DWT, độ sâu thủy điện -2,7m + Bến số 3: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy điện -3,3m.
6	Cảng Nghi Sơn	Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Diện tích: 44,9ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 165m, khả năng tiếp nhận tàu 30.000 DWT (giảm tải), độ sâu thủy điện -9,5m. + Bến số 2: chiều dài 225m, khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT (giảm tải), độ sâu thủy điện -12m.
7	Cảng PTSC Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Diện tích: 15,3 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 250m Khả năng tiếp nhận tàu: 20.000 DWT Độ sâu thủy điện: -7,8m
8	Cảng Sao Mai Bến Đình	Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 162 ha

Cơ sở vật chất phục vụ chế tạo, đóng mới công trình dầu khí

Lĩnh vực dịch vụ cơ khí chế tạo và xây lắp công trình biển là một trong số những loại hình dịch vụ quan trọng có đóng góp lớn nhất vào doanh thu, lợi nhuận của PTSC. Để thực hiện các dự án, PTSC hiện đang sở hữu các khu căn cứ thi công chế tạo công trình dầu khí tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa với điều kiện cơ sở vật chất, cảng bãi, kho hàng, thiết bị cầu kéo, thiết bị nâng hạ và các máy móc thiết bị cơ sở khác... luôn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng, cụ thể:

- Công trường thi công chính tại Vũng Tàu với diện tích gần 160 ha. Ngoài ra, PTSC còn có các bãi chế tạo tại Quảng Ngãi, Thanh Hóa với diện tích trên 40 ha.
- Hệ thống cầu cảng tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa đủ khả năng đáp ứng các nhu cầu thi công chế tạo và hạ thủy các cấu kiện dầu khí. Riêng tại Vũng Tàu có cầu cảng dài gần 1.000 mét được thiết kế 03 đường trượt chuyên dụng cho công tác thi công, hạ thủy các cấu kiện dầu khí lớn (6.000 tấn; 15.000 tấn và 25.000 tấn) với tải trọng phân phối trên khu vực mở trên 50 tấn/m².
- Hệ thống nhà xưởng, kho bãi thi công và văn phòng làm việc được đầu tư đồng bộ và hiện đại: xưởng thi công lắp ráp (150.000m²), phân xưởng có mái che (19.000m²), xưởng phun làm sạch (8.000m²), xưởng sơn có mái che (3.500m²)...
- Hàng loạt các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ các hoạt động thi công chế tạo công trình dầu khí như xe cầu từ 50 - 550 tấn, xe nâng, máy hàn, máy phát điện, máy nén khí cùng nhiều thiết bị dụng cụ chuyên dụng khác.

Cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nối, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa các công trình dầu khí biển:

Nguồn lực cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nối, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa các công trình dầu khí biển được PTSC đầu tư thời gian qua đã cơ bản đáp ứng nhu cầu dịch vụ, gồm các cơ sở vật chất chủ đạo sau:

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1	Sà lan nhà ở 300 chỗ PTSC Offshore 1	Sà lan không tự hành, chiều dài 111,6m, chiều rộng 31,7m, chiều cao, mạn 7,3m, mớn nước 4,5m, trọng tải 9.582 tấn, được trang bị một cầu lớn với sức nâng 300 tấn
2	Sà lan 5.000 tấn PTSC 01	Sà lan có thể vận chuyển các giàn WHP, chân đế, các cấu kiện... lên đến 5.000 tấn phục vụ các công việc xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải ngoài khơi
3	Xưởng cơ khí bảo dưỡng	Diện tích 11.462m ² với các trang thiết bị, máy móc hiện đại, có thể cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải, nâng cấp, đấu nối, chạy thử...

Cơ sở vật chất phục vụ các công tác khảo sát

Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV (Remote Operated Vehicle) là loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, phức tạp với các hoạt động quản lý, vận hành các tàu khảo sát địa chấn, địa chất công trình; cung cấp vận hành các phương tiện, thiết bị khảo sát, sửa chữa công trình ngầm bằng ROV:

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1	Tàu khảo sát địa vật lý PTSC Surveyor	Thực hiện công tác khoan khảo sát địa chất công trình trong vùng nước có độ sâu từ 7m đến 300m và khảo sát địa vật lý trong vùng nước có độ sâu từ 7m đến 500m
2	Tàu khảo sát PTSC Researcher	Thực hiện khảo sát địa vật lý trong vùng nước có độ sâu đến 1.000m, khảo sát hải dương trên tất cả các vùng biển thềm lục địa Việt Nam và khu vực
3	Tàu Dầu khí 105	Tàu dịch vụ 1.600 HP phục vụ hỗ trợ các công tác lặn, khảo sát
4	Thiết bị khảo sát ROV Observation (02 thiết bị)	ROV Panther Plus 911 và ROV Panther Plus 954 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 2.000m
5	Thiết bị khảo sát ROV WorkClass	ROV Quasar Compact 007 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa với mức độ phức tạp các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 2.000m

SỰ KIỆN VÀ CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2019

- Hạ thủy, bàn giao và đưa vào vận hành, khai thác đội tàu 8 tàu đầu tư đóng mới cho khách hàng Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP).
- Ký thỏa thuận hợp tác chiến lược giữa Vietsovpetro và PTSC.
- Thắng thầu và triển khai Dự án “Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ” của khách hàng Công ty CP Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ (NDV Seaport).
- Thắng thầu và triển khai Dự án EPC kho chứa LNG Thị Vải của khách hàng PV GAS.
- Ngày 4/10/2019, Lắp đặt thành công chân đế giàn khai thác “Sao Vàng đại Nguyệt” cho chủ đầu tư IGP tại mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt thuộc lô dầu khí 05-1b và 05-1c ở bồn trũng Nam Côn Sơn.
- Thắng thầu và triển khai Dự án EPC đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt của khách hàng PV GAS.
- Thắng thầu và triển khai Dự án gia công chế tạo, lắp đặt hệ đường ống công nghệ ISBL và lắp đặt thiết bị - Nhà máy sản xuất polypropylene của khách hàng Hyosung Vietnam.
- Thắng thầu và triển khai Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam – Gói A1 (LSP – A1) của khách hàng Liên danh tổng thầu TPSK (Ý – Hàn Quốc).
- Ngày 26/11/2019, PTSC vinh dự được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam năm 2019.

02. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Thông điệp của Tổng Giám đốc

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo của Ban Kiểm soát

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

PTSC - NIỀM TIN MỞ LỐI

Kính thưa quý vị cổ đông,

Khi quý vị cầm trên tay cuốn Báo cáo thường niên này, cũng là lúc thế giới đang đối mặt với khủng hoảng và những khó khăn nghiêm trọng. Đại dịch Covid-19 ngày càng lan rộng, đe dọa sức khỏe và sinh mệnh con người, gây thiệt hại to lớn tới kinh tế toàn cầu. Ở tất cả các quốc gia, trong đó không ngoại trừ các cường quốc, các ngành kinh tế đều bị đình trệ và chịu ảnh hưởng nặng nề.

Là loại hàng hóa chiến lược, dầu khí luôn bị chi phối bởi các vấn đề chính trị, an ninh năng lượng, kinh tế và nhiều yếu tố khác. Những biến động trên thế giới dù lớn dù nhỏ, luôn ảnh hưởng nhanh chóng, tức thì đến lĩnh vực vốn đầy nhạy cảm này.

Chịu tác động trực tiếp bởi giá dầu xuống thấp và tình hình dịch bệnh, những ngày này, ngành Dầu khí đứng trước những khó khăn ngày càng chồng chất. Thị trường dịch vụ kỹ thuật dầu khí theo đó cũng chịu những ảnh hưởng trực tiếp, thậm chí còn nặng nề hơn. Lần đầu tiên, dịch bệnh cấu thành những tình huống bất khả kháng ở diện rộng, chưa từng có tiền lệ, trong khi giá dầu lao dốc “kỷ lục”, vượt xa các kịch bản giá dầu. Các chuỗi cung ứng hàng hóa, dịch vụ, nguyên vật liệu, nhân sự đều bị gián đoạn, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Đặc biệt, hoạt động cung cấp vật tư thiết bị, nhân sự từ các nước có dịch đang thực hiện phong tỏa, cách ly bị gián đoạn, hạn chế dẫn đến tất cả các dự án trong và ngoài nước của PTSC đều ít nhiều bị đình trệ, gia tăng chi phí trong khi các chủ đầu tư, các nhà thầu khách hàng tiếp tục tạo sức ép giảm giá dịch vụ, cắt giảm chi phí tạo thành những khó khăn và áp lực tài chính ngày càng tăng.

Kính thưa Quý vị,

Trở lại với câu chuyện của năm tài chính 2019, mặc dù có những tín hiệu lạc quan hơn trên thị trường và không có những biến động lớn về giá dầu, nhưng suốt năm qua, các nhà đầu tư, các công ty thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí trong khu vực vẫn tiếp tục gặp khó khăn “gối đầu” từ những năm trước đó, với hàng loạt chiến dịch khoan, kế hoạch đầu tư thuộc các dự án thăm dò, khai thác còn dừng, giãn và chưa có dấu hiệu khởi động lại. Sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp dầu khí vẫn chịu tác động trực tiếp bởi giá dầu thấp. Các nhà cung cấp dịch vụ dầu khí trong đó có Tổng Công ty PTSC vẫn tiếp tục chịu ảnh hưởng khi khối lượng công việc, dự án trong nước còn khan hiếm, giá dịch vụ duy trì ở mức thấp và cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn khi nhiều doanh nghiệp dịch vụ tư nhân tham gia sâu hơn vào thị trường, trong khi thế giới tiếp tục chuyển động phức tạp và cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa các nước sản xuất, tiêu thụ dầu khí lớn.

Mặc dù vậy, liên tục có những giải pháp linh hoạt, chủ động ứng phó với tình hình thực tế, với hàng loạt dự án triển khai tốt trong năm qua, PTSC đã nỗ lực vượt qua những khó khăn, về đích trước kế hoạch. Kết thúc năm 2019, PTSC tiếp tục hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt, trở lại đà tăng trưởng với Doanh thu hợp nhất 17.714 tỷ đồng (đạt 136% kế hoạch năm, tăng 16% so với năm 2018), Lợi nhuận trước thuế 1.103 tỷ đồng (đạt 158% kế hoạch năm, tăng 13% so với năm 2018).

Với kết quả ổn định, quản trị tốt và tình hình tài chính lành mạnh, trong suốt năm qua, cổ phiếu PVS vẫn là một trong những cổ phiếu “trụ hạng” ở top đầu, duy trì tín hiệu sáng

trên thị trường, tính thanh khoản cao và thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trong tình hình đầu tư chứng khoán chung có những sụt giảm mạnh.

PTSC tiếp tục khẳng định vị trí hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao tại Việt Nam, đồng thời là một thương hiệu tin cậy đối với các khách hàng dầu khí trong khu vực và quốc tế. PTSC tiếp tục giành được một số hợp đồng quốc tế lớn từ các khách hàng trong khu vực Đông Nam Á và Trung Đông với giá trị hàng trăm triệu USD/hợp đồng. Bên cạnh đó, PTSC triển khai hiệu quả, an toàn, chất lượng và đúng tiến độ hợp đồng thuộc các Dự án FSO/FPSO, Dự án Thiết kế chi tiết, Mua sắm, Chế tạo, Vận chuyển, Lắp đặt và Chạy thử giàn Sao Vàng CPP và Đại Nguyệt WHP, Dự án Gallaf – Al Shaheen, Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt, Dự án LHD Long Sơn, Dự án LNG Thị Vải, Dự án Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ, v.v... cùng nhiều Dự án khác.

Với kết quả như trên, năm 2019, tập thể lao động PTSC đã nỗ lực vượt qua những khó khăn để thực hiện đúng “lời hứa” và cam kết với Quý vị.

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Những ngày đầu năm 2020, khi toàn thế giới đang nỗ lực chống chọi đại dịch, giá dầu giảm sâu, dầu khí và nhiều ngành kinh tế khác rất có thể rơi vào những khủng hoảng mới, suy thoái trầm trọng, Ban điều hành chúng tôi nhận thức rõ những khó khăn, thách thức phải đối mặt sẽ còn nhân lên gấp bội và giai đoạn trước mắt sẽ vô cùng cam go, thách thức. PTSC sẽ cần phải có những giải pháp như thế nào để thích ứng, vượt qua giai đoạn vô cùng khó khăn này để giữ vững vị thế và thị trường, đó là những trăn trở vô cùng lớn. Mặc dù vậy, với kinh nghiệm, bản lĩnh và niềm tin của những người dầu khí, chúng tôi tin tưởng rằng, thách thức sẽ mở ra những cơ hội. PTSC với truyền thống của mình, sẽ nắm bắt tối đa, chất chiu từng cơ hội, có các giải pháp linh hoạt để có thể duy trì, phát triển bền vững.

Luôn chủ động và chuẩn bị sẵn sàng để tham gia các dự án lớn trong tương lai gần, gia tăng thị phần và tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, PTSC sẽ tiếp tục phát huy lợi thế đa dịch vụ, lợi thế qui mô, đẩy mạnh việc phát triển kinh doanh, mở rộng thị trường ngoài nước, ngoài ngành. PTSC sẽ tiến hành đồng loạt các giải pháp như: tiếp tục tái cơ cấu quản trị với định hướng nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả, đảm bảo đúng người đúng việc; xây dựng hoàn thiện kế hoạch tái cơ cấu tổng thể PTSC phù hợp với điều kiện thực tế và bảo đảm sự phát triển bền vững; tăng cường đầu tư nhằm tối ưu nguồn lực và gia tăng thế mạnh riêng với tầm nhìn trung và dài hạn; phát triển nguồn nhân lực; tiết giảm chi phí, giảm giá thành dịch vụ; xây dựng hệ thống quản trị rủi ro; tăng cường hợp tác với các đối tác tin cậy nhằm củng cố các loại hình dịch vụ truyền thống; nghiên cứu triển khai các loại hình dịch vụ mới dựa trên nguồn lực và lợi thế riêng của các bên.

Với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao và ủng hộ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Hội đồng quản trị PTSC, Ban điều hành PTSC với chủ trương nhất quán cùng đội ngũ lao động chuyên nghiệp, sáng tạo và giàu kinh nghiệm quốc tế, sẽ tiếp tục phát huy cao nhất hiệu quả nguồn lực, tiếp tục khẳng định và tăng cường vị thế là một nhà thầu tin cậy, đối tác tin cậy, doanh nghiệp tin cậy với các nhà đầu tư, cổ đông.

Ban điều hành PTSC xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác, Hội đồng quản trị và NLĐ PTSC cũng như các tập thể, cá nhân đã đặt trọn niềm tin và luôn đồng hành cùng chúng tôi.

Sự tin tưởng và ủng hộ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và của tất cả các Quý vị, đặc biệt trong giai đoạn khó khăn trước mắt, sẽ là nguồn động lực to lớn và quan trọng đối với chúng tôi trong điều hành sản xuất kinh doanh để PTSC luôn phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn!

Lê Mạnh Cường

Tổng Giám đốc

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Tình hình tài chính hợp nhất Tổng Công ty

ĐVT: tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	23.089	26.004	112.62%
Doanh thu thuần	14.638	16.968	115.92%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.535	974	63.46%
Lợi nhuận trước thuế	976	1.103	113.00%
Lợi nhuận sau thuế	573	808	141.05%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
• Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,07	1,78
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
• Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,00	1,64
Nợ ngắn hạn			
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
• Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,45	0,51
• Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,82	1,03
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
• Vòng quay hàng tồn kho	Ngày	28,17	18,23
Hàng tồn kho bình quân			
• Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,63	0,65
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,92	4,76
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,51	6,32
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,48	3,11
• Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,49	5,74

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019

Các chỉ tiêu SXKD hợp nhất

Đvt: Tỷ Đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Đạt % (so với KH năm)	Tăng/ Giảm (+/- %) (so với năm trước)
1.	Tổng doanh thu và thu nhập khác hợp nhất	15.233	13.000	17.714	136,3%	16,3%
2.	Lợi nhuận trước thuế	976	700	1.103	157,6%	13,0%
3.	Lợi nhuận sau thuế	573	560	808	144,3%	41,1%

Đvt: Tỷ Đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Đạt % (so với KH năm)	Tăng/ Giảm (+/- %) (so với năm trước)
1.	Vốn điều lệ	4.780	4.780	4.780	100,0%	0,0%
2.	Doanh thu và thu nhập khác	6.928	4.200	6.694	159,4%	-3,4%
3.	Lợi nhuận trước thuế	581	450	614	136,5%	5,7%
4.	Lợi nhuận sau thuế	561	420	577	137,3%	2,8%
5.	Thực hiện đầu tư	83	1.221	770	63,0%	826,5%

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU DOANH THU, LỢI NHUẬN NĂM 2019

Kết quả thực hiện doanh thu hợp nhất của PTSC năm 2019 tăng 16,3% so với năm 2018. Nhìn chung, tất cả các lĩnh vực dịch vụ của PTSC đều hoàn thành Kế hoạch năm 2019 đề ra và một số lĩnh vực bắt đầu có sự tăng trưởng so với thực hiện năm 2018, đặc biệt lĩnh vực Cơ khí dầu khí và lĩnh vực đấu nối, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng công trình dầu khí biển đã có sự tăng trưởng khá so với năm trước do dự án Sao Vàng Đại Nguyệt đã bước đầu vào giai đoạn cao điểm từ năm 2019.

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế của PTSC tăng 13% so với năm 2018. Về tổng thể, lợi nhuận SXKD hợp nhất năm 2019 của PTSC có sự tăng trưởng nhẹ so với năm 2018, tuy nhiên, cơ cấu lợi nhuận tại từng lĩnh vực dịch vụ có sự biến động đáng kể. Cụ thể: lĩnh vực dịch vụ khảo sát bắt đầu có lãi do Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV đã dừng hoạt động và không phát sinh doanh thu, giá vốn trong năm 2019; trong khi đó, lĩnh vực cơ khí dầu khí có biên lợi nhuận trên doanh thu năm 2019 giảm nhiều so với năm 2018 do các dự án thi công chế tạo (dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, dự án Galaff...) đang trong giai đoạn đầu và tỷ trọng khối lượng công việc thực tế thực hiện tập trung nhiều ở mảng công việc mua sắm vật tư thiết bị, thuê nhà thầu phụ nên biên lợi nhuận trên doanh thu thấp. Lợi nhuận gộp các lĩnh vực dịch vụ còn lại cũng có biến động tăng/giảm lớn (trên 20%) do biến động về khối lượng, cơ cấu công việc và áp lực cạnh tranh mạnh tại các lĩnh vực dịch vụ trong năm 2019.

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

Bối cảnh thực hiện kế hoạch

Bối cảnh thị trường dịch vụ dầu khí từ đầu năm 2019 đã có một số chuyển biến tốt với một số dự án, công việc được triển khai như: dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, dự án Galaff, các chiến dịch khoan năm 2019 của các nhà thầu dầu khí... Tuy nhiên, do trải qua giai đoạn suy thoái kéo dài và giá dầu thô vẫn tiếp tục biến động khó lường ở mức thấp (dưới 60 USD/thùng) nên khối lượng công việc cũng như giá dịch vụ vẫn còn ở mức thấp, áp lực cạnh tranh trên thị trường vô cùng khốc liệt. Tổng Công ty PTSC vẫn phải tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức trong các hoạt động SXKD dịch vụ.

Thuận lợi:

Tổng Công ty PTSC luôn nhận được sự quan tâm và ủng hộ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong công tác sản xuất kinh doanh.

PTSC đã thiết lập được nhiều mối quan hệ hợp tác lâu dài và tin cậy với các đối tác chiến lược ở nước ngoài để cùng phát triển kinh doanh, đào tạo, chuyển giao công nghệ và từng bước tham gia, phát triển, cung cấp dịch vụ trong và ngoài nước.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của PTSC có trình độ chuyên môn sâu, tâm huyết và hết lòng vì sự phát triển của Tổng Công ty PTSC. Các cán bộ, công nhân viên của PTSC có trình độ, năng động và có nhiều kinh nghiệm trong môi trường làm việc quốc tế.

Khó khăn:

Khối lượng công việc tại một số lĩnh vực dịch vụ tiếp tục khan hiếm, giá dịch vụ tiếp tục duy trì ở mức thấp và cạnh tranh vô cùng khốc liệt. Bên cạnh đó, những quy định về đảm bảo cạnh tranh trong Luật Đấu thầu hiện là bất cập đối với mô hình các Tổng Công ty – Tập đoàn Nhà nước.

Chính phủ, Tập đoàn chưa có giải pháp cụ thể tạo hành lang pháp lý, hàng rào kỹ thuật nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu quốc tế vào các dự án tại Việt Nam dẫn đến nguy cơ mất cơ hội công việc của các doanh nghiệp Việt Nam ngay trên sân nhà.

Công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài gặp khó khăn, do khối lượng công việc dịch vụ ít, sự bảo hộ cho các doanh nghiệp trong nước của các nước sở tại ngày càng gia tăng.

Tình trạng một số khách hàng trong ngành bị vướng mắc thủ tục dẫn đến trì hoãn việc ký kết hợp đồng chính thức hoặc chậm phê duyệt/ xác nhận quyết toán dẫn đến phát sinh công nợ quá hạn lớn, gây khó khăn trong công tác tổ chức sản xuất, nảy sinh các vấn đề pháp lý, kiện tụng, trích lập dự phòng...

Nguồn lực cơ sở vật chất, phương tiện thiết bị của PTSC qua thời gian dài khó khăn nên chưa được đầu tư tương xứng, dẫn đến thiếu hụt nguồn lực trong một số lĩnh vực, dần không đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng.

Kết quả đạt được

Tổng doanh thu và thu nhập khác hợp nhất thực hiện cả năm 2019 đạt 17.714 tỷ VNĐ, đạt 136% Kế hoạch năm 2019, tăng 16% so với thực hiện năm trước, lợi nhuận hợp nhất trước thuế thực hiện cả năm 2019 đạt 1.103 tỷ VNĐ, đạt 158% Kế hoạch năm 2019, tăng 13% so với thực hiện năm trước.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CỐT LÕI

Dịch vụ Cung ứng Tàu chuyên dụng:

Kết quả doanh thu thực hiện cả năm 2019 là 2.248 tỷ đồng, đạt 124,9% Kế hoạch năm 2019, giảm 2,6% so với năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 120 tỷ đồng, giảm 42,4% so với năm trước.

Trong năm 2019, dịch vụ tàu phục vụ công tác bảo vệ, trục mỏ, công tác khoan và các công việc ngắn hạn khác tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nhu cầu và khối lượng công việc cung ứng Tàu chuyên dụng vẫn duy trì ở mức thấp. Nhiều chủ tàu tư nhân trong nước đã phát triển mạnh cả về số lượng công ty và số lượng tàu, dẫn đến thị phần của PTSC bị thu hẹp. Tổng số ngày hoạt động của các Tàu dịch vụ của PTSC (bao gồm cả Tàu thuê bareboat) đạt 2.759 ngày, giảm 14,48% so với cùng kỳ năm trước.

Công tác cung cấp tàu lai dắt, tàu hỗ trợ gần bờ phục vụ các Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn tiếp tục được duy trì ổn định, đảm bảo an toàn, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của khách hàng, cụ thể:

- Thực hiện cung cấp Tàu dịch vụ trục an ninh, PCCC, an toàn, lai dắt cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với tổng số trên 6.000 lượt lai dắt tàu ra vào Cảng và trên 45.000 giờ trục an toàn.

- Cung cấp các Tàu dịch vụ hỗ trợ thành công 713 chuyến hàng cập cảng và tiếp nhận an toàn, hiệu quả 44 chuyến Tàu VLCC (Very Large Crude Carriers) cho Nhà máy LHD Nghi Sơn.

Dịch vụ Cung cấp, Quản lý, Vận hành, Khai thác Tàu chứa FSO/FPSO:

Kết quả doanh thu thực hiện cả năm 2019 là 3.013 tỷ đồng, đạt 188,3% Kế hoạch năm 2019, tăng 46,0% so với năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 153 tỷ đồng, tăng 26,7% so với năm trước.

Thực hiện tốt dịch vụ cung cấp cho thuê FSO/FPSO đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của Khách hàng (FPSO PTSC Lam Sơn cho Lô 01/97&02/97, FPSO Ruby II cho Lô 01/17&02/17, FSO PTSC Biển Đông 1 cho Mỏ Hải Thạch Mộc Tinh). Trong đó, PTSC đảm nhận toàn bộ phần việc O&M cho một số dự án. Tỷ lệ khai thác liên tục đạt gần 100% và cao hơn quy định của hợp đồng.

Thực hiện tốt dịch vụ cung cấp thuyền viên cho MODEC (FSO MV12), MVOT (FSO Orkid), Cửu Long JOC (FPSO Thái Bình – VN).

Công tác thanh quyết toán các chi phí triển khai dự án FPSO Cá Rồng Đỏ được PTSC bám sát, thực hiện tốt, đảm bảo hoàn trả đúng, đủ các chi phí do PTSC đã bỏ ra.

Triển khai tốt công tác góp vốn, hoàn thiện các thủ tục cần thiết và tổ chức triển khai thực hiện Dự án đầu tư kinh doanh FSO Sao Vàng Đại Nguyệt theo đúng tiến độ.

Dịch vụ cơ khí dầu khí và công trình công nghiệp:

Kết quả doanh thu thực hiện cả năm 2019 là 8.905 tỷ đồng, đạt 127,2% Kế hoạch năm 2019, tăng 14,7% so với năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 178 tỷ đồng, giảm 75,9% so với năm trước. Mặc dù doanh thu tăng trưởng so với thực hiện năm 2018, tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận gộp có phần sụt giảm do các dự án tạo ra doanh thu năm 2019 phần lớn là đang trong giai đoạn đầu và tỷ trọng công việc lớn thực hiện trong giai đoạn này chủ yếu là phần việc mua sắm vật tư thiết bị và thuê nhà thầu phụ thực hiện nên tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu không cao. Dự kiến biên lợi nhuận lĩnh vực dịch vụ này sẽ được cải thiện đáng kể trong năm 2020, khi mà dự án đi vào giai đoạn cao điểm thi công bởi nguồn lực trực tiếp của PTSC.

Lĩnh vực đóng mới công trình dầu khí: tổ chức triển khai thực hiện an toàn, hiệu quả các Dự án Thiết kế chi tiết, Mua sắm, Chế tạo, Vận chuyển, Lắp đặt và Chạy thử giàn Sao Vàng CPP và Đại Nguyệt WHP, Dự án GALLAF – Al Shaheen, Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt cho PV Gas; hoàn thành thiết kế FEED Dự án Nam Du/ U Minh Field Development Project và Dự án Salman Development Project, được khách hàng đánh giá cao.

Lĩnh vực xây lắp công trình công nghiệp trên bờ: Năng lực thi công các dự án trên bờ của PTSC từng bước được khẳng định qua việc PTSC đã liên tục trúng thầu và/hoặc được khách hàng tin tưởng giao thầu thực hiện nhiều dự án công trình công nghiệp (kể cả các công trình có yếu tố tư nhân, nước ngoài tại Việt Nam) như: Dự án Vopak – Galaxy Expansion Phase III, Dự án gia công chế tạo, lắp đặt hệ đường ống công nghệ ISBL và lắp đặt thiết bị - Nhà máy sản xuất polypropylene, Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam – Gói

A1 (LSP – A1), Dự án LNG Thị Vải, Dự án Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ... được tổ chức thực hiện an toàn, đúng tiến độ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của khách hàng.

Công tác đấu thầu của PTSC đạt được nhiều bước tiến trong chuẩn hóa việc bóc tách, tối ưu các bộ đơn giá, hoàn thiện khung pháp lý mẫu cho các loại hợp đồng, gia tăng năng lực nhân sự dự thầu và tiết kiệm thời gian đấu thầu. Hầu hết các hồ sơ chào thầu Tổng Công ty PTSC thực hiện đều được phía khách hàng đối tác đánh giá rất cao và nằm trong nhóm đầu về chất lượng, phương án kỹ thuật, giải pháp thực hiện. Hiện PTSC đang tiếp tục theo dõi chặt chẽ, liên tục cập nhật tình trạng diễn biến của những gói thầu dự án có nhiều tín hiệu khả quan như Gallaf batch 2 (Qatar), Pecan FPSO topside modules (Ghana); Fenix (Argentina)... Các dự án tiềm năng trong nước như Block B, Cá Voi Xanh, Nam Du U Minh EPCI cũng được PTSC bám sát theo đuổi và dự kiến cũng sẽ sớm có kết quả tích cực.

Dịch vụ Căn cứ Cảng Dầu khí:

Kết quả doanh thu thực hiện cả năm 2019 là 1.743 tỷ đồng, đạt 116,2% Kế hoạch năm 2019, giảm 1,8% so với năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 252 tỷ đồng, giảm 27,6% so với năm trước.

Hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cảng Hạ lưu Vũng Tàu trong năm 2019 cơ bản được duy trì ổn định, số nhà thầu thực hiện kế hoạch khoan trung bình là 2-3 nhà thầu/tháng, với tổng số 13 giếng khoan, giảm nhẹ so với năm 2018. Các hoạt động cung cấp dịch vụ của PTSC như cho thuê cơ sở hạ tầng, cung cấp phương tiện thiết bị, nhân công và các dịch vụ căn cứ hậu cần khác cũng được duy trì ổn định. Bên cạnh đó, PTSC cũng tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng và phát triển các dịch vụ hậu cần, cung ứng phương tiện, thiết bị, nhân lực, dịch vụ phụ trợ cho các Dự án, khách hàng ở cả trong và ngoài Ngành, góp phần khai thác tối ưu hiệu quả nguồn lực phương tiện thiết bị đã đầu tư.

Sau giai đoạn ngắn có sự tăng trưởng nhẹ do nền kinh tế vĩ mô đi vào ổn định, hoạt động SXKD tại các căn cứ cảng tổng hợp của PTSC hiện đã bắt đầu có dấu hiệu chững lại, đặc biệt về mặt lợi nhuận do chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các cảng khác tại địa phương, dẫn đến kết quả thực hiện doanh thu và lợi nhuận từ mảng dịch vụ này trong năm 2019 có sự sụt giảm so với năm 2018. Riêng hoạt động của Cảng Sơn Trà – Đà Nẵng tiếp tục gặp nhiều khó khăn do tuyến luồng vào Cảng chưa được Nhà nước đầu tư, trong khi giá thuê đất bị điều chỉnh tăng cao. PTSC đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tăng cường sự hợp tác, phối hợp giữa các Đơn vị Cảng và các Đơn vị sản xuất khác trong PTSC để phát huy thế mạnh tổng thể, sử dụng tối đa ưu thế cả hệ thống cảng PTSC, giúp các Đơn vị cảng có điều kiện tiếp tục phát triển các hoạt động SXKD vượt qua giai đoạn khó khăn, tạo nền tảng vững chắc trong chuỗi giá trị dịch vụ của PTSC theo định hướng phát triển.

Dịch vụ Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối, Vận hành, Sửa chữa và Bảo dưỡng các Công trình Dầu khí:

Kết quả doanh thu thực hiện cả năm 2019 là 1.521 tỷ đồng, đạt 152,1% Kế hoạch năm 2019, tăng 14,2% so với năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 100 tỷ đồng, tăng 19,4% so với năm trước.

Triển khai an toàn, đảm bảo chất lượng và tiến độ các dịch vụ đấu nối, cải hoán và chạy thử cho Dự án vận chuyển và lắp đặt Jacket + topside cho các giàn Sao vàng CPP, Đại Nguyệt Wellhead platform (Sao Vàng Đại Nguyệt T&I); Dự án DH01 DISCONNECT: tháo tách, lai dết, tái kết nối giàn FPU DH01 mở Đại Hùng, Block 05-1A ngoài khơi Việt Nam cho Khách hàng PVEP; Cung cấp dịch vụ đấu nối, chạy thử và hoán cải ngoài khơi cho dự án Al Shaheen giai đoạn 2; Dự án đấu nối và chạy thử giàn cho các giàn SV CPP, DN Wellhead platform; Thực hiện Gói thầu số 1 - PSV Testing and Calibration và Scan 3D cho thiết bị Flare Seal Drum của Dự án Bảo dưỡng sửa chữa tìm kiếm xác định lỗi cho NSRP, v.v...

Tiếp tục cung cấp an toàn, hiệu quả các hợp đồng bảo dưỡng, cung cấp nhân lực dài hạn/ngắn hạn cho các công trình dầu khí cho các khách hàng, đồng thời tổ chức khai thác an toàn Sà lan Nhà ở PTSC Offshore 1 và Sà lan Vận chuyển PTSC 01.

Dịch vụ Khảo sát Địa chân, Địa chất Công trình và Khảo sát Sửa chữa Công trình Ngầm bằng ROV:

Kết quả doanh thu thực hiện cả năm 2019 là 799 tỷ đồng, đạt 199,8% Kế hoạch năm 2019, giảm 12,7% so với năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 66 tỷ đồng (năm 2018 lỗ 397 tỷ đồng)

Tổ chức khai thác an toàn hiệu quả Tàu Khảo sát PTSC Researcher, Tàu PTSC Surveyor và các Thiết bị ROV, phục vụ các hoạt động khảo sát địa chất, địa vật lý, khảo sát sửa chữa công trình ngầm cho các khách hàng, theo đó Tàu PTSC Researcher đã thực hiện 238 ngày làm việc (tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước), Tàu PTSC Surveyor đã thực hiện 135 ngày làm việc (tăng 25% so với cùng kỳ năm trước) và các Thiết bị ROV đã thực hiện 443 ngày làm việc (tăng 75% so với cùng kỳ năm trước).

PTSC đang tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết để chấm dứt hoạt động Liên doanh PTSC CGGV theo quy định.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Công tác đầu tư của Công ty mẹ - PTSC

Kết quả thực hiện giải ngân đầu tư trong năm 2019 của Công ty mẹ - PTSC là 770 tỷ đồng, đạt 63% Kế hoạch Đầu tư năm 2019. Một số công tác đầu tư chủ yếu thực hiện trong năm 2019 như sau:

- Hoàn thành đầu tư đóng mới 08 tàu phục vụ gần bờ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn và đưa vào khai thác sử dụng từ cuối năm 2019.
- Được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho Dự án góp vốn đầu tư Kho nổi FSO Sao Vàng Đại Nguyệt ngày 02/04/2019. Hiện đang triển khai công tác đầu tư hoán cải kho nổi và dự kiến sẽ đưa vào khai thác trong năm 2020.
- Hoàn thành thẩm định và phê duyệt F/S dự án đầu tư 04 tàu dịch vụ dầu khí đa năng loại 5.000 BHP – 12.000BHP. Hiện đang triển khai các thủ tục mua sắm và dự kiến sẽ hoàn thành đầu tư trong năm 2020.
- Thực hiện đầu tư mua sắm các trang thiết bị khác phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch.

Công tác đầu tư của các Công ty con - PTSC

Các Công ty con PTSC đã triển khai thực hiện tốt các Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch như: Dự án Bến tàu lai dắt và tàu chuyên ngành Dầu khí tại Quảng Ngãi, Hệ thống phun bi và sơn tự động, đầu tư cầu bánh xích 300 tấn, cầu bánh lốp 72 tấn, Module trailer 8 trục, thiết bị xiết bu lông, máy hàn bán tự động, xe đầu kéo, mini crane 15T, công trực, v.v... , với tổng giá trị đầu tư giải ngân trong năm 2019 đạt trên 350 tỷ đồng.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Cải tiến về cơ cấu, chính sách, quản lý trong năm 2019

- Chuẩn hóa, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro. Rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành tinh gọn, có giải pháp xử lý dứt điểm các đơn vị khó khăn, kinh doanh không hiệu quả. Hoàn thành chuyển đổi Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội thành Văn phòng Đại diện và đưa vào hoạt động ổn định. Đang triển khai chấm dứt hoạt động Công ty liên doanh PTSC CGGV theo quy định.
- Củng cố văn hóa doanh nghiệp minh bạch, công bằng, môi trường lao động văn minh. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao là người Việt Nam, lấy tăng năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả quản lý làm cơ sở tăng lương, tăng chế độ đãi ngộ, minh bạch theo hướng chấp nhận sự khác biệt so với mặt bằng tiền lương trên thị trường lao động.
- Tiêu chuẩn hóa hoạt động quản lý và phát triển nguồn nhân lực đạt chuẩn quốc tế. Xây dựng chính sách đào tạo, đào tạo lại và đào tạo nội bộ phù hợp trong suốt quá trình sử dụng lao động, tăng cường các khóa đào tạo chuyên sâu (thiết kế, kỹ thuật, quản lý tài chính, quản lý khoa học công nghệ, quản lý rủi ro...) hỗ trợ tốt cho công tác, công việc và thực hiện dự án.
- Áp dụng Quy chế KHCN, sáng kiến, sáng chế, cải tiến trong toàn PTSC nhằm tạo cơ chế, hành lang khuyến khích đẩy mạnh các công tác liên quan, khen thưởng xứng đáng cho NLĐ.

Công tác An toàn – Sức khỏe – Môi trường

- Trong năm 2019, PTSC đã duy trì tốt việc áp dụng các hệ thống quản lý sức khỏe, an toàn, môi trường, chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001 và ISO 45001 trong toàn Tổng Công ty. PTSC đang triển khai xây dựng hệ thống quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000:2018.
- Công tác an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ được kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất kinh doanh dịch vụ. Các chất thải và rác công nghiệp, rác độc hại được quản lý và xử lý theo đúng quy định.

KẾ HOẠCH VÀ MỤC TIÊU THỰC HIỆN

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD hợp nhất:

Đvt: Tỷ VNĐ

TT	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2020
1	Doanh thu hợp nhất:	15.000
2	Lợi nhuận trước thuế	800
3	Lợi nhuận sau thuế	640

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD Công ty mẹ:

Đvt: Tỷ VNĐ

TT	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2020
1	Vốn điều lệ	4.780
2	Doanh thu	4.200
3	Lợi nhuận trước thuế	500
4	Lợi nhuận sau thuế	470
5	Thực hiện đầu tư XD CB & mua sắm PTTB	1.778

Các mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch cụ thể năm 2020

1. Tối ưu hóa các nguồn lực, xây dựng các giải pháp dịch vụ theo chuỗi giá trị dựa trên lợi thế quy mô và đa dịch vụ của PTSC.
2. Tổ chức thực hiện các dự án, công việc an toàn, hiệu quả, đúng tiến độ, đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cốt lõi có lợi thế cạnh tranh riêng của PTSC cho các khách hàng ngoài ngành, ngoài nước.
3. Tăng cường đầu tư có trọng điểm vào các lĩnh vực cốt lõi phù hợp với nhu cầu thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh.
4. Xây dựng kế hoạch tái cơ cấu tổng thể PTSC và tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo sự phát triển bền vững của PTSC.
5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện phần vốn của PTSC tại các Đơn vị thành viên. Đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ và hỗ trợ kịp thời các Đơn vị gặp khó khăn, xử lý những tồn tại vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PTSC.
6. Tiếp tục triển khai xây dựng Hệ thống quản lý rủi ro, duy trì và phát triển việc áp dụng các Hệ thống Quản lý Chất lượng, An toàn Sức khỏe và Môi trường trong toàn PTSC.
7. Tổ chức tốt, hiệu quả công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao theo mục tiêu định hướng chiến lược phát triển của PTSC.

8. Tăng cường công tác quản trị, tiết giảm chi phí; nghiên cứu, có những biện pháp cụ thể, thiết thực để tránh, hạn chế tối đa, ứng phó kịp thời với các tình huống rủi ro phát sinh do tác động kép của dịch bệnh COVID-19 và suy giảm giá dầu.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2019 tiếp tục là một năm khó khăn cho Tổng Công ty PTSC nói riêng và ngành dầu khí nói chung. Giá dầu thô bình quân ở mức 64,36 USD/thùng, thấp hơn so với năm 2018, tình hình kinh tế - chính trị thế giới, khu vực, Biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp; các mỏ dầu chủ lực trong năm 2019 đang trong giai đoạn suy giảm tự nhiên; các nhà thầu dầu khí đã triển khai triệt để các giải pháp tiết giảm chi phí, cắt giảm tối đa khối lượng công việc cũng như chi phí hoạt động, nhu cầu sử dụng dịch vụ, do đó, khối lượng công việc, dự án chưa có biến chuyển khả quan và các yếu tố, điều kiện cơ bản của môi trường hoạt động tiếp tục diễn biến phức tạp, không thuận lợi đã ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam. Nhận diện rõ ràng về các thách thức, khó khăn, HĐQT đã chủ động, nỗ lực cùng Ban điều hành lãnh đạo Tổng Công ty PTSC và các Đơn vị thành viên vượt qua nhiều khó khăn, biến động để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD cơ bản đã đặt ra, tạo điều kiện thuận lợi để Tổng Công ty PTSC tiếp tục ổn định, nắm bắt và hiện thực hóa thành công những cơ hội trong thời gian tới.

Việc quản lý Tổng Công ty PTSC của HĐQT trong năm 2019 tiếp tục thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc và các Đơn vị của Tổng Công ty PTSC, tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ hiện hành, thông tin minh bạch theo đúng chuẩn mực, tạo được lòng tin của các cổ đông, NLĐ, Cơ quan quản lý Nhà nước và khách hàng.

HĐQT nghiêm túc thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2019 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tổ chức nhân sự theo đúng Quy định hiện hành, tăng cường tính chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện các dự án đầu tư, chỉ đạo thực hiện công tác tái cấu trúc Tổng Công ty PTSC.

Nội dung kết quả thực hiện Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 như sau:

STT	Nội dung chính	Kết quả thực hiện
1	Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	Nội dung kết quả chi tiết được thể hiện tại các phần báo cáo tiếp theo trong Báo cáo thường niên 2019.
2	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018	Đã hoàn thành công tác chi trả cổ tức trong tháng 10/2019, chi tiết như sau: - Tỷ lệ chi trả: 7% - Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt - Nguồn tiền thực hiện chi trả: Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2018 được phân phối

3	Trích lập các Quỹ khen thưởng - phúc lợi, Quỹ thưởng ban điều hành năm 2018 bằng 12% lợi nhuận được phân phối, như sau: - <i>Quỹ khen thưởng - phúc lợi: 11,68% LNST</i> - <i>Quỹ thưởng ban điều hành: 0,32% LNST</i>	HĐQT đã thực hiện trích lập các Quỹ trong năm 2018 với tỷ lệ như sau: - <i>Quỹ khen thưởng - phúc lợi: 11,68% LNST</i> - <i>Quỹ thưởng ban điều hành: 0,32% LNST</i>
4	Ủy quyền cho HĐQT Tổng Công ty PTSC lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng Công ty	HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte là Đơn vị kiểm toán cho các Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng Công ty, và đã được công bố thông tin theo quy định.

Trên cơ sở Kế hoạch công tác năm 2019, các nội dung ĐHĐCĐ giao và kết quả thực tế triển khai, HĐQT đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm 2019 là đúng thẩm quyền, đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền phục vụ công tác quản lý và điều hành SXKD của Tổng Công ty PTSC.

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ, bất thường, các phiên thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết của Thành viên HĐQT bằng văn bản, thông qua các quyết định bằng nghị quyết, thực hiện đúng quy định.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Nguyên tắc hoạt động của HĐQT:

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các Nghị quyết của HĐQT. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Tổng Công ty PTSC. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Các cuộc họp của HĐQT, nội dung, kết quả các cuộc họp:

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ, bất thường, các phiên thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết của Thành viên HĐQT bằng văn bản đã được thực hiện đúng quy định. Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 77 phiên họp, thảo luận, lấy ý kiến bằng văn bản; ban hành tổng cộng 270 văn bản trong đó có 85 Nghị quyết, Quyết định và 185 văn bản khác để quản lý các hoạt động của Tổng Công ty PTSC.

Công tác đào tạo về quản trị

Các Thành viên HĐQT Tổng Công ty PTSC và Ban Thư ký Tổng Công ty tham gia các chương trình đào tạo do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cơ quan liên quan khác tổ chức và các Chương trình đào tạo nội bộ về “Nâng cao năng lực quản trị tại các công ty cổ phần trong ngành Dầu khí”, “Kế toán quản trị”, “Kiểm toán nội bộ” do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty PTSC tổ chức.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

Trong năm 2019, các Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền và theo phân công của HĐQT với trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng vì lợi ích của các Cổ đông và sự phát triển của Tổng Công ty PTSC.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành trách nhiệm chung trong các hoạt động của HĐQT, các Thành viên HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ với kết quả cụ thể như nêu sau đây:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định hiện hành trong việc chỉ đạo, giám sát, thúc đẩy, hỗ trợ thực hiện chương trình công tác năm, quản trị rủi ro, cải tiến, nâng cấp, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh, phát triển kinh doanh; chỉ đạo tổ chức và chủ trì các cuộc họp, thảo luận, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác của HĐQT; chỉ đạo giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên HĐQT.
- Thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến công tác quản trị, điều hành Tổng Công ty PTSC; triển khai kế hoạch SXKD, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD chung năm 2019 của toàn Tổng Công ty PTSC.
- Các thành viên HĐQT chuyên trách đã có những đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ chung; theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; giám sát, đánh giá công tác quản trị rủi ro, cải tiến hệ thống quản lý, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh, phát triển thị trường, công tác giao dịch, quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan; phê duyệt, giám sát các Hợp đồng, Giao dịch với người liên quan theo quy định.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (BAN TGD)

Căn cứ Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty PTSC, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, thường xuyên trao đổi ý kiến và chất vấn các hoạt động của TGD và/hoặc thành viên Ban điều hành trong việc xây dựng chiến lược, thực hiện Kế hoạch SXKD và các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. HĐQT cùng với TGD, Ban điều hành đã thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp HĐQT thường kỳ, đột xuất để hỗ trợ, giải quyết khó khăn, nhằm hoàn thành các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra.

HQĐT đánh giá cao sự cố gắng, năng lực và tinh thần trách nhiệm của Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc trong việc nhận diện, phòng tránh và xử lý tốt đối với các khó khăn, biến động của ngành Dầu khí nói riêng và cả nền kinh tế nói chung, để điều hành Tổng Công ty PTSC đạt được kết quả khả quan, như nêu sau đây:

- Bám sát và chỉ đạo triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với tình hình thực tế; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án xử lý vấn đề khó khăn, tồn tại của các Dự án, Đơn vị thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, góp phần giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quyền và lợi ích của Tổng Công ty PTSC.

- Quản lý, điều hành các mặt hoạt động theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; có sự phân công, phân cấp rõ ràng và linh hoạt giữa các cấp quản lý.
- Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có; quyết liệt cắt giảm chi phí để giảm giá thành đi đôi với duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ ổn định, nâng cao sức cạnh tranh, giữ thị phần và đồng thời đảm bảo các lợi ích lâu dài của Tổng Công ty PTSC.
- Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính phù hợp chuẩn mực, minh bạch theo quy định pháp luật; đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ phải thu khó đòi.
- Duy trì tốt phong trào sáng kiến cải tiến, cập nhật, cải tiến, nâng cấp hệ thống quản lý, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật vào trong quản lý, sản xuất kinh doanh; thực hiện phương án tái cơ cấu đã đề ra, khẳng định được vai trò chủ đạo, trực tiếp thực hiện SXKD của Công ty Mẹ đối với toàn tổ hợp.
- Chủ động thực hiện công tác mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm dịch vụ mới, đã phát triển, thực hiện nhiều Dự án EPC, công nghiệp, ngoài ngành, tăng cường tham gia công tác vận hành khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa FSO, FPSO, nhà máy, liên kết chuỗi các cảng dịch vụ, v.v...
- Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro trong công việc, dự án và doanh nghiệp.
- Công tác đào tạo, tự đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực triển khai có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Duy trì mặt bằng tiền lương và chính sách đãi ngộ, khen thưởng hợp lý, nâng cao kỷ luật, tạo môi trường chuyên nghiệp cho người lao động.
- Ngoài những kết quả tốt đã đạt được, công tác điều hành năm 2019 cần khắc phục một số tồn tại:
 - Chưa xử lý dứt điểm tình trạng thua lỗ tại một số Đơn vị.
 - Chưa tăng được đầu tư tại một số khu vực.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

Năm 2020 bắt đầu với những khó khăn to lớn bao trùm các lĩnh vực và tác động tiêu cực ở mức toàn cầu. Đại dịch Covid-19 đang đẩy nền kinh tế toàn cầu đến suy thoái nghiêm trọng, phần lớn các thị trường đều đang ở trạng thái hỗn loạn, hoặc đóng băng, gián đoạn và đứt gãy chuỗi cung ứng. Ngành Dầu khí lại càng khó khăn hơn khi chịu tác động “kép” của những vấn đề phát sinh từ Dịch bệnh và giá dầu lao dốc xuống mức thấp kỷ lục trong nhiều năm vừa qua.

Tổng Công ty xác định sẽ đối diện và giải quyết các vấn đề về cạnh tranh khốc liệt đối với dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dự án, công việc trong và ngoài nước, nguy cơ thị trường dịch vụ, việc làm giảm sút, tác động của Dịch bệnh Covid-19, biến động giá dầu, các quy định liên quan chưa thật sự chuyển biến có lợi cho hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước, v.v... Vì vậy, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ Kế hoạch năm 2020, HĐQT đề ra những nhiệm vụ chính cần thực hiện như nêu sau đây.

- Tiếp tục làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định, văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị và các cấp có thẩm quyền;

Chỉ đạo một số nội dung trọng tâm sau:

1. Triển khai các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với quản trị, giảm thiểu rủi ro, bảo toàn vốn và duy trì ổn định kết hợp với nỗ lực cao nhất phát triển tối đa các khu vực, lĩnh vực có điều kiện.
2. Thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh. Tích cực thu hồi công nợ quá hạn từ khách hàng, xử lý dứt điểm các khoản công nợ tồn đọng tạo dòng tiền, duy trì tình hình tài chính ổn định, lành mạnh.
3. Tăng cường mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng, đối tác mới, đẩy mạnh cung cấp sản phẩm, dịch vụ ra thị trường nước ngoài, ngoài ngành, nghiên cứu phát triển loại hình dịch vụ, sản phẩm mới.
4. Rà soát, đánh giá lại các kế hoạch đầu tư cụ thể để điều chỉnh cho phù hợp với diễn biến thị trường, đảm bảo hiệu quả dự án; giám sát đối với các dự án kinh doanh thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
5. Chỉ đạo các công tác liên quan đến quan hệ cổ đông, Nhà đầu tư theo quy định hiện hành nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và các bên có lợi ích liên quan.
6. Cập nhật, xây dựng điều chỉnh Chiến lược phát triển của Tổng Công ty đến năm 2025, tầm nhìn 2035, và tái cấu trúc phù hợp với tình hình thực tế hoạt động SXKD, kế hoạch chung của Tập đoàn DKVN và Chiến lược phát triển của Tổng Công ty.
7. Rà soát, cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản trị, tiến hành rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ phù hợp các quy định mới của Nhà nước, pháp luật và tình hình hoạt động SXKD của Tổng Công ty..

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Xác định được vai trò quan trọng của Ban Kiểm soát (Ban KS) là bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư, Ban KS đã nỗ lực triển khai kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2019 nhằm đáp ứng sự mong đợi, kỳ vọng của các cổ đông và nhà đầu tư.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Xác định được vai trò quan trọng của Ban Kiểm soát (Ban KS) là bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư, Ban KS đã nỗ lực triển khai kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2019 nhằm đáp ứng sự mong đợi, kỳ vọng của các cổ đông và nhà đầu tư.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KS

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty PTSC và các quy định của pháp luật có liên quan, trong năm 2019 Ban KS đã có các hoạt động giám sát như sau:

- Giám sát tình hình chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ, tình hình thực hiện Nghị Quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Tổng Công ty PTSC.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đối với Tổng Công ty PTSC.
- Kiểm tra, giám sát việc bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án tái cơ cấu Tổng Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm.
- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp, các Đơn vị thành viên/trực thuộc; xem xét báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và ý kiến phản hồi của Ban TGD.
- Phối hợp với HĐQT, Ban TGD trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Tổng Công ty PTSC đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, của Tổng Công ty PTSC trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động SXKD tại Đơn vị, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán.
- Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2019. Định kỳ hàng quý, tổng kết, lập báo cáo kiểm tra giám sát đánh giá việc tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty PTSC, Nghị quyết ĐHĐCĐ; đánh giá việc chấp hành các quy định của Pháp luật Nhà nước, tình hình thực hiện và tuân thủ các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của chủ sở hữu có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty PTSC.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KS

Trên cơ sở quyền hạn, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động năm 2019, hoạt động của Ban KS đã đạt được các kết quả sau:

Công tác quản lý, đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư của Tổng Công ty PTSC đã được triển khai đúng các Quy định hiện hành. Các dự án đầu tư XD CB, mua sắm TSCĐ sau khi hoàn thành bàn giao đã được đưa vào sử dụng, quản lý, phân loại, trích khấu hao TSCĐ theo quy định của Bộ Tài chính, việc sử dụng khai thác đã mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực thông qua kết quả kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty PTSC.

Công tác tái cấu trúc, quản lý tài chính và đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác

Công tác tái cấu trúc, đầu tư tài chính của Tổng Công ty PTSC được thực hiện nghiêm túc theo, tập trung vào những ngành nghề, hoạt động kinh doanh chính, không đầu tư dàn trải. Tổng Công ty PTSC đã triển khai rà soát, điều chỉnh xây dựng kế hoạch tái cơ cấu, chú trọng tập trung vào các khu vực, lĩnh vực, các Đơn vị có kết quả SXKD lỗ và dịch vụ gặp nhiều khó khăn, các lĩnh vực không thuộc SXKD chính. Đồng thời đánh giá kết quả, tình hình thực hiện Chiến lược của Tổng Công ty PTSC đến hiện tại và cập nhật, điều chỉnh đến năm 2025, tầm nhìn 2035, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế hoạt động SXKD.

Thực hiện kế hoạch chi trả cổ tức năm 2018

Thực hiện nội dung của Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2019, ngày 13/09/2019 Hội đồng quản trị Tổng Công ty PTSC đã ban hành Nghị quyết số 523/NQ-DVKT-HĐQT về việc Triển khai Phương án chi trả cổ tức 2018. Tháng 10/2019, Tổng Công ty PTSC đã hoàn thành chi trả cổ tức 2018 với tỷ lệ chi trả 7% bằng tiền mặt theo đúng Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên 2019.

Kết quả giám sát công tác quản trị của HĐQT

- Trong năm 2019, công tác quản trị Tổng Công ty PTSC của HĐQT tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty, các quy định pháp luật có liên quan và Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 77 phiên họp, thảo luận, lấy ý kiến bằng văn bản; ban hành tổng cộng 270 văn bản trong đó có 85 Nghị quyết/Quyết định và 185 văn bản khác để quản lý các hoạt động của Tổng Công ty. HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của các Đơn vị thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với Đơn vị.
- HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm trong quản lý Tổng Công ty PTSC, tích cực chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban TGD, Ban KS và các tổ chức chính trị-xã hội của Tổng Công ty PTSC thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Kết quả giám sát công tác điều hành của Ban TGD

- Trong năm 2019, Ban TGD đã tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty PTSC, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT và lãnh đạo Tổng Công ty PTSC đạt kết quả hoạt động SXKD hiệu quả.
- Ban TGD Tổng Công ty PTSC luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao: phân tích, đánh giá kịp thời và đầy đủ các thuận lợi, khó khăn; tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của PTSC; chủ động nghiên cứu, thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn; tích cực mở rộng và gìn giữ thị trường, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài; tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua, huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực, tối ưu hóa quy trình hoạt động SXKD; đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại vào quản lý, điều hành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý, giúp tiết giảm, tiết kiệm chi phí; lãnh đạo Tổng Công ty PTSC đạt kết quả hoạt động SXKD hiệu quả.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình hoạt động SXKD

Năm 2019, Ban KS đã làm việc với các bộ phận liên quan để thẩm định Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Qua thẩm định Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Ban KS nhận thấy:

- Báo cáo tài chính năm 2019 đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty PTSC và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên 2019.
- Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty PTSC tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Ban KS thống nhất với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Thư quản lý của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Đánh giá sự phối hợp của Ban KS với HĐQT, Ban TGD

- Ban KS đã phối hợp với HĐQT, Ban TGD trên cơ sở đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Tổng Công ty PTSC, cổ đông, theo đúng Điều lệ của Tổng Công ty PTSC và quy định của pháp luật.
- Ban KS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban TGD trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT và Ban TGD đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban KS thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty PTSC; Ban KS được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Tổng Công ty PTSC và các cuộc họp khác.

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2020

Nhằm hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, đảm bảo tính minh bạch, mang lại quyền lợi hợp pháp, quyền lợi cho Tổng Công ty PTSC và các cổ đông, năm 2020 Ban KS tập trung vào các nội dung hoạt động sau:

1. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng Công ty PTSC.
2. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty PTSC, tình hình thực hiện các quy chế, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
3. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai công tác SXKD, công tác đầu tư của Tổng Công ty PTSC.
4. Thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; phối hợp với Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc quản lý phần vốn của Tập đoàn tại Tổng Công ty PTSC và phần vốn của PTSC đầu tư vào doanh nghiệp khác.
5. Thẩm định quyết toán Quỹ tiền lương năm 2019 và kế hoạch tiền lương năm 2020 của NLĐ và Quỹ tiền lương Người quản lý năm 2019 theo các quy định hiện hành.
6. Giám sát việc cân đối vốn và quản lý dòng tiền.
7. Giám sát việc thực hiện Phương án tái cơ cấu Tổng Công ty PTSC.
8. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, của Tổng Công ty PTSC trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại Đơn vị, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán.
9. Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các quy định hiện hành.

03. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tổng quan về hệ thống quản trị của PTSC

Cơ cấu Hội đồng Quản trị

Thù lao và các lợi ích khác

Quản trị rủi ro

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY PTSC

Trong suốt hơn 26 năm xây dựng và phát triển, Tổng Công ty PTSC luôn đảm bảo hoạt động quản trị doanh nghiệp phù hợp với các quy định pháp luật về quản trị doanh nghiệp đối với công ty đại chúng quy mô lớn và niêm yết như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về Hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Thông tư số 155/2015/TT-BTC về Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định khác có liên quan. Đây là một trong những yếu tố quan trọng mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông, nhà đầu tư, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội. Tổng Công ty đã không ngừng nâng cao và từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị trong toàn Tổng Công ty PTSC dựa trên những thông lệ quản trị quốc tế, giám sát hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty PTSC theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan và Quy chế niêm yết, góp phần đẩy mạnh hoạt động SXKD và đảm bảo tính bền vững.

QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Trên cơ sở chuyên môn hóa các mảng dịch vụ chính nhằm gắn kết sức mạnh, kết nối niềm tin NLĐ, vượt khó khăn, thử thách, đạt hiệu quả SXKD, mang lại lợi ích cao nhất cho Tổng Công ty PTSC và các bên liên quan, mối quan hệ giữa Tổng Công ty PTSC với các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được kết nối chặt chẽ và xuyên suốt.

Các quy định về mối quan hệ của Tổng Công ty PTSC và các Công ty con, Công ty liên doanh - liên kết được xây dựng và phát triển dựa trên nguyên tắc tạo sự chủ động trong SXKD, công việc cho Đơn vị, đảm bảo tính kiểm tra, giám sát, quản lý của Tổng Công ty, phù hợp nhu cầu định hướng SXKD, phát triển của toàn Tổng Công ty PTSC:

- Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý nợ của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Quy chế quản lý Người đại diện của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác và các quy định của pháp luật liên quan khác;
- Điều lệ và quy chế quản lý của Công ty con;
- Phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị;
- Phân cấp thẩm quyền trong hoạt động và quản lý điều hành Tổng Công ty và chế độ báo cáo;
- Các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý điều hành khác.

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG GIỮA CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON

Với mục tiêu tập trung và phát huy nội lực nhằm tối ưu hóa hoạt động nguồn lực toàn Tổng Công ty PTSC, các Đơn vị tại mỗi khu vực đảm nhiệm một hoặc một số loại hình dịch vụ chính trong chuỗi các loại hình dịch vụ. Công ty mẹ - Tổng Công ty PTSC thực hiện vai trò định hướng, hoạch định chính sách, điều phối, đặc biệt là việc ưu tiên sử dụng dịch vụ nội bộ nhưng vẫn tuân thủ nguyên tắc bình đẳng giữa các Đơn vị, đảm bảo hiệu quả hoạt động ở mức cao nhất và đem lại ưu thế cạnh tranh.

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Trong suốt những năm vừa qua, bên cạnh việc tuân thủ các quy định về quản trị của Tổng Công ty PTSC theo đúng pháp luật Việt Nam, PTSC không ngừng xây dựng, áp dụng mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới và trong khu vực. Trong năm 2019, PTSC đã nỗ lực đầu tư, xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường dịch vụ kỹ thuật, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp tiếp cận với những chuẩn mực tốt nhất trong khu vực, cụ thể:

1. Ban hành cập nhật, điều chỉnh Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty sau kết quả tăng vốn điều lệ do thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2015, tuân thủ Quy định hiện hành của pháp luật.
2. Phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị Tổng Công ty.
3. Ban hành tạm thời một số định mức áp dụng cho NLĐ của Tổng Công ty làm việc dài hạn tại Malaysia.
4. Phê duyệt phương án xác định tiền lương bình quân, thù lao, tiền thưởng của Người đại diện, Người quản lý tại Đơn vị trực thuộc và Công ty con của Tổng Công ty phù hợp với Nghị định số 53/2016/NĐ-CP và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH.
5. Xây dựng, nâng cấp và áp dụng hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý: Hệ thống quản trị nhân sự (HRM); Quản lý tài chính kế toán; Quản lý thông tin công việc; Quản lý vật tư tài sản; Hệ thống quản trị khách hàng (CRP); Hệ thống quản trị dây chuyền cung cấp (SCM).
6. Áp dụng Hệ thống quy chế KHCN, sáng kiến sáng chế, cải tiến để phát huy tối đa sức sáng tạo, trí tuệ của NLĐ trong việc đưa ra, triển khai ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào quá trình sản xuất, lĩnh vực dịch vụ.
7. Xây dựng và hoàn thiện Hệ thống quản trị rủi ro.
8. Nâng cấp, cải tiến hệ thống hóa các quy trình, quy định quản lý nội bộ trong Tổng Công ty phù hợp với tình hình thực tế SXKD, phân cấp, ủy quyền, đảm bảo tuân thủ theo Quy định hiện hành.
9. Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý SKATMTCL hợp nhất trong toàn Tổng Công ty PTSC theo các tiêu chuẩn quốc tế: OHSAS 18001:2007; ISO 14001:2015 và ISO 9001:2015. Hệ thống quản lý SKATMTCL hợp nhất được chứng nhận bởi tổ chức BSI - Viện tiêu chuẩn Anh quốc.

CƠ CẤU HĐQT

Hiện nay, Hội đồng quản trị Tổng Công ty có 05 thành viên, trong đó 04 Thành viên chuyên trách, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc.

Thông tin về Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty, số cổ phần PVS hiện đang nắm giữ của Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty như bảng nêu sau đây.

(Lưu ý: Số lượng cổ phiếu được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2020, ngày đăng ký cuối cùng 30/3/2020 và các báo cáo giao dịch nhận được từ Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ tính đến hết 30/3/2020)

STT	Danh sách thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác	Số cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành	Tỉ lệ số cổ phần đại diện cho PVN	Ghi chú
1.	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT (Bắt đầu từ 25/5/2018)	0	48.551 (0,010%)	26,38 (%)	Chuyên trách
2.	Lê Mạnh Cường	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc (bắt đầu từ 25/5/2018)	0	55.424 (0,012%)	15,00%	Kiểm nhiệm
3.	Đỗ Quốc Hoan	Thành viên HĐQT (từ 08/11/2016 đến nay)	0	11.427 (0,002%)	0	Chuyên trách
4.	Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên HĐQT (từ 25/5/2018 đến nay)	0	0	10,00%	Chuyên trách
5.	Lưu Đức Hoàng	Thành viên HĐQT (từ 25/5/2018 đến nay)	0	0	0	Chuyên trách
6.	Ông Phạm Văn Dũng	Miễn nhiệm 01/02/2019 theo đơn từ nhiệm cá nhân	0	1.385 (0,0003%)	0	Chuyên trách

THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BAN KS VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2019

- Chi phí tiền lương, thù lao Tổng Công ty PTSC trả cho HĐQT, Ban Kiểm soát phù hợp và tuân thủ theo Nghị quyết số 374/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ năm 2019, quy định của Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn việc thực hiện quy định về lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước và Quy chế trả lương, trả thưởng của Tổng Công ty PTSC.
- Chi tiết tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của từng Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành năm 2019 như sau:

DVT: VND

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Thưởng Ban ĐH 2018	Các khoản lợi ích khác bằng tiền	Tổng thu nhập và các lợi ích khác (trước thuế)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4+5+6+7)
1	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.603.933.000	-	182.742.000	41.665.000	1.828.340.000
2	Lê Mạnh Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.475.618.000	120.000.000	168.122.000	45.265.000	1.809.005.000
3	Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị	1.231.822.000	-	81.868.000	36.499.000	1.350.189.000
4	Đỗ Quốc Hoan	Thành viên Hội đồng quản trị	1.334.472.000	-	152.041.000	37.499.000	1.524.012.000
5	Lưu Đức Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị	1.241.822.000	-	68.224.000	25.417.000	1.335.463.000
6	Hồ Thị Oanh	Trưởng Ban Kiểm soát	1.116.337.000	-	127.188.000	42.459.000	1.285.984.000
7	Bùi Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	930.282.000	-	105.990.000	32.211.000	1.068.483.000
8	Bùi Hữu Việt Cường	Thành viên Ban Kiểm soát	876.965.000	-	48.680.000	29.262.000	954.907.000

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Thưởng Ban ĐH 2018	Các khoản lợi ích khác bằng tiền	Tổng thu nhập và các lợi ích khác (trước thuế)
9	Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	1.334.472.000	-	152.041.000	47.465.000	1.533.978.000
10	Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc	1.334.472.000	-	152.041.000	41.665.000	1.528.178.000
11	Tạ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	1.334.472.000	-	152.041.000	39.129.000	1.525.642.000
12	Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.231.822.000	-	140.346.000	32.329.000	1.404.497.000
13	Trần Hồ Bắc	Phó Tổng Giám đốc	1.231.822.000	-	58.477.000	73.645.000	1.363.944.000
14	Nguyễn Văn Bảo	Kế Toán Trưởng	1.058.596.000	-	70.356.000	26.417.000	1.155.369.000
	TỔNG CỘNG		17.336.907.000	120.000.000	1.660.157.000	550.927.000	19.667.991.000

QUẢN TRỊ RỦI RO

Nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong mọi hoạt động cũng như đảm bảo thực hiện thành công chiến lược phát triển bền vững, PTSC luôn chủ động rà soát các yếu tố rủi ro trong mọi hoạt động và xác định, xây dựng, triển khai chính sách quản lý rủi ro thích hợp. Căn cứ đặc thù hoạt động, năm 2019 các rủi ro được xác định bao gồm:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro về chính sách
- Rủi ro tín dụng, lãi suất và tỷ giá hối đoái

NHẬN DIỆN VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

Rủi ro thị trường

Nhận diện:

- *Giá dầu:* Sau một thời gian dài biến động, giảm sâu và tăng trở lại vào năm 2018, năm 2019, giá dầu tiếp tục biến động trong biên độ rộng, nhưng giá bình quân vẫn ở mức thấp. Sự biến động liên tục của giá dầu làm tăng nguy cơ rủi ro và ảnh hưởng trực tiếp đến SXKD của các doanh nghiệp dầu khí trong và ngoài nước.
- *Thị phần:* Năm 2019, do giá dầu có những biến động phức tạp, khó lường làm hoạt động SXKD của các nhà đầu tư, các công ty thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí trong khu vực tiếp tục gặp khó khăn với hàng loạt chiến dịch khoan, đầu tư vào các dự án thăm dò, khai thác dầu khí phải dừng, giãn tiến độ. Kéo theo đó là nhu cầu sử dụng dịch vụ kỹ thuật dầu khí bị suy giảm trong khi cạnh tranh giữa các nhà cung cấp ngày càng khốc liệt, tác động trực tiếp đến các hoạt động SXKD của PTSC.
- *Điều kiện địa chất:* Điều kiện địa chất của Việt Nam rất phức tạp, nhiều mỏ có hàng trăm thân chứa khí rời rạc, liên kết kém, phân bố ở nhiều phân vị địa tầng khác nhau, nhiều khối địa chất khác nhau. Trữ lượng của các mỏ này bắt buộc phải xác định bằng phương pháp tương tự, dựa trên nguyên lý xác suất, vì không có chương trình thăm lường nào có thể khoan hết các thân khí đã phát hiện. Như vậy, hoạt động khai thác sẽ dựa trên nguyên tắc vừa khai thác, vừa thăm lường và phát triển, chắc chắn sẽ tiềm ẩn rủi ro cao. Là một nhà cung cấp dịch vụ trực tiếp cho hoạt động khai thác mỏ, Tổng Công ty PTSC cũng đã gặp nhiều rủi ro và nguy cơ bị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đối với một số dịch vụ như cung cấp FSO/FPSO, tàu dịch vụ, O&M, v.v...
- *Đối thủ cạnh tranh:* Lĩnh vực dịch vụ dầu khí hiện nay xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh là các công ty tư nhân với nhiều lợi thế riêng, đặc biệt là sự linh hoạt trong công tác đầu tư, vì vậy, Tổng Công ty PTSC gặp rất nhiều khó khăn khi tham gia đấu thầu các dự án, công việc trong và ngoài nước.

- *Thị trường nhân lực*: Trong những năm gần đây, do thị trường suy giảm nên dầu khí không còn là một lĩnh vực hấp dẫn lực lượng lao động chất lượng cao. Bên cạnh đó, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, việc “chảy máu chất xám” đối với những lao động chuyên môn cao, tay nghề cứng của PTSC sang các công ty đối thủ trong và ngoài nước ngày một gia tăng. Việc này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tổ chức sản xuất, hoạt động của PTSC.

Biện pháp quản trị

- Triển khai đồng bộ các giải pháp đã đề ra, tập trung tối ưu hóa nguồn lực, phát triển dịch vụ theo chuỗi giá trị dựa trên lợi thế quy mô và đa dịch vụ của PTSC, chú trọng vào các dịch vụ cốt lõi trong hoạt động SXKD.
- Liên tục đổi mới, cải tiến nhằm nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh cũng như tìm hiểu, phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, khách hàng mới; nghiên cứu đầu tư, tham gia thực hiện các dự án trên bờ bổ sung vào các hoạt động SXKD bên cạnh các dự án ngoài khơi hiện tại.
- Đổi mới cơ chế tuyển dụng, đào tạo và sử dụng lao động, đặt lợi ích NLĐ gắn liền với sự phát triển của Tổng Công ty PTSC.

Rủi ro về chính sách

Nhận diện

- Các hiệp định quốc tế mà Việt Nam tham gia ngày càng ảnh hưởng đến việc thực thi các chính sách vĩ mô của Nhà nước cũng như đến các giao dịch của doanh nghiệp Việt Nam với các đối tác. Những bất ổn kinh tế, chính trị phát sinh tại các quốc gia khác đều có thể ảnh hưởng và phát sinh những rủi ro trực tiếp đến các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia thị trường quốc tế.
- Chính phủ tiếp tục nỗ lực hoàn thiện khung pháp lý, bãi bỏ nhiều thủ tục bất cập, điều chỉnh nhiều quy định, tạo hành lang chung cho các doanh nghiệp trong nước tham gia bình đẳng tại sân chơi quốc tế, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, hướng đến môi trường cạnh tranh ở mọi khu vực doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, có vốn Nhà nước và ngoài Nhà nước.
- Tại lĩnh vực dịch vụ dầu khí, nhiều Đơn vị tư nhân đã phát triển và tham gia sâu hơn vào thị trường tạo thách thức mới với các doanh nghiệp có vốn Nhà nước, khi phải cạnh tranh gắt gao với các nhà cung cấp khác ngoài ngành.
- Chưa có các quy định cụ thể nào có thể tạo hàng rào kỹ thuật nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu quốc tế vào các dự án tại Việt Nam, nguy cơ mất cơ hội công việc của các doanh nghiệp trong nước ngày trên sân nhà ngày càng tăng. Việc không đáp ứng tiêu chí độc lập về pháp lý và tài chính theo Luật Đấu thầu đã khiến PTSC mất nhiều cơ hội tham dự các gói thầu trong Tập đoàn, gián tiếp tạo cơ hội cho nhiều nhà thầu nước ngoài và ngoài ngành tham gia vào quy trình sản xuất – dịch vụ truyền thống đã hình thành xuyên suốt từ khâu đầu đến khâu cuối của Tập đoàn.
- Công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài gặp khó khăn, do khối lượng công việc dịch vụ trong khu vực ngày càng ít, sự bảo hộ cho các doanh nghiệp trong nước của các nước sở tại ngày càng gia tăng.

- Do các thủ tục quy định, tình trạng một số khách hàng trong ngành bị vướng mắc thủ tục dẫn đến trì hoãn việc ký kết hợp đồng chính thức hoặc chậm phê duyệt, chậm thanh quyết toán dẫn đến phát sinh công nợ quá hạn lớn, gây khó khăn trong công tác tổ chức sản xuất, nảy sinh các vấn đề pháp lý, kiện tụng, trích lập dự phòng...

Biện pháp quản trị

- Là doanh nghiệp có vốn chi phối của Tập đoàn Nhà nước, bên cạnh việc từng bước nâng cao năng lực để đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế, PTSC một mặt phải đảm bảo sự tuân thủ, phù hợp với quy định chung của pháp luật, quy định nội bộ áp dụng trong Tập đoàn, trong nhóm công ty. Mặt khác, vẫn phải duy trì hoạt động kinh doanh đòi hỏi sự nhạy bén, linh hoạt trên thị trường.
- PTSC đang tiếp tục cải tiến hệ thống các quy định, quy trình nội bộ, cập nhật các nội dung đảm bảo phù hợp các quy định hiện hành tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong quản lý, điều hành. Bên cạnh đó, PTSC cũng củng cố vững chắc các cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền, giao nhiệm vụ; tiếp tục tuyên truyền phổ biến pháp luật dưới nhiều hình thức, tham gia xây dựng pháp luật, chủ động góp ý kiến đối với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động SXKD và tiếp tục gửi các kiến nghị về cơ chế chính sách.
- PTSC tiếp tục đề nghị Nhà nước có hành lang cơ chế đặc thù đối với sản phẩm dịch vụ dầu khí. Theo đó, cần có chính sách ưu tiên, phát triển dịch vụ trong nước, dịch vụ ngành, ưu tiên phát triển dịch vụ ra nước ngoài, thiết lập các tiêu chí, hàng rào bảo hộ hợp lý để tạo sự bảo hộ, hỗ trợ ưu tiên sử dụng dịch vụ cho các doanh nghiệp dịch vụ dầu khí trong nước trên cơ sở phù hợp định hướng phát triển và năng lực của các doanh nghiệp trong nước, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.

Rủi ro về tín dụng

Nhận diện rủi ro

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng, dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty PTSC. Tổng công ty PTSC có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty PTSC có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng công ty PTSC không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một lượng lớn khách hàng hoạt động chủ yếu trong ngành dầu khí có lịch sử tín dụng tốt đảm bảo đáp ứng được nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn và khách hàng khác phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Tổng Công ty PTSC đã quản trị rủi ro lãi suất bằng cách tiếp cận huy động vốn từ thị trường vốn trong nước và quốc tế đảm bảo cân bằng giữa rủi ro lãi suất và tỷ giá, thực hiện các nghiệp vụ phái sinh để cố định lãi suất, duy trì mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Biện pháp giảm thiểu rủi ro

Tổng Công ty PTSC thực hiện nhiều giao dịch có gốc ngoại tệ nên Tổng Công ty PTSC sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng công ty quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá



thông qua việc ký kết hợp đồng với khách hàng theo đối ứng với khoản ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp.

04. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp phát triển bền vững

Các bên liên quan

Mô hình phát triển bền vững

THÔNGIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong suốt hơn 26 năm hình thành và phát triển, trải qua biết bao thăng trầm, khó khăn và thách thức, diện mạo của Tổng Công ty PTSC ngày hôm nay với 25 Đơn vị thành viên và trực thuộc, Công ty liên doanh, liên kết cùng đội ngũ lao động chuyên nghiệp, sáng tạo và giàu kinh nghiệm quốc tế đã và đang khẳng định vị thế là Đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao tại Việt Nam, một thương hiệu tin cậy đối với khách hàng, đối tác trong khu vực và quốc tế.

Năm 2019, PTSC bước qua thời kỳ khó khăn nhất của ngành dầu khí nói chung và PTSC nói riêng, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra, duy trì và phát triển bền vững. Để có được thành công lâu dài và bền vững, PTSC luôn chú trọng gắn liền phát triển kinh tế với công tác bảo vệ môi trường và trách nhiệm với xã hội, làm tròn sứ mệnh và nỗ lực gia tăng giá trị cho các bên liên quan, đây cũng là ba mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của PTSC, trong đó mục tiêu kinh tế là yếu tố tiên quyết để thực hiện mục tiêu xã hội và môi trường.

Bước sang năm thứ 27 trong hành trình xây dựng và phát triển, chúng tôi cam kết luôn nỗ lực, phát huy cao nhất hiệu quả nguồn lực, mang lại những bước phát triển bền vững cho chính PTSC, NLĐ PTSC, khách hàng, đối tác, cổ đông và các bên liên quan.

CÁC BÊN LIÊN QUAN

PTSC xác định các bên liên quan căn cứ tổng thể các mặt hoạt động, từ đó nhận diện các cá nhân, tổ chức có quan tâm, ảnh hưởng gián tiếp, trực tiếp đến mọi hoạt động của PTSC và xây dựng mối quan hệ bền vững, lâu dài với các bên liên quan dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch, chuẩn mực đạo đức văn hóa doanh nghiệp trên tinh thần mang lại lợi ích cho các bên.

Sự tham gia của các bên liên quan

1. Người lao động
 - Thỏa ước lao động tập thể
 - Hội nghị NLĐ, Hội nghị sơ kết và tổng kết
 - Gặp gỡ trực tiếp
 - Điện thoại, email, văn bản
 - Đối thoại định kỳ
 - Thông qua các buổi tọa đàm
 - Tổ chức các hoạt động nội bộ: Văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch...
2. Cổ đông và nhà đầu tư
 - Gặp gỡ trực tiếp
 - Trao đổi qua email, điện thoại
 - Website PTSC, ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường
3. Khách hàng

- Gặp gỡ trực tiếp
 - Qua điện thoại, email, văn bản và website
 - Các buổi đàm phán hợp đồng, hội thảo, hội nghị khách hàng
 - Bộ phận marketing và chăm sóc khách hàng
4. Đối tác/Đơn vị cung cấp dịch vụ
- Đàm phán trực tiếp, qua email, văn bản.
 - Ký kết, triển khai hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác
 - Quy trình chặt chẽ về đánh giá, xét chọn nhà cung cấp dịch vụ
5. Cơ quan truyền thông, báo chí
- Trả lời phỏng vấn, thông cáo báo chí
 - Công bố thông tin, hợp tác truyền thông, quảng cáo thương hiệu
 - Website PTSC
6. Cộng đồng, địa phương
- Gặp gỡ trực tiếp
 - Thông qua chính quyền, địa phương và cơ quan sở tại

Mối quan tâm của các bên liên quan và hoạt động của Tổng Công ty PTSC

Bên liên quan	Mối quan tâm	Hoạt động của PTSC
Người lao động	• Đảm bảo việc làm, tăng trưởng về thu nhập và chế độ đãi ngộ, phúc lợi tốt • Được chăm lo đời sống tinh thần cho NLĐ • Môi trường, điều kiện làm việc ATSKMT • Được ghi nhận, đánh giá công bằng với những đóng góp	• Thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai thực hiện nhiều chương trình hành động, phát động các phong trào thi đua, huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm duy trì và thực hiện thành công, vượt mức các chỉ tiêu SXKD. • Tăng cường công tác quản lý rủi ro; giám sát và quản lý chi phí. • Tiết giảm chi tiêu, thực hành tiết kiệm trong SXKD. • Tăng năng suất lao động, hiệu quả SXKD, kết quả quản lý làm cơ sở tăng lương, tăng chế độ đãi ngộ, minh bạch theo hướng chấp nhận sự khác biệt so với mặt bằng tiền lương trên thị trường lao động.

Bên liên quan	Mối quan tâm	Hoạt động của PTSC
Cổ đông và nhà đầu tư	• Kết quả SXKD tốt • Minh bạch thông tin • Nâng cao năng lực quản trị, giá trị thương hiệu tăng • Đảm bảo khả năng chi trả cổ tức	• Thực hiện vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch SXKD năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thông qua. • Chủ động công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và minh bạch đúng quy định. Đối xử bình đẳng với các cổ đông, nhà đầu tư. Đảm bảo quyền lợi, cơ hội ngang bằng cho các cổ đông và nhà đầu tư. • Hoàn thiện hệ thống quản trị, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành tinh gọn, hiệu quả. • Tiếp tục khẳng định vị trí hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao tại Việt Nam, đồng thời là một thương hiệu tin cậy đối với các khách hàng dầu khí trong khu vực và quốc tế bằng việc giành được một số hợp đồng quốc tế lớn từ các khách hàng trong khu vực Đông Nam Á và Trung Đông với giá trị hàng trăm triệu USD/hợp đồng. • Thực hiện đúng cam kết cổ tức.
Khách hàng	• Chất lượng dịch vụ, giá thành cạnh tranh • Thực hiện dự án/dịch vụ an toàn, đúng tiến độ • Duy trì và gia tăng sự tin cậy của khách hàng • Dịch vụ khách hàng tốt	• Đẩy mạnh phát triển năng lực thiết kế, kỹ thuật để nâng cao giá trị chất xám, giá trị gia tăng trong các sản phẩm, dịch vụ với giá cạnh tranh. • Triển khai tổ chức các phương án sản xuất, các giải pháp cung cấp dịch vụ, đảm bảo an toàn, chất lượng và đúng tiến độ. • Phát triển năng lực thực sự, tận dụng các thế mạnh của PTSC như thương hiệu, nguồn lực, hệ thống quản lý, kinh nghiệm. • Nâng cao năng lực đội ngũ

Bên liên quan	Mối quan tâm	Hoạt động của PTSC
		marketing, chăm sóc khách hàng.
Đối tác/Đơn vị cung cấp dịch vụ	- Việc đánh giá, lựa chọn đối tác, nhà cung cấp chặt chẽ, minh bạch, đảm bảo công bằng, tuân thủ pháp luật. - Hợp đồng được thực hiện, kiểm tra, kiểm soát đúng luật, đúng quy định.	- Cập nhật, cải tiến, triển khai quy trình mua sắm hàng hóa, đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp đảm bảo tuân thủ pháp luật, trong đó ưu tiên các Đơn vị hợp tác lâu năm với giá thành cạnh tranh và đảm bảo tuân thủ công tác ATSKMT. - Cập nhật, cải tiến, triển khai quy trình đánh giá đối tác. Bộ phận pháp chế, thương mại kiểm tra các hợp đồng được ký kết đảm bảo tuân thủ pháp luật. - Thực hiện đánh giá nội bộ để kiểm soát tình hình triển khai các quy định, quy trình.
Cơ quan truyền thông, báo chí	- Tiếp cận các thông tin của PTSC kịp thời, thuận lợi. - Hợp tác truyền thông với cơ quan truyền thông, báo chí.	- Thông tin định kỳ về kết quả hoạt động SXKD của PTSC luôn được soát xét và đăng tải công khai, minh bạch - Ký kết hợp tác truyền thông với cơ quan truyền thông báo chí chính thống - Hợp tác với nhiều cơ quan truyền thông hỗ trợ tổ chức chương trình từ thiện, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường...
Cộng đồng, địa phương	- Tuân thủ các quy định về môi trường, trên các địa bàn có các Đơn vị thành viên, trực thuộc Tổng Công ty PTSC đặt trụ sở. - Hỗ trợ, đóng góp cho cộng đồng địa phương.	- Tuân thủ các quy định, hướng dẫn về bảo vệ môi trường, vệ sinh lao động, thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm năng lượng, điện, nước. - Hỗ trợ phát triển giáo dục, y tế, đào tạo với tổng mức hỗ trợ 16 tỷ VNĐ.

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PTSC xác định việc tăng trưởng kinh tế luôn gắn liền với bảo vệ môi trường và trách nhiệm với xã hội, ba yếu tố này là nền tảng có ảnh hưởng trực tiếp tới việc thực hiện chiến lược phát triển dài hạn, trong đó mục tiêu tăng trưởng kinh tế là nền tảng để thực hiện thành công mục tiêu xã hội và môi trường.

KINH TẾ

Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung

Là Đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí hàng đầu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và trong khu vực, vì vậy năm 2019, PTSC đã nỗ lực vượt qua những khó khăn, về đích trước kế hoạch, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, đóng góp cho sự phát triển của ngành dầu khí nói riêng và nền kinh tế đất nước nói chung.

Năm 2019 PTSC nộp ngân sách Nhà nước **1.238 tỷ VNĐ**, tăng **24%** so với thực hiện năm 2018.

Phát triển kinh tế địa phương

Với 7.549 lao động và 20 Đơn vị thành viên, trực thuộc trên toàn quốc, PTSC cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí, tạo công ăn việc làm cho NLĐ địa phương làm việc tại các dự án và đóng góp cho sự tăng trưởng của địa phương.

Lợi ích cho các bên liên quan

Năm 2019, với việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch SXKD, tăng trưởng tốt đã mang lại lợi ích, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông/nhà đầu tư và các bên liên quan, đồng thời tăng lương, tăng phúc lợi cho NLĐ, đóng góp tích cực cho các hoạt động an sinh xã hội và phát triển cộng đồng.

XÃ HỘI

Việc làm

PTSC xác định nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, tác động trực tiếp tới hiệu quả hoạt động SXKD, chính vì vậy, song song với việc tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả SXKD, PTSC luôn chú trọng gia tăng quy mô về việc làm, xây dựng môi trường làm việc tốt, đảm bảo chính sách đào tạo, chế độ lương thưởng, phúc lợi cho NLĐ. Năm 2019, thu nhập bình quân của NLĐ PTSC là **23.758.000 đồng/người/tháng**, tăng khoảng **15%** so với năm 2018.

Chính sách lương, thưởng

PTSC đảm bảo tuân thủ nguyên tắc bình đẳng trong tuyển dụng, bổ nhiệm và nâng lương. PTSC đã và đang áp dụng hiệu quả Quy định đánh giá mức độ hoàn thành công việc để làm cơ sở trả lương cho NLĐ một cách công bằng, hưởng lương theo năng lực, chất lượng công việc. Ngoài ra, kết quả, hiệu quả công việc của NLĐ làm cơ sở để xét tăng lương, khen thưởng, v.v...

Năm 2019, PTSC đã và đang cải tiến áp dụng hiệu quả chính sách giao khoán chi phí nhân công, quỹ tiền lương cho các Bộ phận, Ban dự án, Đơn vị nhằm tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả SXKD đồng thời kết quả SXKD, công việc sẽ là cơ sở để tăng lương,

tăng chế độ đãi ngộ một cách công bằng, minh bạch và chấp nhận sự khác biệt so với mặt bằng tiền lương trên thị trường lao động.

Chính sách phúc lợi

- Chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe: Ngoài việc đảm bảo quyền lợi, chế độ, chính sách phúc lợi theo Luật Lao động và Thỏa ước lao động tập thể, PTSC đã tăng mức đóng bảo hiểm xã hội cho NLĐ nhằm tăng thu nhập khi nghỉ hưu nhưng không ảnh hưởng tới lương và thu nhập, đồng thời mua gói bảo hiểm sức khỏe chất lượng cao cho NLĐ (PVI care) và hỗ trợ gói bảo hiểm cho người thân;
- Năm 2019, căn cứ vào kết quả SXKD tốt, bên cạnh các chương trình phúc lợi cho NLĐ theo đúng luật và thỏa ước lao động tập thể, PTSC tổ chức bữa ăn ca, ăn sáng cho NLĐ, trong đó xây dựng và tuân thủ quy định an toàn vệ sinh thực phẩm để NLĐ an tâm làm việc; NLĐ được tham gia chương trình tham quan, nghỉ mát trong và ngoài nước dựa vào kết quả đánh giá hiệu quả công việc; con em của NLĐ được nhận trợ cấp vào dịp Tết thiếu nhi và Tết Trung thu. Đặc biệt, PTSC đã tổ chức khen thưởng con em NLĐ được giải tại các cuộc thi học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố, Quốc gia, Quốc tế cũng như tạo điều kiện cho con em giao lưu, tham quan cơ sở vật chất tại PTSC Thanh Hóa.

Chính sách đào tạo

Năm 2019, PTSC đã dành khoảng **25 tỷ VNĐ** cho công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực với các chương trình đào tạo về Thông tin kinh tế Việt Nam - Quốc tế, Tài chính kế toán quản trị cho các cấp lãnh đạo, quản lý; các hội thảo trao đổi kinh nghiệm trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án onshore/offshore của Tổng Công ty PTSC; chương trình đào tạo chuyên sâu, quản lý; bồi dưỡng thường xuyên, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác, ngoại ngữ; đào tạo nội bộ, nhập ngành dầu khí; tái đào tạo, đào tạo nâng bậc.

Quan hệ giữa NLĐ và Người sử dụng lao động

PTSC luôn xác định rõ việc phát triển SXKD phải đi đôi với cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho NLĐ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững. Bên cạnh việc đưa ra nhiều giải pháp nhằm tăng cường các mặt quản lý, nâng cao hiệu quả SXKD, PTSC đã xây dựng môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, hài hòa quan hệ giữa người NLĐ và Người sử dụng lao động. Bên cạnh việc ký kết Thỏa ước lao động tập thể, quy chế dân chủ giữa đại diện NLĐ và Người sử dụng lao động, PTSC đã thiết lập mối quan hệ giữa Ban lãnh đạo và NLĐ thông qua các hoạt động sau:

- NLĐ được trực tiếp tham gia đóng góp trong công tác xây dựng Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế dân chủ, Quy chế đối thoại, Quy chế khen thưởng và kỷ luật, Quy chế lương thông qua việc lấy ý kiến NLĐ do Công đoàn thực hiện. Việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, nâng cao chất lượng thương lượng, ký kết Thỏa ước lao động tập thể đã được các cấp Công đoàn Tổng Công ty PTSC phối hợp triển khai hiệu quả.
- Tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc Quý/lần và hàng năm tại Hội nghị NLĐ nhằm thông tin kịp thời với NLĐ tình hình khó khăn, thuận lợi trong mọi hoạt động của Tổng Công ty PTSC cũng như trực tiếp giải đáp các thắc mắc của NLĐ. Các thắc mắc, ý kiến của NLĐ luôn được giải đáp công khai, hợp lý và được triển

khai một cách tích cực. Trong năm 2019, PTSC không có tranh chấp giữa NLĐ và Người sử dụng lao động.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn cho các cán bộ công đoàn, nhân sự làm chế độ, chính sách nắm rõ Luật Lao động, thay đổi, cập nhật về Luật Lao động, chế độ, chính sách liên quan tới NLĐ thông qua các buổi đào tạo, tập huấn, hội thảo và hội nghị.
- Thực hiện đánh giá, rà soát, sắp xếp, đào tạo lại đội ngũ nhân sự thuyền viên đội tàu của Tổng Công ty PTSC về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (Luật, Công ước quốc tế, Bảo hiểm hàng hải, ngoại ngữ...) nhằm nâng cao chất lượng thuyền viên, đáp ứng, thỏa mãn yêu cầu của tổ chức, đối tác, khách hàng, với tổng số nhân sự tham gia đào tạo lại là trên 160 lượt người.

Đóng góp cho phát triển cộng đồng

Trong chiến lược phát triển bền vững, PTSC luôn chú trọng thực hiện mục tiêu phát triển cộng đồng song song với việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế. Năm 2019, PTSC đã triển khai các chương trình an sinh xã hội sau:

- Hỗ trợ phát triển giáo dục, y tế cộng đồng tại các tỉnh thành trong cả nước với tổng kinh phí **16 tỷ VNĐ**:
 - Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
 - Hỗ trợ xây dựng Trường THCS Bình An, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
 - Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học xã Đường Hồng, Bắc Mê, Hà Giang
 - Hỗ trợ Quỹ Khuyến học báo Dân Trí
 - Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
 - Hỗ trợ Chương trình kết nối yêu thương Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
- Chương trình an sinh xã hội của các Tổ chức chính trị, đoàn thể

Hội Cựu chiến binh Tổng Công ty PTSC: Năm 2019 Hội Cựu chiến binh PTSC cũng đã dành gần **400 triệu VNĐ** cho công tác an sinh xã hội bao gồm hỗ trợ kinh phí xây dựng các nhà “Nghĩa tình đồng đội”; Thăm và tặng quà bộ đội Trường Sa, giàn DK1; Thăm và tặng quà gia đình thương binh, liệt sỹ, có công với Cách mạng; Thăm hỏi và phụng dưỡng 02 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Đoàn Thanh niên Tổng Công ty PTSC: Tổng kinh phí Đoàn Thanh niên Tổng Công ty PTSC và các cơ sở Đoàn đã thực hiện và phối hợp thực hiện các hoạt động ASXH, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng trong năm lên đến hơn **900 triệu VNĐ** bao gồm các hoạt động:

- Hiến máu tình nguyện 488 đơn vị máu;
- Chương trình an sinh xã hội “Hành trình tuổi trẻ PTSC – kết nối và sẻ chia lần 2 năm 2019”, trao tặng quà cho 20 gia đình chính sách và gần 200 cháu học sinh nghèo, có hoàn cảnh khó khăn tại huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Chương trình “Bao lì xì nhân ái lần thứ 11” nhằm kết nối những tấm lòng hảo tâm đến với những hoàn cảnh khó khăn, mang đến cho các gia đình một mùa Tết thêm nồng ấm và đông đầy tình thương.
- Thăm hỏi, tặng quà các gia đình bị thiệt hại do Bão số 5 & số 6 tại tỉnh Bình Định;
- Trao tặng Công trình thanh niên “Thắp sáng đường quê” và nhiều phần quà cho các gia đình khó khăn.
- Hỗ trợ sửa nhà Đại đoàn kết.
- Hỗ trợ và tham gia phát các phần cơm từ thiện cho người lao động nghèo tại Quán cơm 2000 đồng, Tp. Vũng Tàu; Phát cháo từ thiện tại các Bệnh viện.
- Ủng hộ đồng bào các huyện miền núi thuộc tỉnh Thanh Hóa bị thiệt hại do lũ lụt.

MÔI TRƯỜNG

Năng lượng, nước, điện, nguyên vật liệu

Với đặc thù ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty PTSC là cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí nên chủ yếu là sử dụng nhân lực, phương tiện máy móc thiết bị để tạo ra sản phẩm dịch vụ trong quá trình sản xuất. Các nguồn nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm dịch vụ chủ yếu là sắt thép bán thành phẩm, các loại sơn phủ bề mặt, khí công nghiệp, các loại nhiên liệu... phục vụ cho hoạt động chế tạo lắp ráp cơ khí, vận hành phương tiện trang thiết bị máy móc, phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa nên hầu hết nguồn nguyên vật liệu đầu vào đều được dùng tối đa vào quá trình tạo sản phẩm dịch vụ, chất thải chủ yếu là từ nguồn sinh hoạt. PTSC sử dụng nguồn nước thủy cục để phục vụ sinh hoạt hàng ngày cho CBCNV làm việc trên bờ và trên các phương tiện nổi...

Các biện pháp hành động cụ thể

Chương trình quản lý, tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu

Việc quản lý, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng được kiểm soát chặt chẽ thông qua:

- Hệ thống quản lý chất lượng nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nguyên nhiên vật liệu đầu vào cũng như giảm thiểu phát thải tối đa các chất thải ra môi trường.
- Thay thế hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống điều hòa không khí tiết kiệm năng lượng; lắp biến tần cho hệ thống quạt, bơm công nghiệp; lắp hệ thống năng lượng mặt trời cho hệ thống nước sinh hoạt và thay thế một phần việc sử dụng nguồn điện lưới Quốc gia.
- Đặc thù hoạt động của đội tàu dịch vụ dầu khí có sử dụng nhiên liệu dầu DO, Tổng Công ty PTSC hiện đang áp dụng Hệ thống quản lý hiệu quả năng lượng theo quy định Tổ chức hàng hải thế giới (IMO) và định kỳ được bên thứ ba kiểm tra để cấp Giấy chứng nhận phù hợp sử dụng hiệu quả năng lượng cho từng tàu.

Tiết kiệm nước sinh hoạt, sản xuất

Việc tiết kiệm nước cũng là tiết kiệm chi phí sản xuất nên chương trình tiết kiệm nước sinh hoạt, sản xuất được áp dụng thông qua các giải pháp kỹ thuật hạn chế lãng phí nước sinh hoạt, sản xuất bằng lắp đặt, trang bị các thiết bị sử dụng nước hiệu quả như lắp đặt

thủy kế theo tiêu chuẩn của thành phố tại tất cả các Đơn vị thành viên và trực thuộc PTSC, theo dõi thống kê hàng tháng và tuyên truyền, vận động CBCNV tiết kiệm sử dụng nước trong sinh hoạt hàng ngày.

Xử lý tiếng ồn, độ rung, phát thải

Để kiểm soát các yếu tố môi trường (tiếng ồn, độ rung, nước thải, khí thải, chất thải) có phát sinh trong hoạt động sản xuất đều được giám sát định kỳ với tần suất 02-04 lần/năm đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn bảo vệ môi trường, đồng thời với các biện pháp kiểm soát, xử lý các chất thải theo đúng quy định pháp luật, cụ thể, năm 2019 PTSC đã chuyển giao cho nhà thầu có chức năng xử lý với khối lượng: 1.800 tấn chất thải sinh hoạt, 3.800 tấn chất thải công nghiệp và 2.200 tấn chất thải nguy hại.

Công tác an toàn sức khỏe nghề nghiệp

- Mục tiêu xuyên suốt của chính sách Tổng Công ty PTSC không ngừng theo đuổi là tạo ra môi trường làm việc an toàn, ngăn ngừa tối đa tai nạn sự cố, bệnh nghề nghiệp cho người lao động; không gây ô nhiễm môi trường; không xảy ra sự cố tổn thất về tài sản và tuân thủ đầy đủ yêu cầu của luật định liên quan. Để triển khai đạt mục tiêu này, liên tục nhiều năm qua qua Tổng Công ty PTSC đã triển khai Hệ thống Quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế (ISO9001:2015 – Hệ thống quản lý chất lượng; ISO14001:2015 – Hệ thống quản lý môi trường; ISO45001:2018 – Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp) và đã được Tổ chức chứng nhận quốc tế (BSI –Viện tiêu chuẩn Anh Quốc) cấp giấy chứng nhận phù hợp và kiểm tra đánh giá định kỳ hàng năm. Bằng việc áp dụng Hệ thống Quản lý này, các biện pháp quản lý và kỹ thuật tiêu biểu được triển khai như: ban hành hệ thống nội quy, quy định, quy trình sản xuất an toàn; đầu tư trang thiết bị an toàn phòng chống cháy nổ; tổ chức lao động đảm bảo phòng chống yếu tố có hại, cải thiện điều kiện lao động, năm 2019 đã tiến hành đo đạc kiểm soát 3.200 mẫu môi trường lao động; trang cấp đầy đủ 100% phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động với chất lượng và số lượng theo quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNV năm 2019 có trên 7.500 lượt người khám; huấn luyện an toàn vệ sinh lao động năm 2019 với trên 5.400 lượt...
- Kết quả công tác quản lý an toàn sức khỏe môi trường trong năm 2019, Tổng Công ty PTSC đạt được kết quả tiêu biểu như sau: không để xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng, không phát sinh trường hợp mắc mới bệnh nghề nghiệp, không xảy ra sự cố hay bị xử phạt vi phạm môi trường, thực hiện các dự án đạt 100% số giờ làm việc an toàn trong năm không xảy ra tai nạn lao động.

Các hoạt động xanh hóa trong môi trường làm việc

Bên cạnh việc đo đạc, theo dõi các thông số môi trường làm việc hàng năm để kịp thời có biện pháp khắc phục, cải thiện điều kiện lao động chưa phù hợp tiêu chuẩn hiện hành, Tổng Công ty PTSC còn triển khai các biện pháp tăng diện tích thảm xanh tại các cơ sở sản xuất như trồng cây, cải tạo cảnh quan; định kỳ và kết hợp tổ chức các đợt tổng vệ

sinh môi trường xung quanh nơi làm việc thông qua các dịp Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động, Ngày Môi trường thế giới 5/6, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; duy trì áp dụng Chương trình vệ sinh công nghiệp nơi làm việc 5S.

811
ỔNG
C
CH V
D
V
7

05. CHỨNG KHÓA PVS

Thông tin cơ bản

Cổ đông

Quan hệ Cổ đông

Đánh giá cổ phiếu PVS

Lịch sử chi trả cổ tức

CHỨNG KHOÁN PVS

THÔNG TIN CƠ BẢN

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	477.966.290
Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết (cổ phiếu)	477.966.290
Cổ phiếu quỹ	0
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ)	5.305,00
Room NN còn lại (%)	30,46 (%)
EPS cơ bản (nghìn VNĐ)	1,529
P/E	7,26
Giá trị sổ sách/CP (nghìn VNĐ)	16,788
Giá giao dịch cao nhất trong năm 2019 (nghìn VNĐ)	24,32
Giá giao dịch thấp nhất trong năm 2019 (nghìn VNĐ)	10,8
(Dữ liệu cập nhật tại ngày 18/3/2020)	

CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông

Số lượng cổ phiếu được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2020, ngày đăng ký cuối cùng 30/3/2020

Tổ chức Việt Nam 57,91%

Cá nhân Việt Nam 26,01%

Tổ chức nước ngoài 15,66%

Cá nhân nước ngoài 0,42%

DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TRÊN 5%)

Số lượng cổ phiếu được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2020, ngày đăng ký cuối cùng 30/3/2020

STT	HỌ VÀ TÊN	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỉ lệ sở hữu (%)	Trong nước/Nước ngoài	Cá nhân/Tổ chức
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	245.565.000	51,38%	TRONG NƯỚC	Tổ chức

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TRONG KỲ

Số lượng cổ phiếu được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2020, ngày đăng ký cuối cùng 30/3/2020 và các báo cáo giao dịch nhận được từ Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ tính đến hết 30/3/2020

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu năm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ (%)	Các giao dịch thực hiện trong kỳ		Lý do
					Bán (cổ phiếu)	Mua (cổ phiếu)	
1.	PHAN THANH TÙNG	Chủ tịch HĐQT	48.551	0,010%	-	-	
2.	LÊ MẠNH CƯỜNG	TV.HĐQT/ TGĐ	55.424	0,012%	-	-	
3.	ĐỖ QUỐC HOAN	TV.HĐQT	11.427	0,002%	-	-	
4.	PHẠM VĂN DŨNG	TV.HĐQT	-		-	-	Miễn nhiệm từ 01/02/2019
5.	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TV.HĐQT	-		-	-	
6.	LƯU ĐỨC HOÀNG	TV.HĐQT	-		-	-	
7.	HỒ THỊ OANH	Trưởng Ban KS	93	0,000%	-	-	
8.	BÙI THU HÀ	TV Ban KS	-		-	-	
9.	BÙI HỮU VIỆT CƯỜNG	TV Ban KS	1.667	0,000%	-	-	
10.	TẠ ĐỨC TIẾN	Phó Tổng Giám đốc	1.637	0,000%	-	-	
11.	NGUYỄN TRẦN TOÀN	Phó Tổng Giám đốc	3.794	0,001%	-	-	
12.	NGUYỄN HỮU HẢI	Phó Tổng Giám đốc	54.643	0,011%	-	-	
13.	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG	Phó Tổng Giám đốc	19	0,000%	-	-	
14.	TRẦN HỒ BẮC	Phó Tổng Giám đốc	2.149	0,000%	-	-	

15.	TRẦN VIỆT DŨNG	Phó Tổng Giám đốc	-		-	-	Miễn nhiệm từ 15/6/2019
16.	NGUYỄN VĂN BẢO	Kế toán trưởng	79	0,000%	-	-	
17.	NGUYỄN ĐỨC THỦY	NCBTT	-		-	-	

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Với mục tiêu minh bạch hóa thông tin, cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời cho cổ đông, các nhà đầu tư và tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin, Tổng Công ty duy trì sự tương tác thường xuyên với cổ đông. Phương châm của Tổng Công ty PTSC trong công tác quan hệ cổ đông là: tăng cường đối thoại, đảm bảo minh bạch thông tin, bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đối xử bình đẳng đối với mọi cổ đông, cụ thể:

Tăng cường đối thoại:

Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông

Trong năm 2019, Tổng Công ty đã tiếp xúc các cổ đông nhằm giải thích, cung cấp thông tin theo yêu cầu. Ngoài ra, thông qua các công ty chứng khoán, thông tin về hoạt động của Tổng Công ty PTSC được xác nhận, yêu cầu đính chính đầy đủ, đúng quy định, tránh gây hiểu nhầm làm ảnh hưởng tâm lý cổ đông và nhà đầu tư.

Thảo luận và chất vấn tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ, cổ đông đã trực tiếp đặt câu hỏi chất vấn Đoàn chủ tịch. Các vấn đề cổ đông đặt ra đều được Đoàn chủ tịch giải đáp, thông tin minh bạch, chính xác. Các nội dung góp ý, kiến nghị của cổ đông tại Cuộc họp đều được tiếp thu và nghiên cứu triển khai phù hợp.

Minh bạch thông tin:

Hiểu rõ vai trò quan trọng của việc minh bạch thông tin trong việc tạo lập niềm tin đối với nhà đầu tư, cổ đông, Tổng Công ty PTSC đã áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong việc công bố thông tin như: sử dụng hệ thống công bố thông tin qua IDS của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, CIMS của Sở giao dịch chứng khoán; đăng tải, cập nhật các thông tin công bố trên trang website của Tổng Công ty PTSC; sử dụng dịch vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán - Ezsearch. Đồng thời, PTSC cũng kết hợp với các công ty chứng khoán, các phương tiện truyền thông nhằm cập nhật và cung cấp đầy đủ nhất các thông tin về hoạt động Tổng Công ty PTSC một cách chi tiết và rõ ràng nhất.

Thông tin công bố trong năm 2019

Stt	Ngày tháng Công bố thông tin	Nội dung Công bố thông tin
1	09/01/2019	Xin gia hạn công bố BCTC Công ty mẹ, BCTC hợp nhất
2	22/01/2019	Công bố Điều lệ Tổng Công ty
3	29/01/2019	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 4/2018
4	29/01/2019	Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2018

Stt	Ngày tháng Công bố thông tin	Nội dung Công bố thông tin
5	01/02/2019	Công bố Nghị quyết công tác nhân sự Hội đồng quản trị
6	21/02/2019	Công bố Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10
7	08/03/2019	Công bố Nghị quyết lập danh sách cổ đông tham dự cuộc Họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
8	15/03/2019	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2018 đã kiểm toán
9	22/03/2019	Công bố gia hạn thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
10	28/03/2019	Công bố Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán
11	11/04/2019	Công bố Báo cáo thường niên 2018
12	25/04/2019	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 1/2019
13	26/04/2019	Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2019
14	31/05/2019	Công bố thông tin Báo cáo thường niên 2018 của PVS
15	11/06/2019	Công bố nội dung Triệu tập và dự thảo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
16	15/06/2019	Công bố Quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty
17	28/06/2019	Công bố Nghị quyết cuộc Họp ĐHĐCĐ thường niên 2019
18	23/07/2019	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 2/2019
19	29/07/2019	Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2019
20	20/08/2019	Công bố Báo cáo tài chính Công ty Mẹ bán niên năm 2019 đã được soát xét
21	29/08/2019	Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2019 đã được soát xét
22	13/09/2019	Công bố Nghị quyết về việc Chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền
23	10/10/2019	Công bố thông tin về việc ký Hợp đồng với Người liên quan

Stt	Ngày tháng Công bố thông tin	Nội dung Công bố thông tin
24	25/10/2019	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 3/2019
25	25/10/2019	Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2019
26	30/10/2019	Công bố Quyết định chấm dứt hoạt động của Chi nhánh và thành lập Văn phòng Đại diện Tổng Công ty tại Hà Nội
27	05/11/2019	Công bố thông tin về việc giải thể Công ty PTSC CGGV
28	17/12/2019	Xin gia hạn công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất

Bảo vệ quyền lợi cổ đông và đối xử bình đẳng đối với mọi cổ đông:

Để thực hiện đúng mục tiêu “Bảo vệ tối đa quyền lợi cổ đông, đối xử bình đẳng giữa cổ đông thiểu số – cổ đông lớn, giữa cổ đông trong nước – cổ đông nước ngoài, giữa cổ đông nội bộ – cổ đông khác” của Tổng Công ty PTSC, Bộ phận quan hệ cổ đông của Tổng Công ty PTSC luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, xử lý linh hoạt, nhanh chóng và đúng quy định tất cả các yêu cầu từ cổ đông về việc thực hiện các quyền của cổ đông như: đăng ký quyền sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, mua cổ phiếu phát hành thêm, tiếp cận các thông tin liên quan đến hoạt động Tổng Công ty PTSC, tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông, hưởng cổ tức từ Tổng Công ty PTSC, v.v...

ĐÁNH GIÁ CỔ PHIẾU PVS TRONG NĂM 2019

(nguồn: Công ty SSI Research và VCSC)

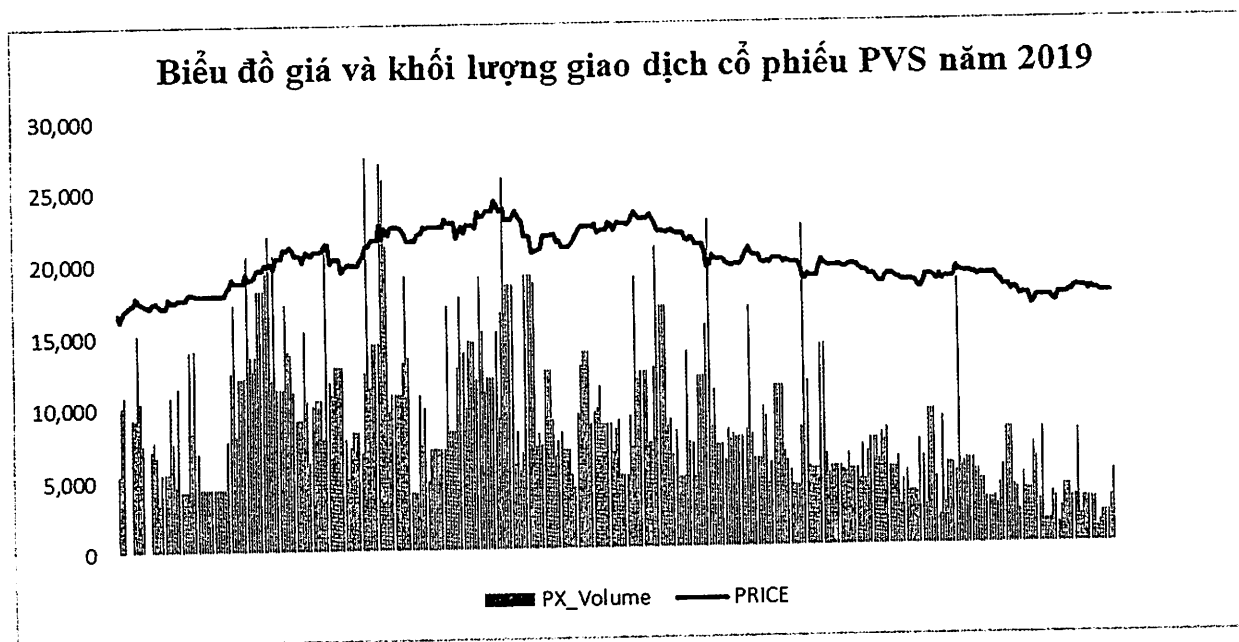
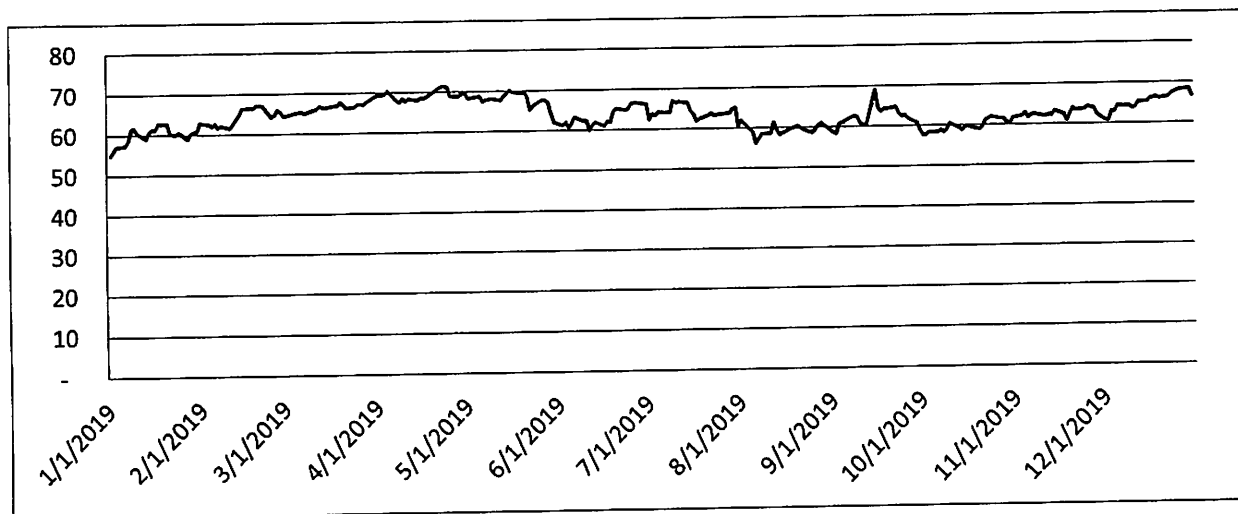
Năm 2019 được xem là một năm khá biến động đối với cổ phiếu nhóm ngành Dầu khí.

Thị trường chứng khoán Việt Nam kết thúc năm 2019 đầy biến động với nhiều diễn biến khó lường, chỉ số VN-Index kết thúc tại 960,99 điểm, tăng 7,7% so với đầu năm. Trong khi đó, vốn hóa thị trường của ngành dầu khí chỉ tăng “khiêm tốn” 1,9% trong năm 2019, thấp hơn đáng kể so với mức tăng chung các chỉ số cơ bản tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Mặc dù vậy, nhóm dầu khí vẫn có sự phân hóa mạnh giữa các cổ phiếu. GAS (+13%), PVD (+13,4%), PVS chỉ tăng 3%, BSR (-39,8%), OIL (-45%). Diễn biến không được như kỳ vọng của nhóm cổ phiếu dầu khí có một phần nguyên nhân đến từ giá dầu trung bình năm 2019 chỉ ở mức 64 USD/thùng thấp hơn khoảng 10% so với năm 2018. Bên cạnh đó, hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí (E&P) trong năm 2019 cũng gặp nhiều khó khăn. Sản lượng khai thác của Việt Nam đạt 13,11 triệu tấn dầu thô (-6,2% YoY) và 10,2 tỷ m³ khí tự nhiên (+2% YoY). Sản lượng dầu thô và khí đốt của Việt Nam bắt đầu suy giảm từ năm 2015, khi các mỏ giàu trữ lượng và gần bờ như Bạch

Hồ, Tê Giác Trắng, Hải Sư Trắng, Rồng Đỏi, Lan Tây, Lan Đỏ đang cạn dần, trong khi mức đầu tư cho thăm dò tìm kiếm trong giai đoạn này chưa tương xứng.

Trong năm 2019, mã PVS có khối lượng giao dịch bình quân đạt 2,6 triệu cổ phiếu/ngày, trong đó, phiên cao nhất đạt 8,2 triệu cổ phiếu. PVS vẫn là mã cổ phiếu có tính thanh khoản tốt của Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) trong năm vừa qua xét trên cả khối lượng và giá trị giao dịch.

Biểu đồ giá dầu thô năm 2019 Nguồn: Investing.com



DỰ ĐOÁN VỀ CỔ PHIẾU PVS TRONG NĂM 2020

2020 - năm của những biến động khó dự đoán

Giá dầu những tháng đầu năm 2020 chịu cú sốc kép từ Dịch bệnh Covid-19 bùng phát cùng với mối quan hệ căng thẳng giữa các quốc gia sản xuất dầu mỏ lớn trong việc đạt được thỏa thuận cắt giảm sản lượng dầu thô khai thác trước bối cảnh nguồn cung dầu dư thừa và kinh tế toàn cầu giảm tốc do ảnh hưởng của dịch bệnh. Các dự báo lạc quan nhất về giá dầu trung bình cũng chỉ dừng lại ở mức dưới 50 USD/thùng cho năm nay.

Tuy nhiên, trước những biến động lớn gần như không thể đoán định theo cách truyền thống, chúng ta nên tìm kiếm những điều tích cực, những biến cố tức thời của dịch bệnh mà thế giới đang phải trải qua chắc chắn cũng sẽ kết thúc. Trong đây rầy những bi quan hiện tại, xét về dài hạn, khi chưa có sự đột biến về năng lượng thay thế và khả năng tích trữ, triển vọng ngành dầu khí phục hồi theo đúng nguyên lý thị trường là không thể phủ nhận. Sự phục hồi nhẹ ở mảng thượng nguồn và diễn biến khá tích cực cho mảng hạ nguồn trước đại dịch, với việc hoàn thành công việc từ các dự án đã trúng thầu cũng như tiếp cận đầu thầu các Dự án mới tiềm năng được phát triển là hy vọng cho PVS trong tương lai.

Ngoài ra, nhu cầu khí của Việt Nam, chủ yếu là nhu cầu khí cho nhà máy điện, được dự báo là tăng mạnh gấp 3 lần trong 10 năm tới. Trong khi đó, nguồn cung khí tăng không đáp ứng kịp nhu cầu. Do đó, việc triển khai các dự án khí (ước tính khoảng 14 tỷ USD) và các dự án cơ sở hạ tầng để nhập khẩu khí hóa lỏng (LNG, ước tính khoảng 5 tỷ USD) đang là yêu cầu cấp thiết; nguồn công việc đều đặn trong nhiều năm đến từ các dự án lớn như Sao Vàng Đại Nguyệt, Sao Vàng Đại Nguyệt Pipeline, Nam Du U Minh, Nam Côn Sơn – giai đoạn 2, Sư Tử Trắng – Giai đoạn 2, Cá Voi Xanh, Lô B, LNG Thị Vải, LNG Sơn Mỹ... là lý do khiến PVS vẫn đáng được kỳ vọng như một kênh đầu tư giá trị xét về trung và dài hạn.

Lịch sử tăng Vốn điều lệ của Tổng Công ty PTSC

Năm	Phương thức	Số lượng phát hành (cổ phần)	Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)
2006	Chào bán lần đầu ra công chúng (IPO)	100.000.000	1.000,00
2008	Phát hành cho cổ đông hiện hữu.	73.803.431	1.738,03
2009	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	25.000.000	1.988,03
2010	Phát hành cho cổ đông hiện hữu.	98.998.663	2.978,02
2012	Phát hành cho cổ đông hiện hữu.	148.898.327	4.467,00
2018	Chia cổ tức bằng CP cho cổ đông hiện hữu	31.269.002	4.779,66

Lịch sử chi trả cổ tức cho các cổ đông của Tổng Công ty PTSC qua các năm:

Stt	năm	Ngày chốt danh sách	Vốn điều lệ (nghìn VNĐ)	Tỉ lệ chi trả	Tổng số tiền chi trả (nghìn VNĐ)
1.	2007	14/3/2008	1.000.000.000	14%	140.000.000
2.	2008 (đợt 1)	20/11/2008	1.000.000.000	10%	100.000.000
3.	2008 (đợt 2)	25/6/2009	1.738.034.310	5%	86.901.715
4.	2009	12/5/2010	1.988.034.310	20%	397.606.862
5.	2010	13/12/2010	1.988.034.310	15%	298.205.146
6.	2011	25/5/2012	2.978.020.940	20%	595.604.188
7.	2012 (đợt 1)	17/01/2013	2.978.020.940	10%	297.802.094
8.	2012 (đợt 2)	5/9/2013	4.467.004.210	5%	223.350.210
9.	2013	28/7/2014	4.467.004.210	12%	536.040.505
10.	2014	31/7/2015	4.467.004.210	12%	536.040.505
11.	2015	22/7/2016	4.467.004.210	12%	536.040.505
12.	2016 (đợt 1)	07/12/2016	4.467.004.210	5%	223.350.210
13.	2016 (đợt 2)	29/9/2017	4.467.004.210	5%	223.350.210
14.	2017 (đợt 1)	26/02/2018	4.467.004.210	5%	223.350.210
15.	2017 (đợt 2)	31/10/2018	4.467.004.210	5%	223.350.210
16.	2017 (bằng CP)	31/10/2018	4.467.004.210	100:7	312.690.295
17.	2018	30/9/2019	4.779.662.900	7%	334.576.403
	Tổng cộng				5.288.259.268

06. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01
CÔ
PH
UK
AU
ET
P



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

16
GT
IN
TH
HÍ
JAV
5

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 49



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là "Tổng công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Cường	Thành viên
Ông Đỗ Quốc Hoan	Thành viên
Ông Lưu Đức Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Mạnh Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồ Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

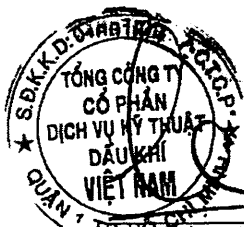
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Mạnh Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là "Tổng công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 4 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0488-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 27 tháng 3 năm 2020
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Hồng Quân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2758-2020-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.984.102.208.255	14.128.722.304.726
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.949.116.096.040	6.310.817.196.759
1. Tiền	111		4.041.410.427.943	3.830.100.621.016
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.907.705.668.097	2.480.716.575.743
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.742.571.586.619	1.726.317.234.379
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	2.742.571.586.619	1.726.317.234.379
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.627.034.139.321	5.006.452.431.908
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.884.571.159.669	3.012.163.207.374
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		420.262.173.629	533.039.405.263
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	7	181.447.480.986	258.412.474.685
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.346.922.552.014	1.407.605.186.912
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6,8	(206.169.226.977)	(204.767.842.326)
IV. Hàng tồn kho	140	9	1.269.256.728.673	493.935.853.853
1. Hàng tồn kho	141		1.272.164.712.524	498.130.207.014
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.907.983.851)	(4.194.353.161)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		396.123.657.602	591.199.587.827
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	35.357.728.480	48.922.358.543
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		318.218.883.243	271.875.818.178
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	16.933.529.516	41.124.594.445
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	11	25.613.516.363	229.276.816.661
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.019.865.324.289	8.960.746.293.518
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		164.206.818.984	31.753.609.257
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		75.409.365.095	6.761.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216		88.797.453.889	24.992.359.257
II. Tài sản cố định	220		3.176.899.751.007	2.633.626.166.672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.154.315.554.172	2.605.792.972.735
- Nguyên giá	222		11.482.964.370.282	10.564.933.603.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.328.648.816.110)	(7.959.140.630.739)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	22.584.196.835	27.833.193.937
- Nguyên giá	228		124.069.521.919	115.762.232.458
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(101.485.325.084)	(87.929.038.521)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	183.336.048.339	188.071.320.195
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(45.944.738.115)	(41.209.466.259)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		200.444.049.775	188.223.132.101
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		70.647.487.403	70.791.590.908
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	129.796.562.372	117.431.541.192
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.207.640.104.309	4.905.469.815.692
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16	5.180.369.727.790	4.880.579.699.433
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	51.030.000.000	51.030.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(23.759.623.481)	(26.139.883.741)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.087.338.551.875	1.013.602.249.601
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	569.879.030.649	552.355.528.679
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	26	488.389.594.773	426.358.081.591
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		29.069.926.453	34.888.639.331
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.003.967.532.544	23.089.468.598.244

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.219.703.953.202	10.384.221.970.582
I. Nợ ngắn hạn	310		8.994.685.972.883	6.825.236.319.053
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	4.036.407.225.912	3.178.593.055.345
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		319.770.239.979	98.206.540.041
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	89.223.868.867	121.423.053.902
4. Phải trả người lao động	314		576.062.919.264	614.075.376.435
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.025.081.085.720	1.062.270.517.013
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	7	44.733.508.613	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	25	58.983.517.052	64.105.515.483
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	603.475.946.267	625.757.198.324
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	771.273.458.439	721.241.129.887
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		153.180.406.643	155.487.912.290
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		316.493.796.127	184.076.020.333
II. Nợ dài hạn	330		4.225.017.980.319	3.558.985.651.529
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	24	976.563.803.527	842.272.559.787
2. Chi phí phải trả dài hạn	333		199.903.984	-
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	266.714.395.089	303.875.199.421
4. Phải trả dài hạn khác	337		193.469.385	193.485.885
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	584.273.712.046	192.809.024.510
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	26	787.421.949.479	739.373.880.617
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	1.578.454.986.813	1.419.488.384.982
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	28	31.195.759.996	60.973.116.327
D. NGUỒN VỐN	400		12.784.263.579.342	12.705.246.627.662
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	12.784.263.579.342	12.705.246.627.662
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.779.662.900.000	4.779.662.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.779.662.900.000	4.779.662.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.617.060.000	39.617.060.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		409.506.565.762	459.726.593.502
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.984.495.208.487	2.767.344.942.049
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.856.690.802.067	3.825.924.836.393
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		3.021.694.016.160	2.789.081.026.847
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		834.996.785.907	1.036.843.809.546
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	31	714.291.043.026	832.970.295.718
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		26.003.967.532.544	23.089.468.598.244

Dương Thị Ngọc Quý
 Người lập biểu

Nguyễn Văn Bảo
 Kế toán trưởng



Lê Mạnh Cường
 Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

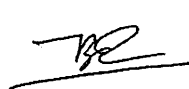
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

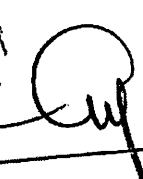
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	17.050.071.971.020	14.638.123.531.381
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		81.584.891.618	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		16.968.487.079.402	14.638.123.531.381
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	34	16.070.972.203.124	13.519.381.857.358
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		897.514.876.278	1.118.741.674.023
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	320.202.914.604	505.847.889.475
7. Chi phí tài chính	22	37	67.258.397.945	66.170.543.127
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.778.304.743	26.802.119.146
8. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24	38	580.816.727.174	722.591.930.775
9. Chi phí bán hàng	25	39	107.848.793.598	101.505.997.558
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39	649.409.286.872	644.550.741.070
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		974.018.039.641	1.534.954.212.518
12. Thu nhập khác	31	40	425.202.760.701	88.610.319.675
13. Chi phí khác	32	40	295.963.496.670	647.230.542.856
14. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40	40	129.239.264.031	(558.620.223.181)
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.103.257.303.672	976.333.989.337
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	41	308.885.806.504	208.978.470.197
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	(13.983.444.290)	194.238.889.815
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		808.354.941.458	573.116.629.325
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	61		849.373.614.613	1.047.286.209.708
20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	31	(41.018.673.155)	(474.169.580.383)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	1.602	2.010


 Dương Thị Ngọc Quý
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Bảo
 Kế toán trưởng


 Lê Mạnh Cường
 Tổng Giám đốc
 Ngày 27 tháng 3 năm 2020
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



300-0
 NHẬN
 G T
 EN H
 DIT
 NAI
 HO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.103.257.303.672	976.333.989.337
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	478.318.947.150	567.235.843.332
Các khoản dự phòng	03	154.393.851.265	90.265.345.899
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	13.088.059.260	(1.638.788.962)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(855.180.071.904)	(996.798.757.336)
Chi phí lãi vay	06	33.778.304.743	26.802.119.146
Các khoản điều chỉnh khác (*)	07	173.885.943.967	620.052.642.845
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.101.542.338.153	1.282.252.394.261
Thay đổi các khoản phải thu	09	248.546.121.908	(951.710.857.642)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(768.071.689.126)	(30.055.167.091)
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.890.756.252.653	227.953.310.171
Thay đổi chi phí trả trước	12	(3.958.871.907)	43.383.539.725
Tiền lãi vay đã trả	14	(39.160.239.713)	(35.700.523.451)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(319.737.629.669)	(186.770.962.532)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(204.164.280.872)	(157.766.413.138)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.905.752.001.427	191.585.320.303
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(766.054.883.764)	(354.533.533.639)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	5.008.105.062	2.234.501.151
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.952.180.120.626)	(690.837.859.379)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	935.514.070.946	1.348.310.201.552
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	471.892.806.151	770.079.420.871
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.305.820.022.231)	1.075.252.730.556
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	553.762.009.368	33.818.367.606
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(105.609.356.320)	(289.858.670.781)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(396.628.604.964)	(508.774.941.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	51.524.048.084	(764.815.245.050)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	651.456.027.280	502.022.805.809
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	6.310.817.196.759	5.761.373.378.462
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(13.157.127.999)	47.421.012.488
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	6.949.116.096.040	6.310.817.196.759

(*) Bao gồm khoản chênh lệch lỗ do đánh giá lại tài sản như đã trình bày tại Thuyết minh số 40.

Dương Thị Ngọc Quý
 Người lập biểu

Nguyễn Văn Bảo
 Kế toán trưởng

**TỔNG CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 DỊCH VỤ KỸ THUẬT
 DẦU KHÍ
 VIỆT NAM**
 Lê Mạnh Cường
 Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ", Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là "Tổng công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn") là cổ đông chính và là Công ty mẹ của Tổng công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 7.549 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 7.538 người).

Hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Dịch vụ căn cứ Cảng; Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa; Quản lý kinh doanh, sở hữu, vận hành khai thác các tàu chứa dầu thô (FSO), tàu chứa và xử lý dầu thô (FPSO); Quản lý, tổ chức thực hiện các dự án trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; Chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; Dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát công trình ngầm (bằng thiết bị ROV) phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoàn cải các phương tiện nổi; Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; Sản xuất, cung cấp vật tư thiết bị dầu khí; Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; Kinh doanh khách sạn, nhà ở, văn phòng làm việc và dịch vụ sinh hoạt dầu khí; Kinh doanh các sản phẩm dầu khí; Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; Sản xuất mua bán các sản phẩm dầu khí, phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các chi nhánh, Công ty con, Công ty liên kết và liên doanh của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Các chi nhánh

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội (Chấm dứt hoạt động ngày 30 tháng 10 năm 2019).

Văn phòng đại diện

- Văn phòng đại diện Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội (hoạt động từ ngày 30 tháng 10 năm 2019).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty con				
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV (*)	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn 2D, 3D
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khách sạn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	84,95	84,95	Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Việt Nam	95,19	95,19	Dịch vụ dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	54,69	54,69	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Dịch Vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Việt Nam	59,61	59,61	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ bảo vệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Sao Mai – Bến Đình	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan	Malaysia	100,00	100,00	Dịch vụ tàu đầu khí

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV, một công ty con của Tổng công ty đã ngừng hoạt động và đang thực hiện các thủ tục cần thiết để giải thể theo các văn bản phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Tổng công ty. Theo đó, Ban Giám đốc của PTSC CGGV đã lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của PTSC CGGV theo cơ sở kế toán không đáp ứng giá định hoạt động liên tục phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty liên kết, liên doanh				
Công ty Liên doanh Rông Đới MV12	Singapore	33,00	33,00	Dịch vụ kinh doanh kho nổi chứa dầu (FSO)
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	Malaysia	49,00	50,00	Dịch vụ kinh doanh kho nổi chứa dầu (FSO)
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	Malaysia	60,00	50,00	Dịch vụ kinh doanh kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu (FPSO)
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Private Limited	Singapore	51,00	50,00	Dịch vụ kinh doanh kho nổi chứa dầu (FSO)
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Private Limited	Singapore	51,00	50,00	Dịch vụ kinh doanh kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu (FPSO)
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	28,75	28,75	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	Việt Nam	21,46	36,00	Dịch vụ căn cứ cảng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được lập trên cơ sở kế toán hoạt động liên tục ngoại trừ báo cáo tài chính của công ty con – PTSC CGGV lập báo cáo tài chính theo cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục như đã nêu tại Thuyết minh số 1 bên trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trường hợp công ty liên kết áp dụng chính sách kế toán khác với Tổng Công ty cho các giao dịch và sự kiện giống nhau phát sinh trong các trường hợp tương tự, khi sử dụng báo cáo tài chính của công ty liên kết, Tổng công ty thực hiện các điều chỉnh thích hợp để kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn vào công ty liên doanh

Các khoản góp vốn vào công ty liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn vào công ty liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh sau ngày góp vốn vào công ty liên doanh.

Trường hợp công ty liên doanh áp dụng chính sách kế toán khác với Tổng Công ty cho các giao dịch và sự kiện giống nhau phát sinh trong các trường hợp tương tự, khi sử dụng báo cáo tài chính của công ty liên doanh, Tổng công ty thực hiện các điều chỉnh thích hợp để kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ của công ty liên doanh vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên doanh đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên doanh đó) không được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính

Tổng công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư tài chính dài hạn theo giá gốc. Tổng công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định kế toán và chính sách kế toán hiện hành của doanh nghiệp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 45
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 12
Thiết bị văn phòng và tài sản khác	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các loại phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Tổng công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chi phí giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê của lô đất. Giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của quyền sử dụng đất.

Tiền thuê văn phòng tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu từ tháng 10 năm 2010 với thời hạn 50 năm. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê.

Tiền giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn thuê cảng còn lại là 42 năm bắt đầu từ tháng 12 năm 2015.

Các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 6 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc tại ngày kết thúc niên độ kế toán về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này.

Dự phòng sửa chữa tàu định kỳ được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán cho đến năm dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại năm phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của niên độ kế toán đó.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng công ty là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi (trừ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng công ty tại nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo là VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm tài chính trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Phân phối lợi nhuận

Tổng công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm trước theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Các thủ tục và thời hạn chi trả cổ tức cho các cổ đông được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định Nhà nước có liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	31/12/2018
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	8.910.843.705	32.131.265.932
Tiền gửi ngân hàng	4.032.121.909.874	3.797.580.063.393
Tiền đang chuyển	377.674.364	389.291.691
Các khoản tương đương tiền	2.907.705.668.097	2.480.716.575.743
	6.949.116.096.040	6.310.817.196.759

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi không quá 3 tháng với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,4%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng không quá 12 tháng với lãi suất từ 5,1%/năm đến 7,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: lãi suất từ 4,1%/năm đến 6,7%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	31/12/2018
	VNĐ	VNĐ
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	824.573.552.189	611.036.865.916
Tổng công ty Khí Việt Nam	188.356.913.942	108.607.467.566
VPĐH Idemitsu Gas Production (Viet Nam) Co., Ltd. tại Thành phố HCM	183.292.955.010	147.572.958.264
Công ty TNHH Lọc Hóa dầu Nghi Sơn	128.066.964.583	91.356.899.583
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	127.037.356.446	152.911.936.704
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	126.037.622.810	111.331.999.583
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	111.249.988.558	183.126.994.082
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong Nước	73.144.224.118	127.779.145.187
Công ty TNHH Hệ thống điện GE Việt Nam	46.501.600.098	154.234.993
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	43.653.842.715	17.727.280.205
Ban QLDA Công trình Liên hợp LHD Nghi Sơn	37.203.110.659	37.203.110.659
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	36.294.484.493	71.678.401.440
Công ty CP LHD Bình Sơn	33.461.128.184	58.530.739.993
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	30.775.906.230	122.181.834.198
Khác	894.921.509.634	1.170.963.339.001
	2.884.571.159.669	3.012.163.207.374

Các số dư phải thu trọng yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 45

Chi tiết các khoản dự phòng theo tuổi nợ như sau:

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn của khách hàng				
Dưới 6 tháng	2.595.331.896.852	-	2.722.639.093.563	-
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	36.969.380.434	11.090.814.130	67.115.896.914	20.134.769.074
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	108.726.980.002	54.363.490.001	41.376.014.673	20.688.007.337
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	19.421.895.913	13.595.327.139	64.816.027.199	45.371.219.039
Từ 3 năm trở lên	124.121.006.468	124.121.006.468	116.216.175.025	116.216.175.025
	2.884.571.159.669	203.170.637.738	3.012.163.207.374	202.410.170.475

7. PHẢI THU VÀ PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2019 VNĐ	31/12/2018 VNĐ
Hợp đồng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán:		
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	181.447.480.986	258.412.474.685
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	(44.733.508.613)	-
	136.713.972.373	258.412.474.685
Chi tiết như sau:		
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	4.144.127.835.343	3.765.771.611.912
Trừ: số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	(4.007.413.862.970)	(3.507.359.137.227)
	136.713.972.373	258.412.474.685

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019 VNĐ	31/12/2018 VNĐ
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (i)	718.475.815.796	20.553.500.102
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1 (ii)	63.307.769.655	210.752.827.234
Công ty TNHH LHD Nghi Sơn (iii)	81.892.748.963	89.241.471.816
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	70.847.675.886	42.554.142.369
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iv)	57.744.327.344	47.256.963.954
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	41.515.071.906	914.622.500
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	40.404.655.266	29.118.842.032
MittraEnergy (Vietnam Nam Du) Pte, Ltd.	34.725.000.000	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	24.555.901.409	3.412.254.546
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.704.967.500	57.325.138.784
PTSC Asia Pacific Private Limited	20.683.587.643	-
Ký quỹ tại Ngân hàng BNP Paribas	-	740.320.000.000
Khác	172.065.030.646	166.155.423.575
	1.346.922.552.014	1.407.605.186.912

- (i) Khoản phải thu Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí là doanh thu trích trước từ việc cho thuê tàu và dịch vụ vận hành tàu FPSO Lam Sơn.
- (ii) Khoản phải thu từ Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1 là khoản phải thu từ doanh thu trích trước tương ứng với phần công việc đã hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1.
- (iii) Khoản phải thu Công ty TNHH LHD Nghi Sơn là khoản doanh thu trích trước sửa chữa Roto tổ máy phát điện số 1 tại Nhà máy Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn và một số khoản khác.
- (iv) Khoản phải thu từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gồm khoản phải thu từ doanh thu trích trước của Dự án PVN15 và 1 số khoản khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chi tiết các khoản dự phòng theo tuổi nợ như sau:

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ
Các khoản phải thu khác				
Dưới 6 tháng	1.342.540.444.672	-	1.403.716.343.113	-
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	540.363.600	162.109.080	807.338.487	242.201.546
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.281.396.589	640.698.295	1.245.944.700	622.972.350
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.215.217.630	850.652.341	1.143.542.190	800.479.533
Từ 3 năm trở lên	1.345.129.523	1.345.129.523	692.018.422	692.018.422
	1.346.922.552.014	2.998.589.239	1.407.605.186.912	2.357.671.851

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	145.001.412.833	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	645.233.525.295	(2.907.983.851)	193.266.473.279	(4.194.353.161)
Công cụ, dụng cụ	44.802.122.661	-	38.928.921.784	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	433.421.270.511	-	264.405.104.977	-
Hàng hóa	3.706.381.224	-	1.529.706.974	-
	1.272.164.712.524	(2.907.983.851)	498.130.207.014	(4.194.353.161)

Trong năm 2019, Tổng công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho với giá trị 1.286.369.310 đồng (năm 2018: 261.272.778 đồng).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019 VNĐ	31/12/2018 VNĐ
a. Ngắn hạn		
Chi phí thiết bị tàu Bình Minh 02 và CGG Amadues	-	23.765.915.747
Chi phí trả trước khác	35.357.728.480	25.156.442.796
	35.357.728.480	48.922.358.543
b. Dài hạn		
Thuê văn phòng số 1-5 Lê Duẩn	284.102.452.875	291.074.610.274
Thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ	105.345.818.711	109.199.934.035
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà	95.090.338.879	97.578.459.163
Chi phí trả trước dài hạn khác	85.340.420.184	54.502.525.207
	569.879.030.649	552.355.528.679

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và năm 2018 của PTSC CGGV được lập theo cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục, theo đó, tài sản của PTSC CGGV được đánh giá lại và ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị thuần có thể thực hiện được của tài sản PTSC CGGV là 25.613.516.364 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 229.276.816.661 đồng) được phân loại là tài sản ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	TSCĐ hữu hình khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	3.398.362.905.862	2.057.604.092.952	4.815.243.646.936	185.181.642.409	108.541.315.315	10.564.933.603.474
Mua trong năm	8.753.718.307	189.270.842.431	777.190.808.595	8.190.372.818	4.797.529.303	988.203.271.454
Đầu tư XDCB hoàn thành	6.206.872.407	-	13.133.554.587	-	653.250.008	19.993.677.002
Tăng khác	202.499.745	-	20.438.182.000	-	-	20.640.681.745
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.817.787.755)	(73.619.162.087)	(4.160.389.931)	-	(89.597.339.773)
Giảm khác	-	(21.021.243.620)	-	(188.280.000)	-	(21.209.523.620)
Số dư tại 31/12/2019	3.413.525.996.321	2.214.035.904.008	5.552.387.030.031	189.023.345.296	113.992.094.626	11.482.964.370.282
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2019	2.106.606.093.493	1.416.989.985.832	4.255.265.845.513	154.738.269.322	25.540.436.579	7.959.140.630.739
Khấu hao trong năm	127.723.227.053	144.471.063.049	163.400.380.268	17.594.073.701	6.650.636.415	459.839.380.486
Tăng khác	-	-	567.727.281	-	-	567.727.281
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.780.301.474)	(73.619.162.087)	(4.160.389.931)	-	(89.559.853.492)
Giảm khác	-	(1.150.788.901)	-	(188.280.003)	-	(1.339.068.904)
Số dư tại 31/12/2019	2.234.329.320.546	1.548.529.958.506	4.345.614.790.975	167.983.673.089	32.191.072.994	8.328.648.816.110
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2019	1.291.756.812.369	640.614.107.120	559.977.801.423	30.443.373.087	83.000.878.736	2.605.792.972.735
Số dư tại 31/12/2019	1.179.196.675.775	665.505.945.502	1.206.772.239.056	21.039.672.207	81.801.021.632	3.154.315.554.172

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Tổng công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.442 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.179 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng. Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 5.716 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5.467 tỷ đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.310.220.000	112.612.750.744	1.839.261.714	115.762.232.458
Mua trong năm	-	8.439.301.829	-	8.439.301.829
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	150.000.000	-	150.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(282.012.368)	-	(282.012.368)
Số dư tại ngày 31/12/2019	1.310.220.000	120.920.040.205	1.839.261.714	124.069.521.919
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2019	-	86.577.443.477	1.351.595.044	87.929.038.521
Khấu hao trong năm	-	13.465.628.147	278.666.664	13.744.294.811
Thanh lý, nhượng bán	-	(188.008.248)	-	(188.008.248)
Số dư tại ngày 31/12/2019	-	99.855.063.376	1.630.261.708	101.485.325.084
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.310.220.000	26.035.307.267	487.666.670	27.833.193.937
Số dư tại ngày 31/12/2019	1.310.220.000	21.064.976.829	209.000.006	22.584.196.835

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 73.831.836.194 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 71.927.060.726 đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Số dư tại 31/12/2018 và 31/12/2019	229.280.786.454
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư tại 01/01/2019	41.209.466.259
Khấu hao trong năm	4.735.271.856
Số dư tại 31/12/2019	45.944.738.115
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư tại 01/01/2019	188.071.320.195
Số dư tại 31/12/2019	183.336.048.339
Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Tổng công ty như sau:	
	31/12/2019 VNĐ
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hectare (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hectare (ii)	97.399.118.187
	229.280.786.454

(i) Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 49 năm.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán cần được trình bày, tuy nhiên, Tổng công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Tổng công ty nắm giữ bất động sản nhằm mục đích cho thuê dài hạn để thu lợi ích và không có kế hoạch chuyển nhượng trong tương lai gần nên Tổng công ty chưa thực hiện xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2019 VNĐ	31/12/2018 VNĐ
Đầu tư xây dựng mở rộng cầu cảng Đình Vũ	70.100.127.026	65.678.868.793
Dự án Bến tàu lai dắt và tàu dịch vụ dầu khí tại Quảng Ngãi	23.961.373.784	3.885.675.791
Xây dựng căn cứ cảng tại cảng Sao Mai - Bến Đình	16.168.416.172	16.450.644.162
Dự án đóng mới tàu phục vụ gần bờ phục vụ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	14.823.092.735
Xây dựng cơ bản dở dang khác	19.566.645.390	16.593.259.711
	129.796.562.372	117.431.541.192

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2019 VNĐ	31/12/2018 VNĐ
Giá trị khoản đầu tư gốc	1.624.677.039.235	2.479.809.740.787
Phần kết quả thuần từ các Công ty liên kết, liên doanh:		
Lũy kế các năm trước	3.255.902.660.198	3.204.448.651.370
Lợi nhuận trong năm	580.816.727.174	722.591.930.775
Trừ: giảm vốn góp trong năm	-	(855.132.701.552)
Trừ: Cổ tức được chia trong năm	(230.831.100.000)	(350.953.050.000)
<i>Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo</i>	(50.195.598.817)	(320.184.871.947)
	5.180.369.727.790	4.880.579.699.433

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 (i)	Singapore	33,00	33,00	Dịch vụ kinh doanh kho nổi chứa dầu (FSO)
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (ii)	Malaysia	49,00	49,00	Dịch vụ kinh doanh kho nổi chứa dầu (FSO)
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (iii)	Malaysia	50,00	50,00	Dịch vụ kinh doanh kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu (FPSO)
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (iv)	Singapore	50,00	50,00	Dịch vụ kinh doanh kho nổi chứa dầu (FSO)
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Private Limited (v)	Singapore	50,00	50,00	Dịch vụ kinh doanh kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu (FPSO)
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (vi)	Việt Nam	28,75	28,75	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải (vii)	Việt Nam	21,46	21,46	Dịch vụ căn cứ cảng
(i) Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 Limited là một Liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Tổng công ty và các đối tác Modex, Inc., và Mitsui & Co., Ltd vào năm 2006 để đầu tư vào kho nổi FSO "MV12" với sức chứa 300.000 thùng dầu để cho khách hàng Korea National Oil Corporation (KNOC) thuê từ năm 2007, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại mỏ Rông Đồi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn góp của Tổng công ty tại Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 Limited là 6.600 Đô la Mỹ, tương đương 106.022.400 đồng.				
(ii) Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (MVOT) là Liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm. Trong năm 2018, MVOT đã ký phụ lục sửa đổi hợp đồng với bên thuê về việc gia hạn thời gian thuê bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2027. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn góp của Tổng công ty tại MVOT là 17.258.911 Đô la Mỹ, tương đương 292.324.455.887 đồng.				

- (iii) Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT") là Liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009, trong đó Tổng công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas Carigali Vietnam Limited. Từ ngày 10 tháng 9 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thay thế, tiếp nhận quyền lợi và nghĩa vụ của Petronas Carigali Vietnam Limited thực hiện hợp đồng với VOLT theo thỏa thuận giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với Petronas Carigali Vietnam Limited. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn góp của Tổng công ty tại VOLT là 8.784.000 Đô la Mỹ, tương đương 156.473.118.448 đồng.
- (iv) Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Private Limited ("PTSC SEA") là Liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Tổng công ty cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT-ĐTRNN ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đầu tư đồng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) cho Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông ("BDPOC") thuê phục vụ khai thác dầu thô tại lô 05.2 và lô 05.3 ngoài khơi Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478.027.530 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Tại 31 tháng 12 năm 2019, vốn góp của Tổng công ty tại PTSC SEA là 16.320.000 Đô la Mỹ, tương đương 340.800.232.500 đồng.
- (v) Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Private Limited ("PTSC AP") là Liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Tổng công ty cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT-ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 Đô la Mỹ, tương đương 9.113.372.709.795 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 27,90% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Tổng công ty góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ. Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn góp của Tổng công ty tại PTSC AP là 30.600.000 Đô la Mỹ, tương đương 641.415.780.000 đồng.
- (vi) Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 09 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 594.897.870.000 đồng. Trong đó, vốn góp của Tổng công ty là 171.056.430.000 đồng, chiếm 28,75% vốn điều lệ.
- (vii) Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải (gọi tắt là "Cảng Thị Vải") là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502259121 ngày 21 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cảng Thị Vải, Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, một công ty con của Tổng công ty, nắm giữ 36% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Theo quy định về cách tính tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ đối với các khoản đầu tư của công ty con, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 21,46% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Do đó, Cảng Thị Vải là công ty liên kết của Tổng công ty theo quy định kế toán hiện hành.

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2019			31/12/2018		
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.000.000.000	776.902.962	2.223.097.038	3.000.000.000	754.496.863	2.245.503.137
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	37.500.000.000	12.452.720.519	25.047.279.481	37.500.000.000	14.855.386.878	22.644.613.122
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	10.530.000.000	10.530.000.000	-	10.530.000.000	10.530.000.000	-
	51.030.000.000	23.759.623.481	27.270.376.519	51.030.000.000	26.139.883.741	24.890.116.259

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
PTSC Asia Pacific Private Limited	607.367.871.795	607.367.871.795	368.421.977.726	368.421.977.726
PTSC Cá Rồng Đỏ Ltd	331.737.506.831	331.737.506.831	12.367.243.959	12.367.243.959
Công ty TNHH Hải Dương	140.865.116.017	140.865.116.017	78.159.363.947	78.159.363.947
Công ty CGG Services SA	115.269.522.834	115.269.522.834	119.626.355.076	119.626.355.076
Công ty CGG Services (Singapore) Private Limited	112.176.718.499	112.176.718.499	105.284.869.760	105.284.869.760
Công ty CP Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	97.563.137.480	97.563.137.480	103.527.903.969	103.527.903.969
CGG Marine B.V.	87.234.142.501	87.234.142.501	88.217.166.446	88.217.166.446
Công ty PTSC South East Asia Private Limited	84.855.361.093	84.855.361.093	116.413.902.270	116.413.902.270
Velocity Energy Pte Ltd	83.410.445.707	83.410.445.707	77.060.484.321	77.060.484.321
Công ty CP TM và DV Kỹ thuật khoan Dầu khí	68.586.968.940	68.586.968.940	63.015.541.017	63.015.541.017
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	60.545.865.887	60.545.865.887	26.416.257.390	26.416.257.390
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	55.586.420.025	55.586.420.025	127.566.952.052	127.566.952.052
Western Energy Pte Ltd	54.055.596.031	54.055.596.031	1.798.919.392	1.798.919.392
Công ty CP SCI E&C	47.952.239.724	47.952.239.724	69.428.183.807	69.428.183.807
Phải trả ngắn hạn khác	2.089.200.312.548	2.089.200.312.548	1.821.287.934.213	1.821.287.934.213
	4.036.407.225.912	4.036.407.225.912	3.178.593.055.345	3.178.593.055.345

Các số dư phải trả trọng yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 45.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/THU NHÀ NƯỚC

Chi tiết thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	31/12/2019	31/12/2018
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	5.935.450.368	5.377.419.163
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.125.960.972	61.695.301.427
Thuế thu nhập cá nhân	27.928.761.710	18.447.416.621
Các loại thuế khác	34.233.695.817	35.902.916.691
	89.223.868.867	121.423.053.902



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2019
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.377.419.161	442.635.872.384	448.274.783.563	(261.492.018)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	39.015.843.289	39.015.843.289	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	17.983.472.941	17.983.472.941	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.474.303.823	308.866.579.047	319.737.629.669	10.603.253.201
Thuế thu nhập cá nhân	17.618.366.161	189.173.977.050	179.012.632.268	27.779.710.943
Thuế tài nguyên	-	528.098.665	528.098.665	-
Thuế nhà đất	-	3.363.093.189	3.363.093.189	-
Thuế môn bài	-	53.000.000	53.000.000	-
Các loại thuế khác	35.828.370.312	220.348.711.705	222.008.214.792	34.168.867.225
Các khoản khác	-	15.710.055.965	15.710.055.965	-
	80.298.459.457	1.237.678.704.235	1.245.686.824.341	72.290.339.351
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	41.124.594.445			16.933.529.516
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	121.423.053.902			89.223.868.867

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	31/12/2018
	VNĐ	VNĐ
Chi phí cho thuê kho nổi FPSO Lam Sơn	715.054.307.205	-
Chi phí Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt	318.368.096.192	16.122.604.862
Chi phí Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt	261.709.162.253	-
Chi Phí dự án Cá Rồng Đỏ	161.801.783.012	187.773.398.105
Chi phí dự án Daman	71.715.775.040	72.424.015.761
Chi phí dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	69.584.012.427	107.641.272.127
Chi phí dự án Maharaja Lela South	54.262.689.400	66.443.470.140
Chi phí dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải	30.977.209.711	-
Chi phí dự án nhà máy NPK	30.842.662.148	53.946.593.800
Chi phí thực hiện gói thầu vận hành quản lý cảng NSRP	-	98.869.272.052
Chi phí phải trả khác	310.765.348.332	459.049.890.166
	2.025.081.045.720	1.062.270.517.013

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	31/12/2018
	VNĐ	VNĐ
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (I)	420.386.262.402	420.710.724.474
Tiền lương thưởng phải trả người lao động	59.745.177.788	56.534.950.117
Phải trả cổ tức cho các cổ đông (ii)	16.576.982.829	17.570.581.159
Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng	14.903.942.732	4.055.662.616
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	1.197.798.600	23.648.264.841
Các khoản phải trả, phải nộp khác	90.665.781.916	103.237.015.117
	603.475.946.267	625.757.198.324

(I) Khoản phải trả cho Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Tổng công ty là chủ đầu tư và Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy là nhà thầu thực hiện.

(II) Khoản cổ tức phải trả cho các cổ đông là cổ tức của năm 2018 và cổ tức của các năm trước mà các cổ đông chưa lưu ký chưa thực hiện thủ tục để nhận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2018		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23)	721.241.129.887	721.241.129.887	160.590.356.360	(110.558.027.808)	771.273.458.439	771.273.458.439
	721.241.129.887	721.241.129.887	160.590.356.360	(110.558.027.808)	771.273.458.439	771.273.458.439

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2018		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đồng Việt Nam	83.048.254.454	83.048.254.454	553.762.009.368	(117.283.319.280)	519.526.944.542	519.526.944.542
Đô la Mỹ	109.760.770.056	109.760.770.056	-	(45.014.002.552)	64.746.767.504	64.746.767.504
	192.809.024.510	192.809.024.510	553.762.009.368	(162.297.321.832)	584.273.712.046	584.273.712.046

Vay dài hạn bằng Đồng Việt Nam bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước. Các khoản vay này có lãi suất vay từ 4,76%/năm đến 9,5%/năm.

Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Các khoản vay này có lãi suất vay từ 1,45%/năm đến 5,707%/năm.

Mục đích các khoản vay dài hạn của Tổng công ty chủ yếu là đầu tư tài sản dài hạn như căn cứ cảng, tàu dịch vụ dầu khí, thiết bị chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và góp vốn thành lập các Liên doanh hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tàu chứa và xử lý dầu thô (FSO, FPSO). Các khoản vay dài hạn được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản và chi phí xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 12 hoặc không có bảo đảm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	771.273.458.439	721.241.129.887
Trong năm thứ hai	113.250.020.692	86.373.838.334
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	211.857.433.900	88.551.732.537
Trên năm năm	<u>259.166.257.454</u>	<u>17.883.453.639</u>
	1.355.547.170.485	914.050.154.397
Trừ: số vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng được trình bày tại Thuyết minh số 22	(771.273.458.439)	(721.241.129.887)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>584.273.712.046</u>	<u>192.809.024.510</u>

24. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC DÀI HẠN

Người mua trả tiền trước dài hạn thể hiện chủ yếu là khoản ứng trước từ Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1 cho việc thực hiện Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 795.524.628.327 đồng (số tiền ứng trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 838.350.507.176 đồng) và một số khoản khác.

25. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu thể hiện:

- a. Khoản thanh toán trước từ Công ty TNHH LHD Nghi Sơn theo Hợp đồng số 037/2016/NSRP.OPE-PTSC ngày 07 tháng 10 năm 2016 về việc đóng mới tàu, sử dụng tàu và dịch vụ hàng hải; và
- b. Khoản thanh toán trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng và đất trên diện tích đất 39,8 ha và diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, Thành phố Vũng Tàu với số tiền lần lượt là 143 tỷ đồng và 107 tỷ đồng. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm tương ứng với thời gian cho thuê lần lượt là 48 năm và 49 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

26. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Doanh thu chưa thực hiện	Giá vốn trích trước	Khấu hao tài sản cố định	Lợi nhuận từ công ty liên kết, liên doanh	Loại trừ dự phòng nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	486.861.275.017	(106.465.491)	12.115.432.070	(8.586.056.140)	3.434.488.035	(453.642.939.477)	(158.852.643.226)	(118.776.909.212)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(68.268.529.866)	(5.353.215.435)	1.111.476.300	-	(2.717.086.382)	(72.491.071.823)	(46.520.462.609)	(194.238.889.815)
Số dư tại ngày 31/12/2018	418.592.745.151	(5.459.680.926)	13.226.908.370	(8.586.056.140)	717.401.653	(526.134.011.300)	(205.373.105.835)	(313.015.799.027)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	54.317.794.963	8.966.088.662	(9.546.895.826)	8.586.056.140	(1.135.343.165)	(39.500.911.356)	(7.703.345.128)	13.983.444.290
Số dư tại ngày 31/12/2019	472.910.540.114	3.506.407.736	3.680.012.544	-	(417.941.512)	(565.634.922.656)	(213.076.450.963)	(299.032.354.737)
Trong đó:							31/12/2019	31/12/2018
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại							488.389.594.773	426.358.081.591
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả							(787.421.949.479)	(739.373.880.617)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty mẹ và PTSC CGGV (một Công ty con), có các khoản lỗ tính thuế lần lượt là 329.381.738.334 đồng và 2.407.826.756.206 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là: 0 đồng và 2.129.049.737.225 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty mẹ và PTSC CGGV không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn có đủ thu nhập tính thuế trong tương lai để sử dụng số lỗ tính thuế này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2019	31/12/2018
	VNĐ	VNĐ
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng:		
Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt	482.125.443.421	-
Dự án Sư Tử Nâu	305.716.586.415	305.716.586.414
Dự án Sư Tử Trắng Fullfield	274.903.401.336	274.903.401.336
Dự án Maharaja Lela South	116.547.125.610	116.547.125.610
Dự án H05 Topside	96.130.757.059	96.130.757.059
Dự án Sư Tử Vàng 6X	84.525.593.656	84.525.593.656
Dự án Gallaf	60.934.754.396	-
Dự án Ghana Yinson	55.087.141.058	55.087.141.058
Dự án Daman	54.625.975.610	54.625.975.610
Dự án Ghana Kanfa	19.702.996.906	19.702.996.906
Dự án khác	28.155.211.346	26.378.706.580
Dự án Biển Đông	-	360.577.100.000
Chi phí sửa chữa định kỳ cho tàu FPSO Lam Sơn	-	25.293.000.753
	1.578.454.986.813	1.419.488.384.982

28. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ
	VNĐ
Tại ngày 01/01/2019	60.973.116.327
Hoàn nhập quỹ chưa sử dụng (*)	(28.735.056.331)
Sử dụng trong năm	(1.042.300.000)
Tại ngày 31/12/2019	31.195.759.996

(*) Trong năm, Tổng công ty và PTSC POS – Công ty con của Tổng công ty đã hoàn nhập toàn bộ số dư Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ đã trích lập nhưng chưa sử dụng hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền 28.735.056.331 đồng theo các quy định hiện hành.

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần:	31/12/2019	31/12/2018
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	447.966.290	447.966.290
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	447.966.290	447.966.290
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	447.966.290	447.966.290

Tổng công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng công ty.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn cổ phần của Tổng công ty là 4.779.662.900.000 đồng. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2019		31/12/2018	
	%	VNĐ	%	VNĐ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.455.650.000.000	51,38	2.455.650.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	48,62	2.324.012.900.000	48,62	2.324.012.900.000
	100,00	4.779.662.900.000	100,00	4.779.662.900.000

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Số dư tại ngày 01/01/2018	4.467.004.210.000	39.617.060.000	2.728.613.621.181	1.381.468.781.244	3.715.434.635.613	779.711.839.583	13.111.850.147.621
Tăng vốn điều lệ	312.658.690.000	-	-	-	-	-	312.658.690.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(474.169.580.383)	1.047.286.209.708	-	573.116.629.325
Trích lập các quỹ	-	-	38.731.320.868	(11.069.554.450)	(177.962.753.908)	-	(150.300.987.490)
Chia cổ tức	-	-	-	(63.652.843.919)	(759.359.111.000)	-	(823.011.954.919)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	-	(319.985.246.081)	(319.985.246.081)
Khác	-	-	-	393.493.226	525.855.980	-	919.349.206
Số dư tại ngày 01/01/2019	4.779.662.900.000	39.617.060.000	2.767.344.942.049	832.970.295.718	3.825.924.836.393	459.726.593.502	12.705.246.627.662
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(41.018.673.155)	849.373.614.613	-	808.354.941.458
Trích lập các quỹ (*)	-	-	217.150.266.438	(15.898.518.948)	(483.905.456.528)	-	(282.653.709.038)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	(61.887.850.000)	(334.576.403.000)	-	(396.464.253.000)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	-	(50.220.027.740)	(50.220.027.740)
Khác	-	-	-	125.789.411	(125.789.411)	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	4.779.662.900.000	39.617.060.000	2.984.495.208.487	714.291.043.026	3.856.690.802.067	409.506.565.762	12.784.263.579.342

(**) Thể hiện số chia cổ tức cho cổ đông của Tổng công ty và cổ đông không kiểm soát của các công ty con. Theo Nghị quyết số 374/NQ-DVKT-ĐHĐCD ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, các cổ đông đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 với tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền là 7% tương ứng với số tiền là 334.576.403.000 đồng; trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành và trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền lần lượt là 71.967.668.931 đồng; 1.971.716.957 đồng và 207.645.760.189 đồng. Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức bằng tiền cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Nghị quyết số 374/NQ-DVKT-ĐHĐCD ngày 28 tháng 6 năm 2019 nêu trên.

Số liệu liên quan đến việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty.

1250
NH
ÔNG
NHIE
LO
ỆT
TP.1

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Đô la Mỹ (USD)	140.179.910	136.351.260
Euro (EUR)	1.936	1.954
Bảng Anh (GBP)	245.211	245.218
Rub Nga (RUB)	<u>597.690</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

31. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Tổng cộng
Vốn điều lệ của Công ty con	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	28.786.320.000	500.000.000.000	3.750.284.961.420
Trong đó:										
Vốn phần bổ cho Tổng công ty	339.807.000.000	102.000.000.000	285.581.000.000	208.645.000.000	218.773.000.000	204.000.000.000	597.817.104.000	15.300.000.000	255.000.000.000	2.226.923.104.000
Vốn phần bổ cho cổ đông thiểu số	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	13.486.320.000	245.000.000.000	1.523.361.857.420
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	15,05%	49,00%	4,81%	40,39%	45,31%	49,00%	48,97%	46,85%	49,00%	

Lợi ích cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2019 như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Điều chỉnh lợi nhuận LDLK Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải do hợp nhất trực tiếp	Tổng cộng
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	34.078.884.080	69.459.337.538	15.226.292.906	30.663.171.010	38.108.066.131	28.476.942.357	(279.260.964.308)	5.871.000.609	413.347.315	22.985.594.568	(33.978.327.794)
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông Tổng công ty	28.950.608.406	35.424.262.144	14.494.466.515	18.279.192.330	20.842.539.879	14.523.240.602	(142.507.191.251)	3.120.451.288	210.807.131	13.701.712.922	7.040.089.966
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số	5.128.275.674	34.035.075.394	731.826.391	12.383.978.680	17.265.526.252	13.953.701.755	(136.753.773.057)	2.750.549.321	202.540.184	9.283.881.646	(41.018.673.155)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2018 như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Tổng cộng
Lỗ/Lợi nhuận trong năm	14.535.916.821	63.143.713.080	16.199.366.385	37.610.114.196	42.657.222.161	24.561.959.819	(1.139.960.950.465)	6.888.183.029	781.349.689	(933.583.125.285)
Lỗ/Lợi nhuận của cổ đông PTSC	12.348.515.718	32.203.293.671	15.420.770.839	22.420.463.647	23.330.621.160	12.526.599.508	(581.723.384.036)	3.661.086.250	398.488.341	(459.413.544.902)
Lỗ/Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	2.187.401.103	30.940.419.409	778.595.546	15.189.650.549	19.326.601.001	12.035.360.311	(558.237.566.429)	3.227.096.779	382.861.348	(474.169.580.383)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Đơn vị: VNĐ

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Điều chỉnh tài sản LDLK Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải do hợp nhất trực tiếp	Tổng cộng
Tổng tài sản	1.115.262.180.004	581.549.073.354	764.543.741.511	469.640.492.975	849.744.504.875	589.565.715.313	155.953.100.219	88.424.491.338	779.660.618.406	-	5.394.343.917.995
Tổng nợ phải trả	368.182.273.736	280.466.634.841	700.550.280.202	70.663.132.123	326.463.662.603	144.320.548.134	1.105.764.460.234	46.864.200.814	218.469.480.109	-	3.261.744.672.796
Tài sản thuần	747.079.906.268	301.082.438.513	63.993.461.309	398.977.360.852	523.280.842.272	445.245.167.179	(949.811.360.015)	41.560.290.524	561.191.138.297	-	2.132.599.245.199
Chi tiết như sau:											
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	28.786.320.000	500.000.000.000	-	3.750.284.961.420
Quỹ đầu tư phát triển	308.742.964.235	6.211.978.409	4.707.250.551	23.333.560.624	47.391.881.381	20.536.259.607	-	7.783.620.006	44.351.392.969	-	463.058.907.782
Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	38.336.942.033	94.870.460.104	(240.713.789.242)	25.643.800.228	75.888.960.891	24.708.907.572	(2.121.310.001.435)	4.990.350.518	16.839.745.328	-	(2.080.744.624.003)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát											
Chi tiết như sau:											
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	13.486.320.000	245.000.000.000	-	1.523.361.857.420
Quỹ đầu tư phát triển	46.460.413.115	3.043.869.420	226.246.152	9.423.758.463	21.471.721.218	10.062.767.207	-	2.645.930.795	21.732.182.555	-	115.066.888.925
Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	5.769.038.879	46.486.525.451	(11.569.507.090)	10.356.798.232	34.382.821.789	12.107.364.711	(1.038.803.068.088)	(402.778.664)	8.251.475.212	9.283.626.249	(924.137.703.319)
	112.422.451.994	147.530.394.871	3.075.739.062	161.135.556.695	237.081.543.007	218.170.131.918	(465.121.530.668)	15.729.472.131	274.983.657.767	9.283.626.249	714.291.043.026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đĩnh Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Tổng cộng
Tổng tài sản	1.082.295.943.727	598.175.456.826	773.146.650.990	510.016.462.478	942.563.437.554	598.854.497.344	451.048.679.811	102.501.713.989	798.631.399.353	5.857.234.242.072
Tổng nợ phải trả	333.894.921.539	315.933.012.182	724.379.482.587	99.072.787.658	423.674.451.493	157.923.535.186	1.121.599.075.518	60.076.818.408	237.767.659.905	3.474.321.744.477
Tài sản thuần	748.401.022.188	282.242.444.644	48.767.168.403	410.943.674.820	518.888.986.061	440.930.962.158	(670.550.395.707)	42.424.895.581	560.863.739.448	2.382.912.497.596
Chỉ tiết như sau:										
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	28.786.320.000	500.000.000.000	3.750.284.961.420
Quỹ đầu tư phát triển	308.742.964.235	6.211.978.409	4.707.250.551	23.333.560.624	34.594.714.733	15.623.867.643	-	7.783.620.006	44.351.392.969	445.349.349.170
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	39.658.057.953	76.030.466.235	(255.940.082.148)	37.610.114.196	84.294.271.328	25.307.094.515	(1.842.049.037.127)	5.854.955.575	16.512.346.479	(1.812.721.812.995)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát										
Chỉ tiết như sau:										
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	13.486.320.000	245.000.000.000	1.523.361.857.420
Quỹ đầu tư phát triển	46.460.413.115	3.043.869.420	226.246.152	9.423.758.463	15.673.740.917	7.655.695.145	-	2.645.930.795	21.732.182.555	106.861.836.562
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	5.967.843.706	37.254.928.455	(12.301.333.482)	15.189.650.549	38.190.994.775	12.400.476.312	(902.049.295.030)	2.286.675	8.091.049.776	(797.253.398.265)
	<u>112.621.256.821</u>	<u>138.298.797.875</u>	<u>2.343.912.670</u>	<u>165.968.409.012</u>	<u>235.091.735.692</u>	<u>216.056.171.457</u>	<u>(328.367.757.610)</u>	<u>16.134.537.470</u>	<u>274.823.232.331</u>	<u>832.970.295.718</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh

Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí
 Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO
 Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV
 Dịch vụ càn cứ cảng
 Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp
 Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển
 Dịch vụ khác

Hoạt động

Cung cấp dịch vụ cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí
 Cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xử lý và xuất dầu thô
 Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV
 Cung cấp dịch vụ càn cứ cảng, cung cấp dịch vụ khác có liên quan
 Cung cấp dịch vụ gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí
 Cung cấp dịch vụ sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí
 Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo bảy bộ phận kinh doanh như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Đơn vị: VNĐ							
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ càn cứ cảng	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Tổng
Tài sản								
Tài sản bộ phận	2.426.412.410.787	5.146.069.847.459	205.378.391.969	3.972.656.552.159	6.867.308.654.738	1.223.322.601.262	981.519.086.965	19.561.181.599.632
Lãi từ công ty liên kết							(1.261.485.945.707)	3.555.692.688.555
Tài sản không phân bổ								2.887.093.244.357
Tổng tài sản hợp nhất								26.003.967.532.544
Nợ phải trả								
Nợ phải trả bộ phận	1.691.477.972.173	2.132.220.734.593	1.477.512.411.899	1.592.521.030.291	5.951.539.143.703	385.292.047.628	518.391.334.452	11.898.345.128.965
Nợ phải trả không phân bổ							(1.850.609.545.774)	1.321.358.824.237
Tổng nợ phải trả hợp nhất								13.219.703.953.202

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ cần cẩu cảng	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Tài sản									
Tài sản bộ phận	1.932.020.771.772	3.656.966.795.386	516.451.839.860	4.132.095.650.056	7.160.786.476.545	1.221.693.174.613	549.281.518.752	(1.575.905.333.326)	17.593.390.893.658
Lãi từ công ty liên kết									3.255.902.660.198
Tài sản không phân bổ									2.240.175.044.388
Tổng tài sản hợp nhất									23.089.468.598.244
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	1.456.264.248.653	925.820.044.854	1.420.747.223.821	1.745.593.838.906	5.514.771.325.928	356.153.853.588	305.838.652.520	(2.204.998.818.585)	9.520.190.369.685
Nợ phải trả không phân bổ									864.031.600.897
Tổng nợ phải trả hợp nhất									10.384.221.970.582



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Đơn vị: VNĐ

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/PSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ cần cẩu cảng	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Doanh thu									
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.764.597.617.506	2.626.731.257.169	761.696.921.243	1.505.149.684.752	8.619.267.675.531	789.588.550.022	901.455.373.179	-	16.968.487.079.402
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	483.673.115.685	385.893.865.272	37.555.122.230	238.058.782.184	286.037.481.607	731.090.330.098	103.727.040.039	(2.266.035.737.115)	-
Tổng doanh thu	2.248.270.733.191	3.012.625.122.441	799.252.043.473	1.743.208.466.936	8.905.305.157.138	1.520.678.880.120	1.005.182.413.218	(2.266.035.737.115)	16.968.487.079.402
Giá vốn									
Giá vốn bán hàng ra bên ngoài	1.644.373.466.354	2.473.943.740.165	695.737.165.376	1.253.395.598.620	8.441.512.956.530	689.721.991.269	872.287.284.810	-	16.070.972.203.124
Giá vốn từ bán hàng cho các bộ phận khác	483.673.115.685	385.893.865.272	37.521.769.751	232.058.782.184	260.748.081.748	730.857.152.075	70.918.899.824	(2.201.671.666.539)	-
Tổng giá vốn	2.128.046.582.039	2.859.837.605.437	733.258.935.127	1.485.454.380.804	8.702.261.038.278	1.420.579.143.344	943.206.184.634	(2.201.671.666.539)	16.070.972.203.124
Lợi nhuận gộp									
Lợi nhuận gộp bộ phận	120.224.151.152	152.787.517.004	65.959.755.867	251.754.086.132	177.754.719.001	99.866.558.753	29.168.088.369	-	897.514.876.278
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	757.258.080.470
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	252.944.516.659
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	393.201.312.467
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	129.239.264.031
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	580.816.727.174
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	1.103.257.303.672
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiep	-	-	-	-	-	-	-	-	308.885.806.504
Chi phí thuế thu nhập hoán lại	-	-	-	-	-	-	-	-	(13.983.444.290)
Lợi nhuận trong năm									808.354.941.458

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Đơn vị: VNĐ

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/PSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ cần cẩu cảng	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Doanh thu									
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.875.652.039.340	1.671.309.673.958	817.929.652.373	1.591.551.088.475	7.342.661.603.434	977.304.037.660	361.715.436.141	-	14.638.123.531.381
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	433.433.452.912	391.570.175.739	98.065.753.776	183.824.221.866	423.598.240.983	354.737.233.500	104.522.478.117	(1.989.751.556.893)	-
Tổng doanh thu	2.309.085.492.252	2.062.879.849.697	915.995.406.149	1.775.375.310.341	7.766.259.844.417	1.332.041.271.160	466.237.914.258	(1.989.751.556.893)	14.638.123.531.381
Giá vốn									
Giá vốn bán hàng ra bên ngoài	1.666.896.109.215	1.550.763.967.056	1.215.364.607.522	1.243.961.149.435	6.605.459.037.636	893.686.234.766	343.250.751.728	-	13.519.381.857.358
Giá vốn từ bán hàng cho các bộ phận khác	433.433.452.912	391.570.175.739	98.065.753.776	183.824.221.866	423.598.240.983	354.737.233.500	30.464.563.242	(1.915.693.642.018)	-
Tổng giá vốn	2.100.329.562.127	1.942.334.142.795	1.313.430.361.298	1.427.785.371.301	7.029.057.278.619	1.248.423.468.266	373.715.314.970	(1.915.693.642.018)	13.519.381.857.358
Lợi nhuận gộp									
Lợi nhuận gộp bộ phận	208.755.930.125	120.545.706.902	(397.434.955.149)	347.589.939.040	737.202.565.798	83.617.802.894	18.464.684.413	-	1.118.741.674.023
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	746.056.738.628
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	439.677.346.348
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	812.362.281.743
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(558.620.223.181)
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	722.591.930.775
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	976.333.989.337
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	208.978.470.197
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	194.238.889.815
Lợi nhuận trong năm									573.116.629.325

Tổng công ty chỉ hoạt động chủ yếu ở Việt Nam. Do đó, Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

33. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu bán hàng	1.019.467.278.779	1.507.864.967.490
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.206.219.571.449	9.319.608.957.696
Doanh thu hợp đồng xây dựng	7.824.385.120.792	3.810.649.606.195
	<u>17.050.071.971.020</u>	<u>14.638.123.531.381</u>

34. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	955.164.684.680	1.283.136.269.084
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.585.311.582.020	8.605.758.395.389
Giá vốn hợp đồng xây dựng	7.530.495.936.424	3.630.487.192.885
	<u>16.070.972.203.124</u>	<u>13.519.381.857.358</u>

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.047.683.222.933	3.036.163.278.131
Chi phí nhân công	2.561.184.741.264	2.421.706.561.745
Chi phí khấu hao tài sản cố định	478.318.947.150	567.235.843.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.568.591.973.188	6.747.968.598.523
Chi phí khác	1.101.331.531.507	1.367.008.377.795
	<u>16.757.110.416.042</u>	<u>14.140.082.659.526</u>

36. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	269.355.239.668	243.091.802.748
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	8.640.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	50.843.841.986	233.815.502.366
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.832.950	20.300.584.361
	<u>320.202.914.604</u>	<u>505.847.889.475</u>

37. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay	33.778.304.743	26.802.119.146
Lỗ chênh lệch tỷ giá (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	35.840.045.231 (2.380.260.260)	38.906.453.244 461.042.740
Chi phí tài chính khác	20.308.231	927.997
	<u>67.258.397.945</u>	<u>66.170.543.127</u>

38. PHẦN LÃI TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	455.256.747.055	257.112.737.549
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	138.620.031.096	342.409.809.934
Các công ty liên doanh, liên kết khác	(13.060.050.977)	123.069.383.292
	<u>580.816.727.174</u>	<u>722.591.930.775</u>

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Năm 2019	Năm 2018
VNĐ	VNĐ
19.454.956.782	17.061.090.196
56.497.980.765	50.023.920.995
31.895.856.051	34.420.986.367
107.848.793.598	101.505.997.558
229.657.168.468	239.070.575.044
296.898.013.122	199.368.947.449
37.985.312.465	38.741.063.721
1.217.656.374	2.188.475.790
83.651.136.443	165.181.679.066
649.409.286.872	644.550.741.070

Năm 2019	Năm 2018
VNĐ	VNĐ
369.317.807.626	-
28.735.056.331	-
6.895.090.797	9.265.872.900
5.008.105.062	2.234.501.151
-	30.575.719.806
-	24.601.469.091
15.246.700.885	21.932.756.727
425.202.760.701	88.610.319.675
235.950.361.658	622.221.509.512
13.571.903.548	5.093.597.287
5.122.737.739	1.452.925.791
41.318.493.725	18.462.510.266
295.963.496.670	647.230.542.856
129.239.264.031	(558.620.223.181)

(*) Như đã nêu tại Thuyết minh số 1, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018 của PTSC CGGV được lập theo cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục, vì vậy, tài sản và công nợ được đánh giá lại và ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch lỗ do đánh giá lại được ghi nhận vào chi phí khác, chi tiết như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Lỗ do đánh giá lại tài sản cố định	203.663.300.297	544.819.956.545
Lỗ do đánh giá lại chi phí trả trước	23.491.259.433	77.401.552.967
Lỗ do đánh giá lại hàng tồn kho	8.795.801.928	-
	235.950.361.658	622.221.509.512



41. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.103.257.303.672	976.333.989.337
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.593.698.327.102)	(1.175.309.471.736)
Các khoản điều chỉnh tăng	2.089.439.250.208	1.277.049.756.920
Thu nhập chịu thuế	1.598.998.226.778	1.078.074.274.521
Chuyển lỗ các năm trước	(701.159.813)	-
Thu nhập tính thuế	1.598.297.066.965	1.078.074.274.521
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 22% từ hoàn nhập quỹ PT KHCN	26.489.586.331	-
Thu nhập tính thuế theo thuế suất thông thường (20%)	1.571.807.480.634	1.078.074.274.521
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	320.189.205.120	204.239.150.709
Miễn giảm thuế (I)	(11.344.850.175)	(1.153.955.375)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	41.451.559	5.893.274.863
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	308.885.806.504	208.978.470.197

Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (năm 2018: 20%) trên thu nhập tính thuế.

(I) Miễn giảm thuế chủ yếu thể hiện số thuế được miễn trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa.

42. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	849.373.614.613	1.047.286.209.708
Trừ: Trích tạm quỹ khen thưởng, phúc lợi theo kế hoạch	83.576.920.465	86.725.264.300
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	765.796.694.148	960.560.945.408
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	477.966.290	477.966.290
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.602	2.010

Điều chỉnh lại quỹ khen thưởng phúc lợi thực trích trong năm

Theo Công văn số 12568/BTC-CDKT ngày 9 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài chính Giải thích nội dung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, lợi nhuận trong năm dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu phải loại trừ quỹ khen thưởng phúc lợi trích trong năm. Một khoản điều chỉnh 8.990.338.567 đồng được điều chỉnh từ số tạm trích năm trước về số thực trích năm nay để điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018.

43. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	539.849.789.469	770.212.512.465
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	391.169.161.619	224.204.784.448
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	602.681.218.702	356.054.337.527
Sau năm năm	1.131.201.927.479	917.290.156.854
	<u>2.125.052.307.800</u>	<u>1.497.549.278.829</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động; thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC; Thuê đất với mục đích kinh doanh dịch vụ cảng của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình; thuê tài sản với mục đích kinh doanh dịch vụ khách sạn của Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC không hủy ngang.

Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 01 năm đến 05 năm tính từ năm 2016. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002.

44. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và số 23, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, chênh lệch tỷ giá hối đoái và lợi ích cổ đông không kiểm soát).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản vay	1.355.547.170.485	914.050.154.397
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.949.116.096.040	6.310.817.196.759
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>12.784.263.579.342</u>	<u>12.705.246.627.662</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Giá trị ghi sổ	
31/12/2019	31/12/2018
VNĐ	VNĐ
6.949.116.096.040	6.310.817.196.759
4.011.553.669.815	4.197.832.140.537
2.769.841.963.138	1.751.207.350.638
13.730.511.728.993	12.259.856.687.934
1.355.547.170.485	914.050.154.397
4.543.175.890.882	3.700.680.172.303
2.025.280.989.704	1.062.270.517.013
1.731.635.393.456	1.574.976.297.272
9.655.639.444.527	7.251.977.140.985

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các khoản đầu tư và giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá các khoản đầu tư và giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro tỷ giá

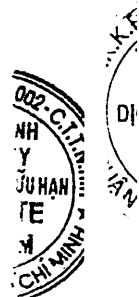
Tổng công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng công ty quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2018
	Quy đổi VNĐ	Quy đổi VNĐ	Quy đổi VNĐ	Quy đổi VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	5.723.455.977.502	5.691.328.668.691	2.793.636.017.202	2.711.727.387.606
Bảng Anh (GBP)	7.412.298.134	424.457.389	-	-
Euro (EUR)	51.636.346	59.041.960	43.292.845.926	439.376.889
Đô la Singapore (SGD)	-	8.582.000	9.910.571	594.411.684
Russian Rubble (RUB)	222.872.523	-	274.656.915	254.997.729

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.



Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế hợp nhất trong năm của Tổng công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
	Quy đổi VNĐ	Quy đổi VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	<u>58.596.399.206</u>	<u>59.592.025.622</u>

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ giảm/tăng 3.495.431.522 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm/tăng 5.442.425.241 đồng).

Quản lý rủi ro về giá các khoản đầu tư

Tổng công ty chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Tổng công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động chủ yếu trong ngành dầu khí có lịch sử tín dụng tốt đảm bảo đáp ứng được nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn và các khách hàng khác phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào sẽ phát sinh đối với các khoản tiền gửi tại các ngân hàng trong nước có kỳ hạn dưới 01 năm của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho rằng các ngân hàng này đang hoạt động ổn định, được giám sát chặt chẽ bởi Ngân hàng Nhà nước nên sẽ không xảy ra trường hợp các ngân hàng này mất khả năng trả nợ và có thể gây tổn thất cho Tổng công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.949.116.096.040	-	-	6.949.116.096.040
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.845.923.509.751	165.630.160.065	-	4.011.553.669.816
Đầu tư tài chính	2.742.571.586.619	-	27.270.376.519	2.769.841.963.138
	13.537.611.192.410	165.630.160.065	27.270.376.519	13.730.511.728.994
31/12/2019				
Các khoản vay	771.273.458.439	325.107.454.592	259.166.257.454	1.355.547.170.485
Phải trả người bán và phải trả khác	4.542.982.421.497	193.469.385	-	4.543.175.890.882
Chi phí phải trả	2.025.280.989.704	-	-	2.025.280.989.704
Dự phòng phải trả	153.180.406.643	1.578.454.986.813	-	1.731.635.393.456
	7.492.717.276.283	1.903.755.910.790	259.166.257.454	9.655.639.444.527
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.044.893.916.127	(1.738.125.750.725)	(231.895.880.935)	4.074.872.284.467
	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.310.817.196.759	-	-	6.310.817.196.759
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.172.839.781.280	24.992.359.257	-	4.197.832.140.537
Đầu tư tài chính	1.751.207.350.638	-	-	1.751.207.350.638
	12.234.864.328.677	24.992.359.257	-	12.259.856.687.934
31/12/2018				
Các khoản vay	721.241.129.887	174.925.570.871	17.883.453.639	914.050.154.397
Phải trả người bán và phải trả khác	3.700.486.686.418	193.485.885	-	3.700.680.172.303
Chi phí phải trả	1.062.270.517.013	-	-	1.062.270.517.013
Dự phòng phải trả	155.487.912.290	1.419.488.384.982	-	1.574.976.297.272
	5.639.486.245.608	1.594.607.441.738	17.883.453.639	7.251.977.140.985
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.595.378.083.069	(1.569.615.082.481)	(17.883.453.639)	5.007.879.546.949

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản của Tổng công ty ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ đảm bảo được nguồn tiền để thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

010
 CÔNG
 CỔ
 H VI
 D
 VI
 T
 M.S.C.N.0100
 TRÁC
 DI
 V
 QUAN

45. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty trong Tập đoàn
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty trong Tập đoàn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong Nước	Công ty trong Tập đoàn
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	Công ty liên doanh của Tổng công ty
Vietnam Offshore Floating Terminal Limited	Công ty liên doanh của Tổng công ty
PTSC South East Asia Pte. Ltd	Công ty liên doanh của Tổng công ty
PTSC Asia Pacific Pte. Ltd	Công ty liên doanh của Tổng công ty

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	1.647.217.364.079	821.953.798.336
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	626.464.424.824	486.921.350.017
Tổng công ty Khí Việt Nam	493.969.830.144	439.119.052.357
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	281.537.443.843	308.120.464.299
Vietnam Offshore Floating Terminal Limited	282.782.346.744	249.685.7084.10
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong Nước	196.363.225.540	171.307.851.332
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	130.065.210.893	117.265.787.756
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	166.641.125.162	851.519.754.376
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	78.940.701.898	58.531.217.661
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	45.821.438.946	49.059.407.475
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí	43.096.922.269	310.918.106.108

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Mua hàng và dịch vụ		
Các công ty liên doanh/liên kết thuộc Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.401.422.391.670	756.210.950.197
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	221.482.847.953	219.784.247.934
Tổng công ty Khí Việt Nam	112.266.174.035	41.817.876.307
Tổng công ty Dầu Việt Nam	108.758.378.184	120.620.841.734
Công ty Cổ phần LHD Bình Sơn	28.220.963.576	29.316.563.558
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	11.035.632.851	9.514.457.472
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.454.837.144	10.328.164.850
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	8.791.331.644	17.990.082.765
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	8.266.937.000	192.901.769.193
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.812.052.738	16.264.495.253
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.325.949.865	44.516.959.778
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí	3.971.829.919	930.863.752
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	3.177.206.341	18.184.333.987
Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	1.702.215.141	80.282.006
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	1.365.059.611	7.421.651.671

Chi phí lãi vay

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	2.789.687.477	7.869.075.838
---	---------------	---------------

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi trả cổ tức bằng tiền		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	171.829.939.167	229.363.537.210

Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	160.795.174.022
---------------------------	---	-----------------

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tổng công ty được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	19.947.172.000	21.672.178.000

Một số số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản phải thu khách hàng		
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	824.573.552.189	611.036.865.916
Tổng công ty Khí Việt Nam	188.356.913.942	108.607.467.566
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	127.037.356.446	152.911.936.704
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	126.037.622.810	111.331.999.583
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	111.249.988.558	183.126.994.082
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong Nước	73.144.224.118	127.779.145.187
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	43.653.842.715	17.727.280.205
Ban QLDA Công trình liên hợp LHD Nghi Sơn	37.203.110.659	37.203.110.659
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	36.294.484.493	71.678.401.440
Công ty TNHH MTV LHD Bình Sơn	33.461.128.184	58.530.739.993
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	9.089.863.715	28.847.817.305

Các khoản phải thu khác

Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	718.475.815.796	20.553.500.102
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	63.307.769.655	210.752.827.234
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	57.744.327.344	47.256.963.954
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	41.515.071.906	914.622.500
PTSC Asia Pacific Private Limited	20.683.587.643	-
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.199.262.207	-
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí	820.358.222	884.791.730
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	73.555.800	4.922.599.447

31/12/2019

31/12/2018

VND

VND

Phải trả người bán

PTSC Asia Pacific Private Limited	607.367.871.795	368.421.977.726
PTSC South East Asia Private Limited	84.855.361.093	116.413.902.270
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	70.459.191.806	63.015.541.017
Công ty CP TM và DV Kỹ thuật khoan Dầu khí	68.586.968.940	63.015.541.017
Công ty Cổ phần Phát Triển Đô thị Dầu khí	35.166.431.703	35.166.431.703
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	17.991.816.573	17.991.816.573
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	14.064.779.509	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam	4.864.398.357	146.600
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	3.137.737.770	89.542.500
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.200.000.000	-
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	461.934.822	3.604.086.376
Tổng công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	368.847.841	1.398.309.894
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	148.133.700	229.903.740
Tổng công ty Khí Việt Nam	106.238.155	366.338.500
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí	18.600.000	18.600.000

Người mua trả tiền trước

Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	795.524.628.327	838.350.507.176
Tổng công ty Khí Việt Nam	410.180.765.506	13.310.399.729

Phải trả khác

Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	5.240.216.424
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	1.197.798.600	23.648.264.841
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	381.753.040	10.798.843.102

Vay dài hạn

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	18.280.340.815	52.610.850.919
---	----------------	----------------

46. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, Công ty Power Machines ("PM") - thành viên đứng đầu liên danh nhà thầu thực hiện Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 đã gửi đơn kiện đến Trung tâm trọng tài Quốc tế tại Singapore về tranh chấp chưa được giải quyết với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến Hợp đồng EPC số 9488/HĐ-DKVN ngày 27 tháng 12 năm 2013 ký giữa Liên doanh nhà thầu Công ty Power Machines - Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện trên vẫn đang được Trung tâm trọng tài Quốc tế tại Singapore xem xét và chưa có kết luận. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá và tin tưởng rằng vụ kiện sẽ không có ảnh hưởng đến Tổng công ty. Do đó, không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Trong tháng 12 năm 2019, tàu FSO MV12 thuộc sở hữu của Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 ("Rông Đồi"), một công ty liên doanh của Tổng công ty, đang cho khách hàng Korea National Oil Corporation (KNOC) thuê phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại mỏ Rông Đồi, gặp sự cố liên quan đến hệ thống xích neo. Tại ngày lập báo cáo này, tàu FSO MV12 vẫn đang hoạt động phục vụ khai thác dầu cho KNOC và chưa được Rông Đồi lên kế hoạch sửa chữa chi tiết. Cũng tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Rông Đồi và các bên góp vốn liên doanh chưa thống nhất về phương án sửa chữa cũng như dự toán chi tiết cho việc sửa chữa hệ thống xích neo nêu trên. Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng vấn đề này không có ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

47. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Do những diễn biến về dịch bệnh COVID-19 tại Việt nam và các khu vực khác cũng như sự suy giảm giá dầu... trên thế giới gần đây, tiến độ thực hiện và triển khai các dự án trong lĩnh vực dầu khí mà Tổng công ty đang thực hiện có thể bị ảnh hưởng trong năm 2020. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đang đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2020 để xây dựng các kế hoạch ứng phó ngắn hạn và dài hạn nhằm đảm bảo duy trì hoạt động hiệu quả trong tương lai.

48. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

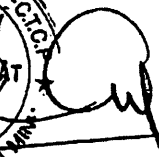
Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 186.485.068.478 đồng (năm 2018: 0 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm đã được căn trừ với khoản ứng trước cho nhà cung cấp ở năm trước. Ngoài ra, tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định cũng chưa bao gồm số tiền 79.163.325.722 đồng là khoản phải trả nhà cung cấp cuối năm. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả.

Thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 70.847.675.886 đồng (năm 2018: 42.554.142.369 đồng) là số tiền lãi phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 16.576.982.829 đồng là cổ tức mà cổ đông chưa nhận tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 (năm 2018: 17.570.581.159 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


Dương Thị Ngọc Quý
Người lập biểu


Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng



Lê Mạnh Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC 


Lê Mạnh Cường